

NGUYỄN HIẾN LÊ
THIỀN GIANG

LỊCH SỬ THẾ GIỚI

TẬP 3



NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN HIẾN LÊ - THIÊN GIANG

LỊCH SỬ
THẾ GIỚI

(III)

THỜI CẬN ĐẠI



NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

PHẦN THỨ NHẤT

THỜI CẬN ĐẠI CHÂU ÂU

CHƯƠNG I

CHÂU ÂU TỪ TRUNG CỔ SANG CẬN ĐẠI

1. *Những bước tiến từ thế kỉ 7 đến 13.*
2. *Giữa Trung cổ và Cận đại ranh giới không rõ ràng.*
3. *Tiến hóa bất đồng giữa Tây Âu và Trung Âu.*

1. Thế kỉ 15, tây bộ châu Âu đã bước sang thời Cận đại. Đặc tính của thời kỉ này là văn minh Tây Âu biến đổi về mọi mặt kinh tế, xã hội, văn hóa.

Từ thế kỉ thứ 7, tình hình xã hội châu Âu hỗn loạn, bắt buộc con người phải sống thành từng nhóm để đến thế kỉ thứ 9 thành lập chế độ phong kiến⁽¹⁾. Trong chế độ này kinh tế, văn hóa đều bị bóp nghẹt trong từng khu vực của lãnh chúa, và địa chủ chuyên bóc lột nông nô.

(1) Xem lại lịch sử thế giới cuốn II.

Đến thế kỉ thứ 11 thương mại bắt đầu phục hồi. Giai cấp tư sản ở thành thị đã đòi được một địa vị độc lập về kinh tế và xã hội. Từ đó thành thị biến thành trung tâm của nền văn minh phục hưng.

Đến thế kỉ thứ 13, phong trào giải phóng thoát ách phong kiến đã khá mạnh và đến thế kỉ 15 thì phần đông dân chúng ở các nước, Ý, Bắc Âu, Anh, Pháp, Ý Pha Nho, không còn là nô nô dính khắn vào miếng đất lành chúa nữa.

2. Thật ra giữa thời Trung cổ và Cận đại không có ranh giới rõ ràng. Trung cổ không phải hoàn toàn tối tăm ngu muội. Thế kỉ 13 thuộc về Trung cổ, chủ nhân của chế độ xã hội này là hoàng đế, lãnh chúa. Nhưng vào thế kỉ ấy, nền kinh tế đã biến đổi và sinh hoạt vật chất lân tinh thần của con người cũng biến đổi theo. Người ta không ăn mặc, nói năng, suy nghĩ như thời Trung cổ, mà đã biết tự tạo lấy một lối sống mới. Đồng thời khuôn khổ quốc gia lớn đã thành lập, nhiều trung tâm thương mại quan trọng đã phát đạt. Với kiến trúc Gothic, nghệ thuật đã đạt tới một trình độ khá cao, giai cấp quý tộc bị giai cấp tư sản lấn áp, nhiều trào lưu tư tưởng mạnh mẽ đã phát động; nhiều đại học đường mở cửa đón tiếp những linh hồn ham tự do, tiến bộ. Khắp trong xã hội phuơng phất một luồng gió nhân bản mới thúc giục con người thoát khỏi ranh giới quốc gia phong kiến để cùng tiến tới một hình thức xã hội rộng rãi hơn.

Tóm lại “Trung cổ và nhất là thế kỉ 13 không phải là

thời kì ngung động. Những thế hệ trẻ trung đều hăng hái hoạt động tìm hiểu cái mới mặc dầu lòng ham muốn của họ có khi còn ngây ngô. Và chính nhò cái tinh thần bắn khoăn ấy mà thời kì Phục hưng xuất hiện⁽¹⁾.

Ngay trong thế kỉ 13, hệ thống lãnh chúa đã suy nhược. Do đó chế độ phong kiến đổ nát và nền quân chủ các xứ Tây Âu được củng cố thêm.

Từ Tây Âu chế độ thành thị xâm nhập vào nước Đức, dọc theo bờ biển Baltique vào thung lũng sông Rhin, sông Danube. Nhưng ở đế quốc Đức thành thị còn ít ỏi và chỉ có một ánh hưởng địa phương. Vùng sông Rhin và Danube cùng tiến triển một nhịp với Tây Âu; trái lại trung bộ nước Đức chế độ lãnh chúa còn được duy trì và củng cố sự bóc lột nhân dân ở đó càng khắc nghiệt thêm, trừ những vùng có hầm mỏ như Bohême và Saxe.

3. Như vậy sự phục hưng của nền văn minh Thượng cổ đi đôi với sự bành trướng kinh tế thành thị và do sự bành trướng kinh tế thành thị quyết định. Nó lan rộng khắp tây bộ và nam bộ châu Âu, nảy nở ở các thành thị thuộc thương nghiệp đồng minh La Hanse, nhưng lại bị hạn chế ở vùng Rhin và Danube. Trung Âu, ngoại trừ Bohême và Saxe, vẫn sống trong chế độ phong kiến một thời gian mấy thế kỉ nữa.

Trong lúc ở Trung Âu bóng tối phong kiến còn dày, nồng nô quần quại dưới ách lãnh chúa, học thuật, tư tưởng

(1) Histoire de l'Humanité, Hendrik Van Loon.

không có điều kiện sinh tồn thì Tây Âu thương nghiệp phát đạt, thành thị phú cường, giai cấp tư sản mãnh tiến, học thuật, văn nghệ nảy nở. Loài người cổ sức làm sống lại nền văn minh La Mã. Mỗi một di tích của nền văn minh ấy còn sót lại trong đô thị (La Mã) điêu tàn có thể làm cho mọi người xúc động, hăng hái như một phát minh vĩ đại ngày nay vậy. Các nhà khảo cứu, các học giả không lãng phí thì giờ vào những lí luận chính trị, viễn vông mà tận lực tìm hiểu nhân loại cùng đời sống thực tế, hành động thiết thực.

Đến thế kỉ 15 thì mọi di sản của thời Trung cổ để lại đều bị kích bác, loại bỏ. Những kè bảo tồn, binh vực các di sản ấy có thể bị khủng bố, trừ diệt như trước kia tôn giáo pháp đình khủng bố, trừ diệt người có tinh thần khoa học vậy.

TÓM TẮT

1. Thế kỉ thứ 7 tình hình xã hội châu Âu hỗn loạn. Đến thế kỉ thứ 9, chế độ phong kiến thành lập, thế kỉ thứ 11 thương mại phục hồi, thành thị phát triển và giai cấp tư sản có một địa vị độc lập. Đến thế kỉ thứ 13, chế độ phong kiến bắt đầu sụp đổ.
2. Thời Cận đại bắt đầu từ thế kỉ thứ 15 nhưng thật ra ranh giới giữa Trung cổ và Cận đại không rõ ràng. Các yếu tố kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa cấu thành thời Cận đại đã xuất hiện vào thế kỉ 13 tức là vào thời Trung cổ.
4. Văn minh bắt đầu phục hồi ở các thành thị nhất là ở Tây Âu, chế độ phong kiến đã sụp đổ và thành thị phát triển rất mau. Kinh tế thành thị và giai cấp tư sản đã tạo cho học thuật, văn nghệ những điều kiện sinh trưởng đầy đủ.

CHƯƠNG II

SỰ PHÁT KIẾN CÁC ĐƯỜNG HÀNG HẢI

1. *Những phát minh lớn.*
2. *Châu Âu mở đường sang Châu Á.*
3. *Những cuộc thám hiểm duyên hải và đại lục Châu Phi:*

Henri le Navigateur, Diego-Gomez, Barthélémy Diaz.

4. *Những phát kiến hàng hải lớn:*

- Vasco de Gama.*
- Kha Luân Bố (Christophe Colomb).*
- Magellan.*

1. Thời Trung cổ, ở châu Âu, người ta đã chế ra được cối xay gió, thủy động cơ, kiềng cổ ngựa, ống bệ lò rèn. Những phát minh ấy cải thiện một phần lớn điều kiện sinh hoạt của con người. Nhưng từ thế kỉ 12 đến 15 có những phát minh khác quan trọng hơn làm cho

nhịp tiến hóa càng thêm mau và bộ mặt xã hội thay đổi hẳn ấy là: địa bàn, thuốc súng, giấy làm bằng giérách, máy in⁽¹⁾.

(1) Địa bàn là kim chỉ nam tự động, luôn luôn quay mũi về phía Bắc, do người Tàu phát minh khoảng ngàn năm trước kỉ nguyên Da Tô và do người Á Rập truyền sang Tây Âu vào dịp Chiến tranh Thập tự. Năm 1300, người Ý cải thiện lại và dùng vào nghề hàng hải. Nhờ nó mà có những cuộc phát kiến hàng hải lớn thời Cận đại. Thuốc súng cũng do người Tàu phát minh và do người Á Rập truyền sang châu Âu. Thuốc súng chế tạo bằng tiêu thạch, lưu hoàng và than thế kỉ 15 trở về sau, thuốc súng thay đổi điều kiện chiến tranh. Giấy cũng do người Tàu chế tạo được từ thế kỉ thứ hai trước kỉ nguyên Da Tô. Năm 751, người Tàu đánh nhau với người Hồi giáo, bị thua ở Samarkande (Trung Á). Trong số tù binh Trung Quốc có nhiều thợ rèn nghề làm giấy dạy nghề ấy lại cho người Á Rập, rồi người Á Rập lại truyền sang châu Âu. Cuối thế kỉ 13. Châu Âu vẫn chưa có giấy tốt. Về sau người Ý mới dụng lén một kỉ nghệ giấy rất phát đạt. Trước kia người Tàu chép sách trên thè tre, người Âu chép trên da thuộc mỏng gọi là giấy da. Sách đã hiềm lai đất. Máy in là một phát minh quan trọng nhất. Sự phát minh ấy chia làm ba giai đoạn. Ban đầu người ta khắc một bảng gỗ, in xong một thứ sách thì bỏ bảng gỗ ấy đi. Thấy cách in ấy lâu và đắt Coster ở Haarlem làm chữ rời bằng gỗ vào khoảng 1446. Sau lại thấy chữ gỗ dễ hư, người ta thay bằng chữ chì. Năm 1450, một người Đức tên Gutenberg ở Mayence chế ra cách sáp chữ. Năm 1455, Gutenberg in cuốn sách đầu tiên là cuốn thánh kinh (Bible). Máy in đầu tiên xuất hiện ở Pháp năm 1470, và năm 1477, Carton lập máy in ở Westminter. Nhưng máy in phát nguyên từ thế kỉ 12. Thế kỉ 14 giấy và máy in là hai lợi khí quan trọng nhất cho sự truyền bá học thuật. Nhờ giấy nhiều và rẻ máy in mới phát đạt được mau chóng. Từ đó tư tưởng khoa học có thể thâm nhập vào một số đông người. Văn chương, nghệ thuật cũng phát triển mạnh.

Thời Trung cổ, người nước nào biết nước ấy. Họ chưa đủ điều kiện để vượt qua những sa mạc mênh mông lạnh như cắt và nóng như thiêu, những đại dương đầy sóng gió. Người Tàu coi Trường An là trung tâm vũ trụ; người châu Âu chỉ biết nước mình và các xứ chung quanh Địa Trung Hải.

Đến thế kỉ 12, thành phố Venise và Gênes giữ độc quyền giao thương giữa châu Âu và Châu Á. Họ theo hai đường. Một đường gọi là “đường lụa” (route de la soie) băng qua Trung Á, nối liền Trung Hoa với Hắc Hải và Syrie. Một đường nữa gọi là “đường hò tiêu” (route du poivre) nối liền Trung Hoa với hải cảng Alexandrie xuyên qua Tích Lan và Hồng Hải.

Tuy thế kỉ 13, cuộc giao thương giữa Trung Hoa và Venise đã thịnh, châu Âu vẫn chưa biết gì về châu Á. Đến khi giáo hoàng Innocent IV và Louis IX sai sứ giả sang triều đình Mông Cổ ở Qaroqorum vào khoảng giữa thế kỉ 13 (1246-1253) và Marco Polo đến Trung Quốc (1271-1291) thì người Âu chú ý đến những vùng xa xăm mà họ gọi chung là “Ấn Độ”⁽¹⁾.

Nhờ sách phổ thông và dễ đọc mà các thổ ngữ được thay thế bằng các thứ tiếng văn hóa căn bản Ý, Anh, Pháp, Y Pha Nho, Đức. Những thứ tiếng ấy dùng vào văn chương riêng của mỗi xứ. Được dùng nhiều nên nó được rèn dũa, thí nghiệm lọc lõi, bổ túc và sau được đem dùng vào việc tranh luận triết học đồng một địa vị với tiếng Hi Lạp, La Tinh. Như vậy máy in là một phát minh quan trọng nhất, nhờ nó mà kiến thức loài người được truyền bá rộng.

(1) Xem lịch sử thế giới thời Trung cổ.

Cuối thế kỉ 14, dân Catalogne bị đuổi khỏi Syrie, tìm thị trường mới ở châu Phi và do đó địa thế các vùng Địa Trung Hải và Bắc Phi được rõ ràng hơn. Nối gót dân Catalogne, người Gênes cũng tới châu Phi tìm được nhiều ngà voi vàng bột, làm cho dân các xứ khác nô nức muốn phiêu lưu tới những nơi xa lạ ấy.

Cuối thế kỉ 15, tầm mắt người châu Âu mở rộng hơn nhiều. Họ tìm ra nam bộ châu Phi, vùng duyên hải Ấn Độ Dương, sau cùng là châu Mỹ.

2. Mục đích các nhà hàng hải thế kỉ 14, 15 tức là mở một đường chăc chắn sang Tàu, Nhật và Ấn Độ tức là những xứ có nhiều gia vị, vàng, lụa, kim cương.

Ngoài lí do kinh tế còn lí do chính trị và tôn giáo. Người Bồ Đào Nha bảo rằng ở nội địa châu Phi có một vị quốc vương tên là Prêtre Jean cầm đầu một đế quốc lớn. Lúc ấy người Bồ Đào Nha xung đột với người Hồi giáo xứ Maroc; họ muốn liên minh với Prêtre Jean để nhờ ông này đánh phía hậu quân Hồi giáo.

Từ trước người châu Âu đã muốn sang Ấn Độ bằng đường thủy mà không được. Sau nhò khoa địa dư và nghè hàng hải phát triển họ mới dám đi lại trên mặt biển.

Thời Trung cổ người ta quan niệm địa cầu là một hình vuông lớn hoặc là một hình tròn như cái đĩa. Nhưng từ Thượng cổ các nhà thông thái Hi Lạp đã dạy là trái đất tròn và chỉ có một đại dương. Các nhà địa dư Á Rập đem những điều dạy ấy truyền sang châu Âu. Đồng thời kĩ thuật

hàng hải được cải thiện. Nhờ có địa bàn, chiêm tinh nghi⁽¹⁾ và bánh lái có trực mà tàu bè đi được vững vàng. Thế kỉ 15, người ta đóng được tàu bè cao có thể chống chọi với sóng lớn. Đó là các tàu của Christophe Colomb và Vasco de Gama.

3. Công khám phá được thế giới là người Bồ Đào Nha và người Ý Pha Nho.

Người Bồ Đào Nha muốn vòng quanh châu Phi, hướng về phía Đông tìm đường sang Ấn Độ.

Đầu thế kỉ 15 (1415) người Bồ Đào Nha vượt eo biển Gibraltar chiếm Ceuta. Sự đi lại theo bờ biển châu Phi được yên ổn. Henri le Navigateur (nhà hàng hải)⁽²⁾ giao cho một ban chuyên môn tổ chức một cuộc thám hiểm có tính cách khoa học. Ông lập một thư viện gồm sách và bản đồ địa lí. Bắt đầu từ năm 1419, mỗi năm có một cuộc thám hiểm. Ngay cuộc đầu, đảo Madère bị chiếm. Nhiều giống cây được đem dang trồng ở đó. (Năm 1444, một công ti độc quyền, lần đầu tiên có công ti độc quyền thành lập, được khai thác đảo với điều kiện nộp cho vua một phần số lời thu được). Năm 1429, đoàn thám hiểm vượt qua Cap Bojador và năm 1445 đến Cap Vert.

Từ 1445, một thương cục được thành lập ở Sénégambie. Tại đó người Bồ Đào Nha liên lạc với những thương đội đi lại các xứ duyên hải và trung tâm thương mại nội địa châu

(1) Của người Trung Hoa, người Á Rập học theo. Người ta biết nhìn sao và định vị trí chắc chắn của tàu khi ra khơi.

(2) Quốc vương Bồ Đào Nha.

Phi là Tombouctou. Người châu Á lúc này mới biết được thế giới da đen mà người Hồi giáo đã biết từ lâu, Henri le Navigateur liền giao cho Diego Gomez thám hiểm trung tâm châu Phi.

Khi tiếp xúc với người da đen châu Phi, người Âu trong tay có sẵn súng đồng, không đè nổi lòng tham. Họ tổ chức lại công việc buôn bán nô lệ mà từ thế kỉ thứ 10 họ đã bỏ cho người Hồi giáo làm. Năm 1452, giáo hoàng xứ Y Pha Nho Calixte III kí sắc lệnh cho Henri le Navigateur bắt thổ dân những đất khám phá được làm nô lệ. Ngày kí sắc lệnh ấy là ngày ám đạm nhất trong lịch sử chế độ thực dân.

Henri le Navigateur mất chưa bao lâu (1468), việc mở mang đất thực dân theo đà với việc buôn bán nô lệ tiến bộ rất chóng. Năm 1480 người Bồ Đào Nha chiếm cứ vùng hạ lưu sông Congo. Dân xứ này tiếp đón họ rất tử tế và theo đạo Da Tô họ đem tới truyền bá. Họ khai mỏ và tổ chức việc buôn bán ngà voi, các thứ thổ sản với người bản xứ. Họ thành lập một trung tâm truyền bá văn minh Bồ Đào Nha. Nhiều thổ dân da đen được chọn làm giáo sĩ và có nhiều cuộc hôn nhân giữa người da đen và người Bồ Đào Nha.

Cuộc thám hiểm vẫn tiếp tục. Phía Bắc người Bồ Đào Nha chiếm đóng Ceuta. Rồi từ đó họ tiến tới Aupa, 1463⁽¹⁾ và Tanger, 1471 để liên lạc với giáo sĩ Jean (1487). Phía Tây, họ vô tới Tombouctou và thung lũng Congo. Tại Trung Phi, một quốc gia người da đen được thành lập.

(1) Nay là Casablanca.

Phía Nam, qua khói xích đạo các nhà hàng hải dbn gặp nhiều trở ngại lớn. Nhờ chiêm tinh nghi họ đo chiều cao của sao Bắc Đẩu phía trên chân trời, định vị trí của tàu khi ra khơi. Nhưng khi sang Nam bán cầu, sao Bắc Đẩu không thấy được nữa. Năm 1484, người Bồ Đào Nha phải nhờ đến một nhà địa dư học người Đức tên là Martin Beham theo vị trí mặt trời mà định vị trí tàu khi qua khói xích đạo.

Năm 1487 Barthélémy Diaz theo đường biển tìm giáo sĩ Jean. Đến mũi cực nam châu Phi, ông thấy bão tố nhiều nên gọi mũi này là Cap de la Tempête. Về sau người Bồ Đào Nha theo chun ông tới đây, thấy này ra cái hi vọng vòng qua phía Đông tìm đường sang Ấn Độ, nên gọi mũi này là Hảo Vọng Giác (Cap de Bonne Espérance). Con đường Ấn Độ từ đó được khai thông. Pierre de Covilham sang Ai Cập để thám hiểm bờ biển Hồng Hải(1) và do đường Hồng Hải tới Ấn Độ. Ông tiến về phía Nam dọc theo Ai Cập, tới Aden vượt qua vịnh Ba Tư, tới thành Goa, Calicut một thị trường gia vị lớn trên duyên hải Ấn Độ. Từ đó ông quay trở về bờ biển phía Đông châu Phi, xuống tận Zanzibar, một hải cảng lớn người Á Rập đã lập ra từ mấy thế kỉ trước. Ông lại về La Mecque và Médine, và 1490 ông về tìm gặp vua xứ Abyssinie mà người ta gọi là giáo sĩ Jean.

4. a) Dựa vào phúc trình của Covilham, Vasco de Gama mười năm sau (1497) mở con đường hàng hải từ châu Âu qua Ấn Độ Dương. Ông vòng quanh châu Phi theo con

(1) Thời Thượng cổ người La Mã đã từng quen thuộc bờ biển Hồng Hải.

đường Barthélémy Diaz hồi trước, đi ngược lên duyên hải phía Đông châu Phi đến Zanzibar. Từ đó ông nhờ thủy thủ Á Rập dẫn đường và thuận chiều gió mùa thổi từ Nam sang Tây ông cập bến thương cảng Calicut và Goa trên duyên hải xứ Malabar. Cuộc thám hiểm ấy tốn hết 200.000 ducats Bồ Đào Nha, nhưng tiền bán gia vị ông chờ về đến 1.000.000. thấy lợi lớn, người ta càng hăng hái trong công việc thám hiểm hơn nữa.

Việc người Bồ Đào Nha khuếch trương đường hàng hải là một việc quan trọng. Từ cuối thế kỉ 11 về sau người châu Âu lấy biển làm đường giao dịch huyết mạch giữa các nước trên đại lục và nối tiếp xúc giữa châu Âu và Cận đông. Nhưng muốn giao thiệp với Ba Tư, Ấn Độ và Trung Hoa châu Âu phải nhờ Syrie hoặc Alexandrie làm trung gian.

Mở được các đường hàng hải trên đại dương, Bồ Đào Nha có thể tiếp xúc ngay với châu Phi và châu Á, thâu tóm được những nguồn lợi khổng lồ. Họ làm chủ 20.000 cây số duyên hải và đủ sức nắm giữ độc quyền.

Đầu thế kỉ 16 (1502) kí xong hiệp ước với quốc vương Calicut, Vasco de Gama qua Ấn Độ với 20 chiếc tàu. Biển Ấn Độ hồi đó thuộc phạm vi hoạt động của Á Rập. Họ làm chủ hải cảng Mascate ở biển Oman, hải cảng Zanzibar ở bờ biển châu Phi; chiếm Ormuzd, họ giữ các đường qua Ba Tư, và nhờ hải cảng Aden, họ làm chủ Hồng Hải. Họ kiểm soát các đường giao thương giữa Ấn Độ, Ba Tư với Trung Hoa và châu Phi.

Người Bồ Đào Nha quyết tranh giành các đường ấy

với người Á Rập. Á Rập thất thế, kinh tế châu Âu chịu ảnh hưởng hết sức nặng. Con đường Hồng Hải bị cắt đứt, sự giao thông với Ấn Độ bị gián đoạn. Hai hải cảng Venise và Alexandrie không mua được gia vị Ấn Độ, phải lâm nguy. Ai Cập cũng ở trong tình cảnh ấy. Những cuộc liên minh chống Bồ Đào Nha đều bị nước này đánh tan (1509).

Người Bồ Đào Nha làm chủ biển Ấn Độ. Viên thống đốc Albuquerque chiếm các hải cảng chính trên bờ biển Malabar, đóng đô tại Goa, một thành thị quan trọng nhất và đặt đồn tại Malacca kiểm soát cả con đường từ Ấn Độ sang Trung Hoa, lập nhiều hàng buôn tại Java, quần áo Molusques, nơi sản xuất nhiều gia vị.

Họ chiếm Tích Lan (1518) phía Nam Ấn Độ, lập thành một trạm giữa đường Trung Hoa và Tây Âu. Từ đó họ nắm hết công cuộc giao thương trên mặt biển Ấn Độ và đóng một vai trò quan trọng trong nền kinh tế Ấn Độ - Trung Hoa.

Trong lúc người Bồ Đào Nha chiếm cứ bờ biển Malabar thì các quốc vương Thổ Nhĩ Kỳ ở Ấn Độ cũng từ Delhi tràn xuống phía Nam. Người Bồ Đào Nha giúp người Ấn Độ chống lại người Thổ, được người Ấn Độ nhường cho tỉnh Bombay và một vùng đất phụ cận lớn (1534).

Trong vòng 30 năm người Bồ Đào Nha đoạt hẳn chủ quyền kinh tế của các dân tộc chung quanh Địa Trung Hải.

b) Khi người Bồ Đào Nha hướng về phía đông tìm đường sang Ấn Độ thì Kha Luân Bố (Christophe Colomb), nhà hàng hải danh tiếng nước Ý⁽¹⁾ lại hướng về phía Tây. Theo ý Kha Luân Bố thì địa cầu không lớn lăm. Nhật Bản

có thể nằm trong Đại Tây Dương. Thoạt tiên ông tới xin vua Jean II của Bồ Đào Nha giúp ông mở con đường ấy, nhưng bị từ khuếc⁽²⁾.

Ông đến ra mắt quốc vương Y Pha Nho và gặp thất bại một lần nữa. Y Pha Nho còn bận giải phóng Grenade, thành phố cuối cùng còn bị người Hồi giáo chiếm⁽³⁾. Thất vọng ông sai em là Bartholomé sang Anh, nhưng vua Henri VII cũng không khứng. Đến năm 1492, chiếm lại được thành Grenade, Hoàng hậu Isabelle de Castille mới thành lập một hợp tư hội xá đem thực hiện kế hoạch của ông.

Ngày 3 tháng Tám ông rời hải cảng Palos cùng 3 chiếc tàu và 88 thủy thủ, phần đông là bọn tù đày sát nhân.

Ông mang theo thư ủy nhiệm của vua Y Pha Nho gởi cho các hoàng đế Trung Hoa và Nhật Bản. Nhưng thay vì tới các nước này, ông gặp đảo Cuba và Saint Domingue. Ông đã tìm ra châu Mĩ⁽¹⁾.

Đầu năm 1493, Kha Luân Bố trở về châu Âu, để lại Mĩ 44 người (số người này về sau bị thổ dân giết hết). Ông

(1) Sanh trưởng tại Gênes năm 1451. Sách Cours complet d'Histoire của Malet, Isaac, Béjean nói ông sinh năm 1450.

(2) Jean II âm thầm đem kế hoạch của Cobomb thực hành nhưng bị thất bại. Nửa đường đoàn thủy thủ nổi loạn, viên thuyền trưởng phải trở về (1473).

(3) Thời Trung cổ Y Pha Nho bị người Hồi giáo chiếm (Xem Lịch sử Thế giới II).

đem theo vàng, vải, cầm thú lạ và hai người thổ dân, mình vẽ, mắt lợ. Bên châu Âu người ta đoán là ông tìm ra Ấn Độ chứ không phải Nhật Bản. Cũng như ông, không ai ngờ đó là đất mới.

Về sau ông còn sang Mĩ ba lần nữa tìm được quần đảo Antilles. Đến lúc lâm chung (1506) ông vẫn tưởng các đảo ấy là vùng phụ cận Ấn Độ. Người châu Âu cũng theo ông mà gọi là Tây Ấn (Indes occidentales) và dân ở đó được gọi là “Indiens” (người Ấn Độ).

c) Tuy nhiên người ta vẫn hoài nghi còn có một thế giới mới nữa. Nhiều hàng hải cố sức khám phá sự thật. Nhưng đến 1513, bảy năm sau ngày Kha Luân Bố qua đời. Vasco Nunez de Balboa tới eo biển Panama leo lên đỉnh núi Darien, trông thấy Thái Bình Dương. Năm 1519, một đoàn tàu năm chiếc của Y Pha Nho do Ferdinand de Magellan người Bồ Đào Nha chỉ huy, đi vòng quanh địa cầu. Magellan tới Ba Tây, dọc theo duyên hải Nam Mĩ, tìm ra eo biển sau này mang tên ông. Vượt qua eo biển ấy, ông đến một

(1) Cuộc du hành này mất hết hai tháng chín ngày. Thủy thủ đều hoài nghi và lo sợ. Trước mắt họ trời biển mênh mông; họ e phải lình đình đến màn kiếp giữa sóng gió. Thỉnh thoảng thấy vài con hải điêu bay qua họ mới yên lòng. Rồi họ vớt được một cây sao có dấu tay người dèo gợt và một nhánh cây có trái họ chưa từng thấy. Muỗi giờ tối 11 tháng 10 họ trông thấy một ánh sáng. Hôm sau đất đã hiện ra và hôm sau nữa lúc tinh sương Kha Luân Bố đặt chân lên bờ biển một thế giới mới, ăn mặc rất sang trọng, tay cầm lá cờ nước Y Pha Nho.

biển lớn không có sóng gió, ông mang danh là “Thái Bình Dương”. Tới Phi Luật Tân, ông bị thổ dân giết trong một cuộc xung đột. Thủ hạ ông là Del Cana về được Y Pha Nho theo đường Hảo Vọng Giác. Cuộc du hành của Magellan tốn hết ba năm (1519-1522). Từ đó người ta bắt đầu biết rõ địa cầu hơn. Nhưng trên bản đồ người ta còn vẽ châu Mĩ như một bán đảo dính liền với châu Á về phía Bắc.

Người Anh, Pháp, Hòa Lan mải mê sau mới theo chân người Y Pha Nho, Bồ Đào Nha trong công việc mở đường hàng hải. Thay vì đi về phía nam như Vasco De Gama và Magellan⁽¹⁾ họ lại đi về phía Bắc vòng quanh Bắc Mĩ và châu Á. Nhưng họ không thành công.

(1) Chuyến đi của Magellan so với chuyến đi của Colomb gay go hơn nhiều. Trong 98 ngày, Magellan linh dính giữa trời biển bao la, thỉnh thoảng mới thấy vài hòn đảo vắng tanh. Thủy thủ hầu hết mắc bệnh hoại huyết (vì thiếu sinh tố). Nước da ít mà lại xấu. Đồ ăn thì chỉ có một thứ bánh khô mục nát, hôi thối. Người ta ăn thịt chuột, ăn da khô và mạc cưa để đỡ đói. Magellan ra đi với có 5 chiếc tàu và 280 người. Tháng Bảy năm 1522 chỉ còn chiếc Victoria với 31 người trở về tới Đại Tây Dương.

TÓM TẮT

1. Thời Trung cổ ngoài vùng mình ở, người ta chưa biết những vùng khác trên địa cầu. Thế kỉ 12, 13 các thương nhân Ý đã buôn bán lụa và gia vị với Trung Hoa nhưng người châu Âu chưa biết gì về châu Á mà họ gọi chung là Ấn Độ. Cuối thế kỉ 14, dân Catalogne mở rộng thị trường tới châu Phi và cuối thế kỉ 15, họ tiến tới Nam bộ châu Phi, vùng duyên hải Ấn Độ và châu Mỹ.

2. Các nhà hàng hải tìm đường sang Tàu, Nhật, Ấn Độ để buôn bán gia vị, vàng, lụa, kim cương. Nhờ có địa bàn, chiêm tinh nghi, khoa địa dư và tàu lớn mà thế kỉ 15 các nhà hàng hải dám vượt qua đại dương mà từ trước tới nay họ e ngại.

3. Bắt đầu Henri Le Navigateur tổ chức thám hiểm bờ biển và trung tâm châu Phi. Giữa thế kỉ 15, người Bồ Đào Nha mở mang việc buôn bán trên đại lục châu Phi và tiếp tục thám hiểm tìm tới Hảo Vọng Giác (Cap De Bonne Esperance). Con đường Ấn Độ được khai thông.

Tiếp theo đó, Vasco de Gama vòng quanh châu Phi tới Zanzibar rồi Calicut ở Ấn Độ. Từ đó người Bồ Đào Nha làm chủ mặt biển, kiểm soát đường giao thương giữa Ấn Độ, Ba Tư, Trung Hoa và châu Phi.

Trong lúc đó thì Kha Luân Bố đi về phía Tây tìm được châu Mĩ năm 1492. Kế năm 1519, đoàn thám hiểm Magellan hướng về phía Tây nam, vòng quanh Nam Mĩ, băng qua Thái Bình Dương tới Phi Luật Tân, rồi tìm đường qua biển Án Độ vòng quanh châu Phi và trở về Bồ Đào Nha khi vòng quanh thế giới trong 3 năm.

CHƯƠNG III

SỰ MỎ MANG ĐẤT THỰC DÂN

1. *Vua Bồ Đào Nha giữ độc quyền thương mãi.*
2. *Người Y Pha Nho chinh phục châu Mĩ:*
 - Cortez chiếm Mẽ Tây Cực.*
 - Pizarre chiếm Pérou.*
3. *Chính sách thực dân của Y Pha Nho.*
4. *Ảnh hưởng sự mỏ mang đất thực dân trên thế giới và Y Pha Nho.*

1. Thế kỉ 15, khi người Bồ Đào Nha và Y Pha Nho chiếm đất thực dân thì phần đông các nước châu Âu về kinh tế đã hướng theo chiều tư bản chủ nghĩa, về chính trị áp dụng chính sách quân chủ chuyên chế. Tại Bồ Đào Nha, một nước nhiều thị trường nhất, vua Jean II (1495-1521) không thèm triệu tập quốc hội nữa.

Vua chiếm hết các nguồn lợi ở thuộc địa⁽¹⁾. Từ năm 1503, vua đứng ra mua gia vị, cho bọn trung gian bán lại. Lợi về phần vua từ 50 đến 60%.

(1) Jean II giành được độc quyền buôn nô lệ da đen. Vua Emmanuel le Fortuné giữ độc quyền gia vị.

Ở Ba Tây, lúc đầu người Bồ Đào Nha nào cũng được tối buôn bán miễn là chịu nộp 10% tiền lời mua bán nô lệ và 28% tiền lời các thứ hàng hóa nhập cảng khác. Nhưng về sau bọn quan lại chiếm độc quyền thương mại.

Từ thế kỉ 16 trở đi vua Bồ Đào Nha trực tiếp tổ chức công việc cai trị thuộc địa để củng cố uy quyền của họ ở đó. Các hội buôn ở Ấn Độ, châu Phi và Ba Tây dần dần lọt vào các xí nghiệp thương mại vĩ đại do vua làm chủ.

2. Người Y Pha Nho khi tìm được Tân thế giới chỉ chiếm giữ quần đảo Antilles. Họ bắt đầu khai khẩn đồn điền. Thổ dân làm việc cực khổ đến nỗi phải chết từng đam. Năm 1492, tại đảo Saint Domingue dân số có đến mấy chục vạn mà vài mươi năm sau (1514) chỉ còn độ trên một vạn. Các giáo sĩ Dominicains sang truyền đạo lên tiếng phản đối, nhưng bọn thực dân không thèm nghe. Đầu thế kỉ 16, dân bản xứ không đủ dùng, bọn thực dân đem nô lệ da đen từ châu Phi tới Antilles. Đến khoảng 1509-1512, người Y Pha Nho phát triển chế độ thực dân tới các đảo Cuba và Jamaique.

Dời vua Charles Quint, người Y Pha Nho mới bắt đầu xâm lăng đại lục Mĩ. Hồi ấy phần đông các giống dân châu Mĩ còn man rợ lắm. Nhưng ở Mĩ Tây Cơ và Pérou đã có nhiều quốc gia khá văn minh.

a) Trước khi Cortez tới Mĩ Tây ⁽¹⁾ giống người Aztèque đã tổ chức ở đây một đế quốc được 150 năm, họ

(1) (1-2) Từ năm 1519 đến 1522, Fernand Cortez đem 700 người, 10 cây đại bác tới chiếm Mĩ Tây Cơ. Từ năm 1532-1535 Francois Pizarre và Almagro chiếm Pérou.

thống trị người Tolièque văn minh hơn họ. Cũng như người châu Âu vào thời Trung cổ, người Aztèque chỉ thành giai cấp: giáo sĩ và võ sĩ, nông gia và thương gia. Đầu là hoàng đế có quyền thiêng liêng tuyệt đối, đóng đô tại Mexico thành lập từ năm 1325. Thành phố của họ tổ chức rất khéo: có công viên, lâu đài, nhà xây bằng đá khối, chùa chiền có chóp hình tháp nhọn. Theo lời Cortez thì Mexico cũng vĩ đại như Séville, Coredoe, đường sá rộng và thẳng, hai bên có tiệm thuốc, nhà hàng, thợ cạo, thầy thuốc v.v... Lối tin ngưỡng của họ còn man rợ. Người Aztèque giết người để cúng thần. Năm 1480 họ giết tới 20 ngàn người để làm lê xây một ngôi chùa.

b) Tại Pérou⁽¹⁾ người Quichuas cũng đã tổ chức thành quốc gia. Cảm đầu là một vị hoàng đế thuộc bộ lạc Inca tự nhận là con Thái Dương Thần. Tất cả tài sản trong nước đều thuộc hoàng đế. Mọi nhu cầu đều do hoàng đế sai quan lại phân phát cho dân. Thành phố đều được kiến trúc rất mĩ lệ. Các con đường nối liền thủ đô Cuzco và các thành phố lân cận đều có lát đá.

Người Y Pha Nho đánh chiếm các xứ dã dàng là nhờ có dân bản xứ giúp sức, nhất là các giống dân bị người Aztèques đô hộ. Tuy vậy, đối với họ người châu Âu tỏ ra hết sức tàn

Lần lượt các xứ Vénézuéla (1520-1540) Yatakan (1527-1547) Colombie (1538) Chili (1540) Argentine. Paraguay vào nửa sau thế kỉ 16 đều bị sáp nhập vào thuộc địa mêm mông này.

(1) Conseil suprême des Indes.

ác, giảo quyệt. Vua Inca tiếp đón Pizarre và Almagro rất nồng hậu, nhưng sau khi làm lễ rửa tội xong thì Pizarre và Almagro lại thiêu sống ông để đoạt cửa. Dân chúng bị tàn sát nhiều lắm. Trên lãnh thổ Yucatan sáu chục thành phố bị phá hoại đủ chứng tỏ kẻ xâm lăng tàn bạo tới bực nào.

Dần dần người Y Pha Nho chiếm cả đại lục trừ xứ Ba Tây của người Bồ Đào Nha và vùng Đông Bắc Bắc Mỹ đến thế kỉ 16 bị người Anh và Pháp chiếm cứ.

3. Một chế độ thuộc địa được thành lập. Tại mỗi thuộc địa có đặt một vị phó vương từ Y Pha Nho phái sang. Tại chánh quốc có một hội đồng thuộc địa tối cao⁽¹⁾. Chánh quốc giữ độc quyền giao thương với thuộc địa và hải cảng duy nhất được dùng là Séville.

Việc khẩn đất thi triều đình giao cho các tay thực dân trong hàng quý tộc. Những đồn điền chiếm trọn những tinh lớn, trong đó dân chúng bị bắt buộc phải làm nô nô.

Năm 1530, các mỏ bạc ở Pérou do tư nhân khai thác, nhưng số bạc khai thác được phải bán lại cho vua (Charles Quint). Tại các mỏ này dân chúng còn bị đày đọa thảm khốc hơn ở các đồn điền nữa.

Vua Charles Quint nhiều lần ra sắc lệnh bãi bỏ chế độ nô lệ và đem văn minh châu Âu sang truyền bá. Nhưng sắc lệnh ấy không được thi hành. Tất cả các chủ trương nhân đạo đều bị bọn thực dân phủ nhận hết. Nhưng đạo luật công bố năm 1542 dự định bãi bỏ chế độ nô lệ và bắt

(1) Conseil suprême des Indes.

buộc dùng ngôn ngữ bản xứ làm ngôn ngữ chính trong việc cai trị đều bị họ chống lại. Họ đã ám sát vị phó vương Pérou vì ông này toan đem thi hành các đạo luật nói trên.

Trong cuộc mở mang thuộc địa, giáo hội La Mã là một tay cộng sự chính của vua. Tuy làm một lợi khí thống trị, giáo hội nhờ có các giáo sĩ Dominicains và Jesuites, đã che chở cho dân chúng bản xứ một phần nào.

Vua Charles Quint khuyến khích người Y Pha Nho di cư sang Mĩ. Cuối đời ông, hơn trăm ngàn người sang ở vĩnh viễn bên ấy, hầu hết đều ở phía bờ biển Đại Tây Dương.

4. Sự phát triển các đường hàng hải của người Bồ Đào Nha và sự mở mang đế quốc thực dân của người Y Pha Nho gây nhiều ảnh hưởng quan trọng cho nền kinh tế thế giới.

Ảnh hưởng đầu tiên là các đường giao thương giữa châu Á và châu Âu thay đổi làm cho các hải cảng Đại Tây Dương phát đạt mà các hải cảng Địa Trung Hải sa sút⁽¹⁾.

Từ năm 1531, bạc và vàng được chở từ Y Pha Nho rất nhiều. Nhưng số bạc, vàng ấy chỉ có nhà vua được quyền dùng mà thôi. Nhà vua không dùng vào việc phát triển kinh tế trong xứ mà lại dùng vào chiến tranh chiếm ngôi bá chủ, vào đời sống kiêu xa ở triều đình. Giá sinh hoạt

(1) Khi người châu Âu dùng đại dương vào việc thương mại thì đường hàng hải bùa kháp thế giới. Con đường giao vị của người Bồ Đào Nha bắt đầu từ Quảng Châu, qua eo biển Malacca, ghé hải cảng Ấn Độ, vòng quanh châu Phi, đi ngang Guinée, quần đảo Canaries và Madères, tới Lisbone. Con đường “vàng bạc” bắt đầu từ Pérou, đi dọc theo duyên hải Nam Mĩ phía Thái Bình Dương, vượt eo biển Magellan tới Cadix.

mỗi ngày một lên cao. Y Pha Nho lụn bại dần. Kĩ nghệ trong nước không thỏa mãn được nhu cầu dân chúng. Do đó hàng hóa ngoại quốc tràn vào trong xứ. Vàng bạc phần nhiều lọt vào tay các thương nhân, và các chủ ngân hàng ở Augsbourg và Anvers. Trong xã hội mất quân bình ấy, giai cấp cần lao đói khổ, giai cấp quý tộc thất thế, giai cấp tư sản càng ngày càng mạnh. Như vậy nhà vua chiếm lấy vàng bạc mà không dùng đúng cách làm cho Y Pha Nho thế kỉ 15 có mòn phát triển, mà đến thế kỉ sau phải lâm vào tình trạng khốn đốn.

Về mặt tinh thần, kiến thức loài người nhờ những phát kiến vĩ đại ấy mà mở rộng thêm. Những điều mới lạ thúc tinh óc khoa học, thúc giục con người lao mình vào công cuộc tìm tòi, nghiên cứu.

Những lý thuyết mơ hồ, huyền hoặc, những tín ngưỡng hoang đường đều bị đánh đổ.

Ngoài ra còn có con đường nối liền quần đảo Antilles và duyên hải xứ Mê Tây Cơ và Y Pha Nho. Hai hải cảng này giao thiệp trực tiếp với Anvers (Hòa Lan), và thành phố này thay cho Bruges, trở thành trung tâm các đường giao thông quốc tế về đường thủy và đường bộ. Tuy nhiên Địa Trung Hải vẫn còn quan trọng vì con đường lụa (vận tải hàng lụa) còn băng qua đó. Con đường này bắt đầu từ Trung Hoa xuyên Trung Á, Ba Tư để tới Constantinople (thủ đô Thổ Nhĩ Kỳ). Từ đây thương thuyền Venise tổ chức sự liên lạc với Tây Âu (đầu thế kỉ 16). Giữa thế kỉ 16, nước Pháp mạnh lên, hải cảng Marseille sau này chiếm địa vị của Venise, mở một con đường mới nữa. Phía Bắc, Luân Đôn lấn át thương nghiệp đồng minh La Hanse của Đức trở thành một trung tâm giao thông hàng hải nối liền Anvers, Rouen, Bordeaux, Venise. (Les grands courants de l'Histoire Universelle, J. Pirenne).

TÓM TẮT

1. Thế kỉ thứ 15, chính thể quân chủ chuyên chế thịnh hành ở châu Âu. Vua chiếm hết quyền lợi kinh tế và chính trị. Vua Bồ Đào Nha giữ độc quyền thương mãi ở các thuộc địa Ấn Độ, châu Phi và Ba Tây.
2. Người Y Pha Nho mờ mang chế độ thực dân, hết sức đàn áp dân bản xứ. Cortez chiếm Mẽ Tây Cờ, Pizarre chiếm Pérou, họ dùng thủ đoạn tàn ác giảo quyết để cướp của. Không bao lâu họ chiếm cả đại lục.
3. Y Pha Nho tổ chức chính phủ thuộc địa, giao cho bọn tư sản, quý tộc mờ đòn điền, khai mỏ bạc, mỏ vàng bóc lột dân bản xứ rất dã man. Vua Charles Quint khuyến khích người Y Pha Nho di cư sang Mĩ.
4. Người Bồ Đào Nha mờ đường hàng hải mới làm cho thương mãi Đại Tây Dương phát đạt mà thương mãi Địa Trung Hải sa sút. Đồng thời vàng bạc chờ về Y Pha Nho chỉ lợi cho bọn thương nhân ngoại quốc, còn dân chúng thì đói khổ vì giá sinh hoạt lên cao. Quốc dân lâm vào tình trạng khốn đốn. Trái lại khoa học nhờ đó mà tiến bộ, học thuật nhờ đó mà phát triển.

CHƯƠNG IV

VĂN NGHỆ PHỤC HƯNG

1. Điều kiện phát sinh Văn nghệ phục hưng.
 2. Cổ điển học.
 3. Văn nghệ phục hưng ở Ý.
 - a) Văn chương, triết học.
 - b) Kiến trúc, hội họa, điêu khắc.
 4. Văn nghệ phục hưng ở Hòa Lan.
 5. Ở Đức, Ý Pha Nho.
 6. Tính cách căn bản của Văn nghệ phục hưng.
1. Thời Thượng cổ nhân loại đã có một văn minh khá cao⁽¹⁾, nhưng đến thời Trung cổ, đế quốc La Mã bị các rợ xâm lăng, rồi kể đó chế độ phong kiến thành lập, văn minh ấy bị phá hoại gần hết. Đến thời Cận đại, nhờ khoa học phát minh, kinh tế phát triển mà người ta có ý làm cho nó sống lại. Sự làm cho văn minh sống lại ấy, sử gia gọi là Văn

(1) Đọc “Lịch sử Thế giới”, cuốn I của Nguyễn Hiến Lê.

nghệ phục hưng. Các phần tử ưu tú nhất của xã hội tận lực cứu văn văn minh cổ của La Mã, Hi Lạp, thâu thập những di sản quý báu dùng vào việc kiến tạo một văn minh mới.

Như ta đã thấy ở chương trên, yếu tố gây ra Văn nghệ phục hưng đã mạnh nha trong thời Trung cổ, được kết tinh vào thế kỉ 13, nhưng đến thế kỉ 14 thì chế độ phong kiến sụp đổ, khắp Tây Âu gây nhiều khủng hoảng dữ dội về mặt kinh tế, xã hội, chính trị, tôn giáo. Ở thành thị dân chúng cản lao đài cướp chính quyền, ở thôn quê nông dân nổi lên bạo động; tại triều đình giai cấp tư sản cho đại diện tham gia chính phủ. Chế độ quân chủ thay cho chế độ lãnh chúa và thoát li quyền giám hộ của giáo hoàng.

Bao nhiêu việc ấy làm cho con người hướng về một đời sống mạnh mẽ hơn, tốt đẹp hơn. Họ dựa vào di sản quá khứ để xây dựng tương lai.

2. Văn minh Thượng cổ là cả một kho tàng vô giá, trong đó các học giả có thể học hỏi được nhiều. Các nhà Cổ điển học hết sức tìm tòi nghiên cứu những kiệt tác bấy lâu bị quên bỏ hay thất lạc.

Những áng văn xưa được họ sưu tập, khảo sát kĩ lưỡng. Họ bổ sung lại trong bản chính những điều người chép sách chép lại, rồi đem ra giảng giải thật rõ ràng. Nhờ tiếp xúc với cổ nhân như vậy mà họ thích tư tưởng tự do và biết suy luận chắc chắn. Một tinh thần mới do đó phát hiện, tức là tinh thần phê phán và xét đoán tự do của thời Cận đại.

Cổ điển học gây được nhiều kết quả tốt đẹp trong giáo dục, văn chương và khoa học.

Thời Thượng cổ các trường đại học dùng phương pháp kinh viện để đào tạo những người có tài lí luận, biện bác. Các nhà Cổ điển học sửa đổi lối dạy ấy. Họ kịch liệt công kích phương pháp kinh viện, dùng khoa cổ điển tức là sự khảo cứu bình luận những tác giả cổ làm then chốt cho việc giáo dục. Chuyển ngữ thì ngoài tiếng La Tinh họ còn dùng thêm tiếng Hi Lạp mà thời Trung cổ không biết. Về tin ngưỡng họ vẫn tung phục giáo đường, nhưng họ chủ trương tự do tìm chân lí.

3. a) Nơi phát huy phong trào Văn nghệ phục hưng là nước Ý, một nước giàu có nhất châu Âu bấy giờ. Tại Ý các di sản nghệ thuật thời Thượng cổ lưu lại đã nhiều mà người nhàn rỗi biết thường thức và bảo vệ Văn nghệ lại đông⁽¹⁾.

Thi sĩ Pétrarque, văn sĩ Boccace, nhà kiến trúc Brunellesco nhà điêu khắc Danatello là những bậc tiền khu phong trào Văn nghệ phục hưng ở Ý và thế giới⁽²⁾. Nhưng phong trào ấy có một tính cách quan trọng đặc biệt là nó từ phạm vi Văn nghệ tràn qua phạm vi triết học. Năm 1440 Plethon

(1) Thời Trung cổ, Florence, Venise là những đô thị phú cường nhất nước Ý và hoàn cầu. Những chủ ngân hàng, đại thương nhân và giám mục các đô thị này tỏ ra yêu mến Văn nghệ hơn hết. Giáo hoàng Léon X ở La Mã rất có công với Văn nghệ phục hưng.

(2) Pétrarque viết bản anh hùng ca Africa về chiến tranh giữa La Mã và Carthages, Boccace viết tập chuyện đời xưa. Décaméron mở đầu lối văn xuôi ở Ý; Brunellesco dùng lối kiến trúc La Mã để làm những đền đài ở thành Florence, Danatello bỏ lối kiến trúc Trung cổ và phỏng theo những tượng bán thân La Mã.

người Hi Lạp sáng lập ở Florence một hàn lâm viện, tại đó người ta dùng duy tâm luận của Platon làm phương tiện cứu văn tinh thần đạo Da Tô. Kế đó, thành Byzance bị chiếm, các văn nhân Hi Lạp kéo tới Ý rất đông. Thành Florence biến thành cơ sở văn hóa Hi Lạp thay cho Constantinople. Tại Florence nhờ sự phát triển kinh tế và nghệ thuật, văn hóa Hi Lạp trước kia đã bị nghẹt thở ở Constantinople, được phục hưng một cách rất mạnh mẽ⁽¹⁾.

Đồng thời với sự truy tầm ngôn ngữ Thượng cổ, các học giả đem áp dụng phương pháp khoa học vào công việc khảo cứu. Họ gạt bỏ mọi khuôn thước độc đoán mà phát dương quan điểm khoa học.

Triều đình La Mã bỏ tiếng La Tinh Thượng cổ và dùng tiếng La Tinh cổ điển thay thế. Guichardin khôi phục lại sử học và khảo cứu các thời xưa, Machiavel trong tập khái luận chính trị “Le Prince” thành lập khoa chính trị và đưa ra quan niệm về quốc gia.

Kì tài hon hest là Léonard de Vinci (1452-1519). Ông là một nhà bách khoa, chuyên tâm về các vấn đề hàng không, tiềm thủy hàng hải, dân thủy nhập điền, về sự hoàn huyết dịch trong cơ thể, về thuyết vũ trụ dân lực⁽²⁾.

(1) Hồng y giáo chủ Bessarion qui tụ được 600 bản thảo tiếng Hi Lạp Marsile Ficin sáng lập ngôn ngữ học Hi Lạp, và có người chủ trương khảo cứu ngôn ngữ Hébreu.

(2) Tuy không cho xuất bản một tác phẩm khoa học nào của mình Léonard De Vinci thấy rõ ràng khoa học chỉ có thể tiến bộ được nếu biết đem quan sát, kinh nghiệm và chứng minh toán học hỗn hợp lại.

b) Cuối thế kỉ 15 và đầu thế kỉ 16 là thời kì cực thịnh của Văn nghệ và tư tưởng ở Ý. Các nhà nghệ thuật noi theo cổ nhân chú ý đến những nét cân đối, đều đặn, giản dị tức là những đặc tính của nghệ thuật Hi Lạp hoặc La Mã. Họ thích vòng cung bán nguyệt hơn là vòng cung nhọn, cột kiểu Hi Lạp đầu có nón hơn là một chùm cột nhỏ bó lại một. Các nhà điêu khắc và hội họa chú ý quan sát thiên nhiên, nghiên cứu luật viễn thị và giữ lại những truyền thống của đời Thượng cổ. Truyền thống ấy là: sùng bái vẻ đẹp hình thể, khảo cứu thân thể trần truồng của con người.

Từ thế kỉ 14 đến 16, nghệ thuật gia trứ danh của Ý xuất hiện rất đông. Dưới chính phủ giòng Médicis vào thế kỉ 15, Florence là một trung tâm nghệ thuật nổi tiếng nhất thiên hạ. Các nhà kiến trúc như Brunelleschi điêu khắc như Danatello, hội họa như Botticelli ít người bì kịp, nhưng đầu thế kỉ 16 mới có những thiên tài chói lọi như Léonard De Vinci, Michel Ange và Raphael. Bảo tàng viện Louvre ở Ba Lê còn giữ của Léonard De Vinci những danh họa, trong đó có bức chân dung nàng La Joconde. La Mã còn tự hào với pho tượng vĩ đại Moise của Michel Ange (1472-1564) trước mả giáo hoàng Jules II; Ba Lê với pho tượng hai người nô lệ (Deux Esclaves)⁽¹⁾; Florence với lăng tẩm giòng Médicis (tombeaux des Medicis) Raphael vừa là kiến trúc sư vừa là họa sư. Về kiến trúc ông vẽ bản đồ nóc

(1) Trước kia cũng xây tại mộ giáo hoàng Jules II ở La Mã.

tròn vĩ đại của giáo đường Saint-Pierre ở La Mã⁽¹⁾, vẽ hội họa ông là tác giả những bích họa to lớn trong nhà Lê bái Sixtine đại diện Vatican. Raphael (1483-1520) chỉ sáng tác cho các giáo hoàng tại La Mã. Tác phẩm của ông là những bích họa trong điện Vatican như bức Ecole d'Athènes (học đường d'Athènes) tóm tắt lịch sử triết học, bức Dispute Du Saint Sacrement (Tranh chấp thánh lễ) tóm tắt lịch sử giáo hội. Những bích họa nổi tiếng vì hình thể điêu hòa và kết cấu khoa học. Ngoài ra nước Ý còn có những danh họa khác như Titien chuyên về chân dung, Véronèse chuyên về trang hoàng cung điện. Các họa sĩ này ở tại thành Venise⁽²⁾.

Giây liên lạc giữa Tây phương và văn minh cổ bị dứt từ thế kỉ thứ 7 đã được nối lại. Những cuộc khủng hoảng xã hội trong thế kỉ 14 vừa kết liễu chế độ phong kiến của thời Trung cổ thì thế kỉ 16 những khủng hoảng khác diễn ra để un đúc một nền văn minh mới, nền văn minh Cận đại.

4. Sau nước Ý nước Hòa Lan bấy giờ là một trung tâm kinh tế quan trọng nhất châu Âu. Cho nên thời Văn nghệ phục hưng. Hòa Lan cũng là một nơi mà nghệ thuật và tư tưởng phát ra một ánh sáng chói lọi. Các công tước xứ Bourgogne cũng như giòng Médicis ở Florence và giáo hoàng ở La Mã tỏ ra biết bảo vệ văn nghệ. Nhưng giữa phong trào Phục hưng và cổ điển học của Ý và Hòa Lan có nhiều chỗ khác nhau hẳn.

(1) Từ ngày kiến trúc giáo đường Sainte Sophie ở Constantinople đến đó mới có lại một kiến trúc vĩ đại như thế.

(2) Histoire, Gours Complet, Malet – Isaac – Béjean.

Tại Hòa Lan di tích Thượng cổ không có, học giả Hòa Lan không được tiếp cận với các triết gia thời xưa cho nên họ chỉ phát triển những truyền thống của họ, đem áp dụng phương pháp phê phán khoa học vào sự khảo cứu Thánh kinh và khi so đọ các quan niệm thời cổ với quan niệm đương thời, họ đi tới kết quả cải cách tôn giáo và xã hội trong khuôn khổ đạo Da Tô.

Cũng như ở Ý phong trào Phục hưng bắt đầu ở nghệ thuật với các nhà hội họa danh tiếng như Jean Van Eyeck. Tư tưởng, học thuật phát triển đồng thời với nghề in. Thoạt tiên Laurent Coster phát minh chữ in bằng gỗ, Gutenberg đúc chữ chì (1440) làm cho sự ấn loát mau lẹ và sách in thêm nhiều⁽¹⁾.

Erasme là một nhà tư tưởng có uy tín nhất của Hòa Lan và Tây Âu. Ông sinh trưởng ở Rotterdam. Sau khi tốt nghiệp đại học đường Ba Lê và Boulogne, ông dạy học ở Oxford (Anh) và Bâle (Thụy Sĩ). Vì là học giả vừa là triết học gia ông cho xuất bản bộ sách Phúc Âm (Evangile) bằng tiếng Hi Lạp và tập thư khen ngợi bình cuồng (Eloge de de Folie)⁽²⁾, tho trào phúng công kích giáo hội đương thời. Ông đòi giáo hội phải khoan hồng, phải cho tự do tư tưởng

(1) Năm 1470 trường đại học Ba Lê có máy in. thành Venise (Ý) khuếch trương nghề in thành một kĩ nghệ hơn. Năm 1500 máy in phổ cập khắp nơi đồng thời với giấy do người Ả Rập học từ Trung Quốc và Trung Á về.

(2) Được dịch ra nhiều thứ tiếng.

và tẩy uế đạo Da Tô. Ông chủ trương dung hòa triết học với tôn giáo. Thư từ của ông được truyền khắp châu Âu, gây một ảnh hưởng mạnh.

Ở Anh trường đại học Oxford là trung tâm phong trào Văn nghệ phục hưng. Các giáo sư đem tư tưởng Hi Lạp và triết học Platon vào giảng tại đó.

Thomas Moore và Latimer là những nhà cải cách hăng hái nhất.

Cũng Érasme, bạn thân của ông là Thomas Moore vừa bảo tồn những truyền thống của nước Anh, vừa hô hào tự do tư tưởng. Ông viết sách không tưởng luận (Utopie) cổ động tài sản công cộng (1516) và gieo trong xã hội bấy giờ nhiều ảnh hưởng sâu sắc.

Cổ điển học được đem vào dạy trong trường lần đầu ở Louvain. Jérôme Busleyden mở một trường học theo kế hoạch Erasme (1417) dạy 3 thứ tiếng La Tinh, Hi Lạp và Do Thái (Collège des trois langues).

Không bao lâu Cổ điển học Erasme chi phối cả Tây Âu. Giáo hoàng, vua nước Anh (Henri VIII), vua nước Pháp (Francois 1er) đều là những kẻ ủng hộ đắc lực cho thứ cổ điển học ấy.

5. Ở Đức cổ điển học chỉ tràn đến được ở các thành thị dọc sông Rhin và vùng Danube mà thôi. Ở các lãnh thổ phong kiến và vùng Trung Âu nó không xâm nhập được.

Ở Ý Pha Nho, phong trào Phục hưng hoàn toàn phát triển trong khuôn khổ của tôn giáo. Hình như các nhà cổ

diễn học xứ này lấy luân lí đạo Da Tô làm nòng cốt cho mọi sự cải cách tư tưởng.

6. Phong trào nghệ thuật phục hưng ở Pháp trễ hơn Ý và Hòa Lan, và chịu ảnh hưởng của hai xứ này. Về họa thoát tiên ảnh hưởng Hòa Lan mạnh hơn, nhưng về sau vì vua Francois 1er lập một trung gian hội họa tại Fontainebleau⁽¹⁾ và rước Léonard De Vinci về Pháp mà ảnh hưởng Ý lại mạnh hơn. Nhưng Pháp khác với Ý ở chỗ Ý tiến vượt bậc từ kiến trúc Gothic đến lối kiến trúc Pazzi de Brunellesco và của Bramante. Còn Pháp thì cố sức giữ lấy truyền thống dân tộc (Nghệ thuật Gothic là của nước Pháp) và cực lực chống lại ảnh hưởng của Ý. Nhưng sau cùng thì nghệ thuật cổ điển thắng. Tuy nhiên, từ Gothic đến cổ điển nghệ thuật Pháp trải qua nhiều nấc thang liên tiếp.

Về văn chương và tư tưởng, nước Pháp cũng tiến cùng một nhịp với kiến trúc. Giữa thế kỉ 16, tiếng Pháp này nở rất mạnh mở đầu cho văn chương Cận đại. Ba ngôi sao chói lọi xuất hiện hồi ấy là: Rabelais, Montaigne, Calvin.

Rabelais (1494-1553) tác giả cuốn Gargantua, cùng một chủ trương với Erasme dung hòa triết học Thượng cổ với tư tưởng Trung cổ. Montaigne tiến bộ hơn. Ông gạt bỏ dấu vết Trung cổ còn lưu lại trong tác phẩm Rabelais và thiên hẵn về các văn nhân cổ điển. Chán ghét chiến tranh và tôn giáo ông đâm ra hoài nghi và không tìm nguyên tắc xử thế ở Thiên chúa giáo và Tân giáo nữa. Trong tập tùy bút (Essais) ông

(1) Một Châu Thành nghệ thuật ở cách Ba Lê 60 cây số.

tỏ ra một nhà tư tưởng tự do đầu tiên. Ông tự tìm trong bản thân ý nghĩa của cuộc đời và những nguyên tắc xử thế cần thiết. Ngược lại, Calvin (1533-1592) với một đức tin nồng nhiệt, quan niệm sự phục hưng trong khuôn khổ đạo Da Tô. Ông muốn theo Platon mà hòa hợp chủ nghĩa thần bí (Mysticisme) với chủ nghĩa duy lí (rationalisme)⁽¹⁾. Nhưng khi đem chủ nghĩa duy lí hướng về một dục vọng tôn giáo, ông chống lại đức khoan hồng và lòng bác ái mà cổ điển học chủ trương.

7. Phong trào Phục Hưng ở các nước Hòa Lan, Anh, Pháp, Ý Pha Nho và một ít thành thì Đức tỏ ra hòa huynh hon ở Ý. Tuy nhiên ở khắp nơi phong trào ấy vẫn là một. Nó là bước kết thúc của sự tiến hóa đưa các nước Tây Âu đến chỗ giải phóng tư tưởng. Sự giải phóng ấy tùy hoàn cảnh mỗi nơi mà thành tựu. “Điểm cốt yếu của phong trào phục hưng không phải trở về thời cổ mà là trở về sự tự do tư tưởng và làm tăng nhân phẩm con người. Khi hướng về văn minh Thượng cổ, nó hướng về lí trí khoa học. Nó rời bỏ phương pháp kinh viện để trở về với phương pháp thực nghiệm. Nó đem chủ nghĩa duy lí thay thế cho chủ nghĩa thần bí vậy⁽²⁾.

(1) Phong trào Phục Hưng tạo ra hai trào lưu tư tưởng khác nhau. Một trào lưu duy lí bài bác cả truyền thống của đạo Da Tô, trào lưu này ở Ý do Pomponazzi đại diện; một trào lưu tự do, nhưng được duy trì trong khuôn khổ của đạo Da Tô, trào lưu này do Erasme và Thomas Moore cầm đầu. Tuy chủ trương tự do, họ không để tư tưởng vượt khỏi giáo lí Da Tô. Họ chủ trương một thứ chủ nghĩa tự do giúp họ làm cho đạo Da Tô mềm dẻo, trong sạch, gạn bỏ hình thức hép hòi.

(2) *Les Grands Courants de l'Histoire Universelle*, Jacques Pirenne.

TÓM TẮT

1. Thời Cận đại nhờ kinh tế và khoa học phát triển, các nhà thông thái thu thập các di sản của văn minh La Mã, Hi Lạp để kiến thiết một văn minh mới. Như vậy họ làm sống lại văn minh Thượng cổ, sử gọi là Văn nghệ phục hưng.
2. Các nhà cổ điển học bài trừ phương pháp kinh viện và cổ động tinh thần phê phán suy luận. Những tác phẩm xưa được họ nghiên cứu kĩ càng và dùng làm tài liệu cho sự sáng tác, xây dựng.
3. Nơi phát động phong trào Phục Hưng văn nghệ trước nhất là nước Ý. Từ phạm vi văn nghệ, phong trào lan tỏa triết học và khoa học. Cuối thế kỉ 15 là thời kì cực thịnh. Đầu thế kỉ 16, có những bậc kĩ tài như Léonard de Vinci, Michel-Ange và Raphael ra đời.
4. Sau nước Ý là Hòa Lan. Tại đây nghệ thuật và tư tưởng cũng phát đạt một cách đặc biệt. Nhưng ở Ý, phong trào phục hưng vượt ra ngoài đạo Da Tô; ở Hòa Lan nó lại nằm trong khuôn khổ đạo ấy. Lãnh tụ là Erasme chi phối cả Tây Âu.
5. Ở Đức cổ điển học phát triển ở thành thị. Ở Y Pha Nho phong trào nằm trong phạm vi tôn giáo.

6. *Phong trào phục hưng ở Pháp chịu ảnh hưởng Ý và Hòa Lan*. Nhưng khác với Ý là Pháp không theo *ngay nghệ thuật cổ điển mà cố giữ tinh thần cổ hữu của mình và tiến từ từ*. *Đại diện là Rabelais, Montaigne, Calvin. Khuynh hướng của ba người có chỗ khác nhau*.

7. *Mỗi nước phong trào có một đặc tính, nhưng cả thảy đều có một điểm chung là phục hưng không phải là trở về thời cổ mà làm sống lại sự tự do tư tưởng và làm tăng phẩm giá con người. Hướng về Thượng cổ, nhà cổ điển hướng về lí trí và khoa học*.

CHƯƠNG V

CÁCH MẠNG TÔN GIÁO PHONG TRÀO CẢI CÁCH

1. *Đạo Da Tô* trong thời *Cận đại*.
2. *Ở Đức, Martin Luther chủ trương cải cách.*
3. *Tình hình nước Đức khi xảy ra cải cách:*
 - a) *Kinh tế*, b) *Xã hội*, c) *Chính trị*.
4. *Thái độ cải cách của Luther thay đổi.*
5. *Luther bỏ dân chúng.*
6. *Khuynh hướng cải cách Calvin.*
7. *Khuynh hướng Calvin phát triển mạnh ở Pháp và Anh.*
8. *Vài điểm khác nhau giữa hai khuynh hướng Luther và Calvin.*
 1. *Những cuộc khủng hoảng lớn xảy ra trong thế kỉ 14, sự thành lập các quốc gia quân chủ chuyên chế, sự giải phóng tư tưởng, sự biến đổi kinh tế theo chiều tư bản chủ nghĩa cuối thế kỉ 15* gây ra nhiều ảnh hưởng đối với Giáo

hội. Khi người Thổ Nhĩ Kỳ chiếm Constanitinople, giáo hoàng Pie II hết hoi kêu gọi Thánh chiến mà trong giới đạo Da Tô không một tiếng trả lời.

Chính giáo hoàng cũng nhận thấy tình cảnh ấy, nên không còn giữ tham vọng nắm bá quyền nữa. Ông chú ý đến các vấn đề chính trị, phi nhiều thì giờ vào công việc phục hưng văn nghệ. Bao nhiêu của cải trong giáo hội đều đổ dồn về La Mã. Những lâu đài tráng lệ ở La Mã xuất hiện phần nhiều từ đó.

Từ thế kỉ 14 trở đi, Giáo hoàng đã mất dần uy tín. Các chức phận tôn giáo bị kẻ có tiền lợi dụng. Nhiều người thiếu đức hạnh gia nhập tổ chức tôn giáo để mưu lợi⁽¹⁾.

Trong lúc ấy thì cuốn Thánh kinh (Bible) và Phúc Âm thư (Evangiles) nhờ có uy tín mà được truyền bá rất rộng, nhất là ở Đức⁽²⁾. Các nhà cổ điển học lại dùng phương pháp bình luận để khảo cứu những bản thánh văn và kịch liệt

(1) Giáo hoàng ở trong một cung điện mênh mông, quanh mình toàn là nghệ sĩ, nhạc công, văn nhân danh tiếng. Giáo đường và nhà lầu trang hoàng những bức họa trong đó các thánh không khác các thần Hi Lạp bao nhiêu. Ông chia thì giờ vào quốc sự và nghệ thuật không đều. Ông chỉ mất cho quốc sự một phần mươi, còn lại ông suy tâm các cổ tượng La Mã, các lọ, chè Hi Lạp, vẽ họa đồ một cung điện thừa lương, diễn lại một vở kịch mà ông là tác giả vô danh. Các tổng giám mục, các hồng y giáo chủ bắt chuộc giáo hoàng, và các giám mục bắt chuộc các tổng giám mục... (*Histoire De L'Humanite*. Van Loon).

(2) Từ năm 1457, Thánh kinh được in và phát hành hơn bốn trăm lần.

châm biếm giáo hội⁽¹⁾. Truy cứu lại giáo lí của Jésus, nhiều người kết luận rằng giáo hội đã lệch ra ngoài đường chính và cần phải đem nó trở lại sự giản dị ban đầu.

2. Phong trào cải cách phát sinh tại nước Đức trước hết, vì tại đây giáo hội đánh thuế quá nặng, dân chúng phản uất và đồng thời họ giác ngộ nhờ thánh kinh được truyền bá nhiều.

Người đề xướng cải cách là tu sĩ Martin Luther. Sinh năm 1483, con một thợ mỏ, ông dạy khoa thần học tại trường đại học Wittenberg ở Saxe. Hồi còn nhỏ Luther chịu ảnh hưởng phong trào thợ mỏ những vùng tiến bộ nhất của nước Đức dọc sông Rhin, thượng lưu sông Danube, ở Bohême và vùng hầm mỏ Saxe. Ông bị chủ nghĩa thần bí của dân chúng chi phối nên không để ý đến tư tưởng của các nhà cổ học đương thời.

Năm 1511, Luther được phái tới La Mã, trông thấy đời sống xa xỉ, ông lấy làm khó chịu. Giáo hoàng Julles II vừa quyết định cất đại ddg Saint Pierre. Để lấy tiền làm việc ấy, giáo hoàng Léon X cho tổ chức những cuộc giải tội: bất cứ ai làm ra tội lỗi đều có thể chuộc được. Việc tuyên truyền thì giao cho các giáo sĩ Dominicains, còn việc thu tiền thì các ngân hàng tỉnh Augsburg đảm nhận ăn hoa hồng. Sự giải tội ấy biến thành công cuộc thương mại; giấy chứng

(1) Wyehffe (1320-1384) tố cáo lí thuyết của giáo hội cho rằng bánh thánh ăn trong lúc lễ bái sẽ biến thành xương thịt của Jésus.

nhận giải tội được bán ở ngân hàng. Năm 1517, Luther đứng lên phản đối. Giáo hoàng đòi ông tới La Mã. Nhưng hoàng đế Maxilien viễn lè giáo hội đế quốc Đức. Quốc hội cũng hưởng ứng theo ông chống lại sự phù lạm của giáo hoàng.

Năm 1519, ông tuyên bố tán thành chủ trương của Jean Huss⁽¹⁾, công khai xé sắc lệnh của giáo hoàng phóng trực ông (1520) và không chịu ra hầu trước đế quốc hội nghị của Charles Quint. Ông bị lên án tà giáo, nhưng được vị tuyên hầu⁽²⁾ ở Saxe bảo hộ và bí mật đem ông đến ẩn trong thành trì Wartbourg. Ở đó, ông dịch Thánh kinh ra tiếng bình dân Đức để mọi người đọc và thành lập giáo lí mới.

3. Để hiểu rõ phong trào Cải cách, ta hãy xét lại tình hình nước Đức vào đầu thế kỉ 16.

a) Kĩ nghệ Đức vào thế kỉ 14, 15 đã tiến triển mạnh. Các tổ chức thủ công ở thành thị đã cung cấp được hàng hóa cho nhiều thị trường xa. Hàng hóa tốt như vải mịn, lụa cũng đã có. Ngoài ra, nghệ thuật làm đồ vàng, bạc, mè

(1) Nhà cải cách Tiệp Khắc, môn đệ của Wiccliffe chủ trương tự do tư tưởng, tự do tín ngưỡng, chống lại giáo hội. Đòi bỏ sạch đạo Da Tô những cái gì thuộc giáo quyền cũ, chỉ nhìn nhận lời dạy trong thánh kinh truy cứu lại lời dạy của Jésus; Jean Huss bị xử thiêu năm 1515. Năm sau, môn đệ ông là Jérôme de Prague cũng bị xử thiêu nữa. Phong trào Huss mạnh nhất ở Bohême (1419). Giáo hội dùng thánh chiến đánh dẹp. Cũng lúc ấy dịch chuột tàn phá Trung Á, Tiểu Á, Bắc Phi, Anh, giết chết 25 triệu người Âu, 13 triệu người Trung Hoa.

(2) Các công hầu có quyền tuyển cử hoàng đế.

đay v.v... đều phát đạt. Tuy nhiên với kĩ nghệ là thương mại. Nhờ thương nghiệp đồng minh La Hanse mà Bắc bộ nước Đức vượt qua tình trạng lạc hậu. Các thành thị ở thượng Đức như Ausbourg và Nuremberg là những trung tâm giàu có sang trọng nhất trong thời ấy. Công việc khai thác nguyên liệu cũng tiến bộ. Thế kỉ 15, thợ mỏ nước Đức khéo nhất thế giới. Về nông nghiệp, chẳng những đất đai được khai khẩn mà các giống cây lạ, cây nhuộm đều được trồng kĩ lưỡng.

Tuy nhiên, mực sản xuất của toàn quốc còn thua sút các nước khác. Nông nghiệp Đức thua Anh, Hòa Lan, kĩ nghệ thua Flandre. Ý, Anh: hàng hải bị Anh và Hòa Lan lấn áp. Dân cư thì thua thót, văn minh thì đặc phát ở các vùng kĩ nghệ, thương mại. Quyền lợi các vùng ấy không ăn chịu nhau. Không có một thành thị nào làm trung tâm thương mại cho cả nước. Đường giao thông chỉ có sông ngòi và duyên hải. Các thành thị nhỏ sống lè loi, khổ cực trong tình trạng chế độ phong kiến sáp tàn. Ở thôn quê chỉ có giai cấp quý tộc tiếp xúc với những nơi xa còn nông dân thì tầm mắt không khỏi làng mạc.

b) Ở các nước Pháp, Anh quyền lợi kinh tế thống nhất, nên chính trị phải tập trung. Ở Đức thì trái lại, quyền lợi hợp thành từng nhóm địa phương nên chính trị cũng phân tán.

Đế quốc phong kiến càng phân liệt, hoàng đế càng mất quyền, các lãnh chúa càng độc lập; một bên các thành thị, một bên các võ sĩ hợp thành liên minh, khi thì xung đột lẫn nhau khi thì xung đột với lãnh chúa hoặc hoàng

đế. Đứng giữa các lực lượng ấy, hoàng đế không biết phải theo ai và càng ngày càng suy nhược⁽¹⁾.

Trong tình trạng ấy, địa vị các giai cấp xã hội thay đổi: giai cấp mới xuất hiện cạnh giai cấp cũ. Trong lớp đại quý tộc bọn vương thân chi phổi. Họ thoát quyền hoàng đế, tự ý quyết định mọi việc: lập quân đội, triệu tập quốc hội, thu thuế, chủ trương chiến tranh hay hòa bình. Họ chế ngự một phần lớn tiểu quí tộc, một phần các thành thị, cố gom góp các lãnh địa và thành thị còn lại vào tay mình. Chính sách họ hết sức độc đoán. Đời sống họ hết sức xa xỉ. Càng xa xỉ họ càng cần tiền. Nông dân và nông nô cùp xương sống vì thuế nặng: thuế trực thu và gián thu. Ngoài thuế, họ còn dùng đủ cách để có tiền: đúc tiền giả, bán chức vị, cướp giật v.v...

Bọn trung quý phái đến lúc này bị tiêu diệt mất, một số có lén lên địa vị thân vương, một số rơi xuống tiểu quý tộc. Hàng tiểu quý tộc tức là võ sĩ bị sa thải hẳn; họ phải đi làm công cho thân vương, hoặc phải làm chư hầu thân vương, hoàng đế. Vai trò của võ sĩ, khi thuốc súng ra đời, không còn quan trọng nữa. Họ chỉ đi đánh giặc mướn, cướp giật, gây tai họa cho xã hội. Họ cũng sống kiêu sa, cũng cần tiền và để có tiền họ lột da, hút máu bọn dân đen.

c) Các giai cấp thống trị lại kì thị lẫn nhau. Chư hầu thi muốn được độc lập; người độc lập thi phải giữ địa vị và

(1) Đó là lí do làm cho đế quốc Đức tuy to lớn mà không thắng được Pháp thống nhất hơn trong trận chiến tranh giành ngôi bá chủ trên Địa Trung Hải.

do đó xung đột với thân vương. Bọn võ sĩ dòm ngó đồng tài sản của tăng lữ, cướp giật các thành thị, các thường dân.

Trong tình hình xã hội mới, máy in ra đời, giai cấp tăng lữ không giữ được độc quyền giáo dục và tài phán nữa. Vai trò xã hội của họ cũng mất dần. Một phần trở thành vô dụng. Giai cấp tăng lữ chia làm hai hạng: hạng chức sắc cao cấp trong giáo hội có quyền thế như hạng thân vương, lãnh chúa, nhưng lại bóc lột tín đồ một cách tàn khốc hơn: tín đồ phải nộp địa tô, suru thuế, tiền thập phân, mua thánh ảnh, thánh tích, đi lê bái, chuộc tội v.v...

Đời sống đế vương của giám mục, tu sĩ làm cho mọi người từ qui tộc đến dân chúng oán ghét.

Nhưng giáo sĩ cấp dưới cùng thì không được kể trong các đẳng cấp Giáo hội và không được dự vào tài sản Giáo hội. Họ sống bình dị, nghèo nàn và được dân chúng lân phú hào yêu mến. Họ tham dự các phong trào dân chúng; họ đóng vai lí thuyết gia của dân chúng và lăm người vì dân chúng mà phải lên đoạn đầu dài. Bởi vậy dân chúng có phản uất giáo sĩ cũng chỉ phản uất có lúc mà thôi.

Ở thành thị, cùng với sự phát triển công nghệ và thương mãi thành lập ba cấp riêng biệt.

Trên đầu xã hội thành thị là cấp “Danh giá”⁽¹⁾ chiếm tất cả các ghế trong hội đồng thị xã. Họ được quyền bóc lột cả thị xã và nông dân lệ thuộc thị xã. Tất cả quyền lợi, ruộng đất, đồng cỏ, rừng rú, thuế thông hành, thuế đậu bến

(1) Tạm dịch chữ Patricat.

và mọi thứ thuế, mọi đặc quyền về công nghệ, về pháp lí đều thuộc về tay họ. Họ đối đãi bọn nông dân có phần dễ chịu hơn bọn phàm quan trong thành thị, bọn thôn trưởng ở làng. Bọn này vừa khắc nghiệt vừa hà lạm. Tất cả tệ đoan họ đều làm được cả.

Đối lập với cấp “danh giá” này có cấp “tư sản” (bourgeoisie). Cấp tư sản chống lại thói lạm dụng của cấp danh giá, đòi kiểm soát hành chính và tham dự quyền lập pháp. Họ cũng chống lại giáo sĩ mà họ cho là lười biếng hư hỏng đã giàu có mà còn được miễn các hạn sưu thuế. Tuy nhiên, sự chống báng chì trong vòng hiến pháp mà thôi.

Một cấp đối lập nữa là cấp bình dân gồm có những thị dân sa sút, những người không có quyền thị dân như thợ thủ công, người làm công nhặt, hạng tiện dân không có công ăn việc làm.

Trừ cấp bần dân này ra, giai cấp nông dân nằm dưới tận cùng xã hội. Trên đầu nông dân đè nặng nào là: thân vương quan lại, quý tộc, giáo sĩ, danh giá, tư sản. Bất cứ thuộc quyền hạn người nào, họ cũng chỉ là một món đồ, một con vật, hay tệ hơn nữa. Ngoài địa tô một ngày một tăng, họ phải nộp thuế thập phân, tiền mướn nhà, thuế thân, sưu lẽ, chiến phi, thuế địa phương, thuế đế quốc, phải khẩn đất cho lãnh chúa, địa chủ. Cưới hỏi hay tống táng, họ cũng phải nộp thuế. Ngoài những lao dịch phải làm ấy, họ còn làm thêm: cắt rạ, hái trái cây, bắt ốc, bửa củi, lùa thú vật để chủ săn bắn v.v... Lãnh chúa muốn xử với nông dân thế nào cũng được, đày đọa, đánh đập, bỏ tù,

xèo tai hót mũi, móc mắt, chặt tay, chém đầu hỏa thiêu, phân thây, rút thịt v.v... ⁽¹⁾.

Các quan tòa đều là tay sai lanh lương của hoàng đế, công hầu, địa chủ. Nông dân còn biết trông cậy vào đâu?

Tóm lại, xã hội Đức vào thế kỉ 16, bày ra một tình trạng hỗn độn, các đẳng cấp quyền lợi khác nhau và xung đột lẫn nhau không ngót, khi thì bộc lộ, khi thì ngầm ngầm. Nhưng khi phong trào cải cách dấy lên thì các lực lượng ấy nhóm họp thành ba đảng phái hoặc thiên hoặc chống với phong trào ấy; đảng phái thiên chúa, bảo thủ gồm có chính quyền hoàng đế, lớp quý tộc giàu chức sắc tôn giáo, hạng danh giá ở thành thị, thứ đến là đảng phái cải cách theo Luther gồm có giai cấp tư sản ôn hòa, tức là hạng người có tài sản nhưng đối lập với hạng trên, giai cấp tiểu quý phái và một bộ phận thân vương ngoại đạo muốn lợi dụng cơ hội để giành tài sản của giáo hội hoặc muốn tách khỏi uy quyền hoàng đế; sau hết là đảng phái cách mạng do Munzer cầm đầu kết hợp nông dân thành thị.

4. Luther chỉ là một đại diện cải cách của tư sản. Năm 1518, ông lên tiếng chống lại Giáo hội Thiên Chúa, thái độ đối lập của ông chưa được rõ ràng. Ông tiến xa hơn giai cấp tư sản. Trong lúc ông thấy cần phải qui tụ tất cả những phần tử đối lập, dùng những năng lực cách mạng quyết liệt để đương đầu với phái Thiên Chúa, ông hô hào:

(1) Tạm dịch chữ Patricat.

“... Ta đã dùng gươm để trừng phạt kẻ trộm, dùng thùng để trị kẻ giết người, dùng lửa để thiêu kẻ tà đạo. Vậy đối với bọn truy lục, nguy hại và cả bè lũ chúng nó, ta còn do dự gì mà không dùng mọi thứ khí giới, rồi rửa tay ta trong máu chúng?...”.

Nhưng ngọn lửa cách mạng ấy không cháy lâu. Lưỡi tầm sét của ông vua đánh xuống thì cả nước Đức đều chuyển động. Một bên thì bọn nông dân và bần dân thành thị. Một bên thì tư sản, bọn tiểu quí tộc, và cả một bộ phận đẳng cấp thân vương. Kẻ thì thấy đã đến lúc đánh ngã quân bóc lột; kẻ thì chỉ muốn thoát La Mã, tịch biên tài sản giáo hội. Cả thảy đều theo ông. Đúng giữa, Luther phải chọn lựa. Trước kia là một giáo sư danh tiếng trường đại học Witemberg, là kẻ mang ơn Tuyển hầu Saxe, nay trở thành một vĩ nhân được lăm người sùng bái, ông còn do dự gì nữa! Gạt tay những phần tử dân chúng trong phong trào, ông đi về phía tư sản, quí tộc, thân vương. Từ đó ông bỏ giọng cách mạng mà tuyên truyền sự tiến hóa hòa bình và tiêu cực để kháng.

5. Ngoài lí do cá nhân khiến Luther hô hào tiến hóa hòa bình còn có lí do xã hội nữa. Dân chúng thành thị thiên về chủ trương cải cách ôn hòa; giai cấp tiểu quí tộc, một phần các thân vương cũng tán thành chủ trương ấy; một phần khác thì còn do dự. Theo điều kiện xã hội và chính trị lúc ấy, phong trào đấu biến chuyển cách nào cũng đem tới kết quả là bọn thân vương củng cố địa vị. Luther trở thành một tay nô lệ đắc lực của họ.

Khi chiến tranh nông dân bùng nổ, Luther toan giữ thái độ trung lập. Ông quả quyết chống lại các chính phủ đã áp bức nông dân thái quá. Ông bảo không phải nông dân làm loạn, chính là lãnh chúa. Cuối cùng ông khuyên hai bên giảng hòa.

Phong trào bạo động tràn mạnh vào những vùng tân giáo, ở đó bọn thán vương, bọn lãnh chúa thành thị chủ trương sự cải cách ôn hòa. Luther bị vây và có thể bị xử tử vì tội bội phản. Bạo động tiến thêm một chút thì phong trào cải cách tư sản bị làn sóng cách mạng ngập mìn! Luther không trù trừ nữa. Ông kết liên ngay với giáo hội chống lại nông dân. Ông viết: “Có dịp thì ta phải chà nát chúng (nông dân), thắt họng chúng, đâm chúng hoặc bí mật, hoặc công khai, giết chúng như giết con chó dại”. Trước Luther kêu gọi bọn dân nghèo hạ sát bọn tàn ác, bọn bất nhân thì bây giờ ông bảo: “Kẻ thán dân không có quyền làm loạn đâu lãnh chúa có tỏ ra hung bạo bất công”.

Cuộc bạo động bị trâm trong máu (1525). Ở Souabe, 10.000 nông dân bị giết; ở Alsace 18.000 người. Kết quả, trừ ít vùng như Hesse Áo, Bade, đời sống nông nô được đôi phần dễ chịu, còn ra thì tệ hơn trước nhiều lắm.

6. Năm 1520, phong trào cải cách bắt đầu tràn sang Pháp vào các đô thị. Năm 1520, triều đình ra lệnh kiểm duyệt sách báo để ngăn cản sự phát triển. Năm 1525, khi vua Francois 1er bị bắt ở Ý, hạ nghị viện thành lập tôn giáo pháp đình bài trừ tân giáo; nhưng pháp đình ấy về sau bị nhà vua bãi bỏ.

Francois 1er lúc ấy một mặt muốn giữ tình hòa hảo với giáo hoàng, một mặt muốn tỏ khoan hồng với các nhà

cải cách trong lúc Đức, Pháp đang đánh nhau (có ý ủng hộ phe cải cách đánh lại hoàng đế Đức là kẻ thù của Pháp). Nhưng khi chiến tranh dứt, nhà vua thấy phong trào cải cách là một tai họa và bắt đầu khủng bố.

Lãnh tụ cải cách ở nước Pháp là Calvin. Sinh năm 1509 trong một gia đình phú hào, có thế lực lớn trong phái thương nhân tư bản, ông là đại diện chính thức khuynh hướng mới của phái này.

Năm 1533, ông trốn khỏi nước Pháp để tránh sự ngược đãi, sang ở Thụy Sĩ và năm 1546, ông công bố sách “Institution chrétienne” (Chế độ Da Tô), trong đó ông trình bày giáo lý của mình. Ông không thừa nhận kẻ trung gian giữa chúa và tín đồ; bài bỏ cả tảng lữ lẵn thánh thần, không thờ thánh tượng, chỉ giữ hai thánh lễ chính⁽¹⁾, không tin rằng có Chúa Jésus hiện trong bánh và rượu thánh. Ông lấy ý thức của mỗi người làm gốc cho đức tin. Mình tin nhiều hay ít, trúng hay trật là tự lòng mình chứ không phải tự vua chúa bắt buộc, và cho cái gì cũng do đấng thiêng liêng sắp đặt trước. Muốn được cứu rỗi, người theo đạo không thể dùng những hành động bè ngoài mà phải có một đức tin, phải tận tụy không phải vì việc đạo mà vì tất cả việc đời. Đức tin ấy sẽ chứng tỏ rằng người theo đạo được chúa cho bất tử hay không. Với Calvin, tôn giáo có một vẻ nghiêm trang khắc khốc.

(1) Lễ rửa tội và lễ kí niệm bữa ăn cuối cùng giữa Jésus và các sứ đồ Thiên Chúa có bảy thánh lễ, Luther giữ lại ba. Calvin hai.

Cơ đốc tân giáo thời Luther là một phong trào đi đôi với sự tranh đấu của giai cấp tư sản chống lại thế lực hoàng đế và giáo hội. Đến Calvin nó thành ra một quan niệm thích ứng với điều kiện sinh hoạt do kinh tế tư bản và tư tưởng tự do thời Văn nghệ phục hưng sinh ra. Bởi vậy, giáo hội Calvin là những đoàn thể tự do, có tính cách dân chủ. Sự tuyển chọn các giáo sĩ lãnh trách nhiệm tụng kinh và thuyết pháp đều do hội đồng tín đồ kiểm soát.

7. Được mời tới dạy thần học ở Genève, một thành phố cải cách, Calvin tổ chức Giáo hội tân giáo tại đây. Từ năm 1541 đến 1554, ngày ông lâm chung, ông làm chủ thành Genève, trùng trị thẳng tay những kẻ phản đối. Nhà thông thái Y Pha Nho tên là Michel Servet vì không thừa nhận Jésus là đấng thiêng liêng mà bị ông xử hỏa thiêu (1553). Từ Genève ông cho truyền bá tân giáo khắp châu Âu, ở Pháp, Écosse, Hòa Lan, Đức, Hung.

Tại Pháp, vua Henri II còn ngược đãi tín đồ Tân giáo dữ dội hơn Francois 1er nữa. Tuy nhiên, số tín đồ Tân giáo tăng lên mãi, trong số có quý phái, võ sĩ. Người bị ngược đãi nổi lên chống lại nên trong nước sinh ra nội chiến.

Tại Anh, vua Henri VIII bất hòa với giáo hoàng, nhưng vẫn trung thành với đạo Thiên Chúa. Một mặt ông cho xử hỏa thiêu tín đồ tân giáo, một mặt ông cho xử giáo tín đồ thiêng liêng trung thành với giáo hoàng.

Dưới triều Marie Tudor (1553-1558) đạo Thiên Chúa phục hưng được ít lâu; nhưng khi lên ngôi, nữ hoàng Elisabeth (1558-1603) đứng ra tổ chức giáo phái Anh, làm

thành giáo hội chính thức. Giáo phái Anh giữ lối tế lễ và hệ thống giáo sĩ của Thiên Chúa; nhưng kinh kệ thì bằng tiếng Anh và giáo lí thì theo tân giáo Calvin.

8. Tân giáo là một phản động lực tinh thần của giai cấp tư sản chống lại phong kiến, cho nên nó chỉ phát triển được ở những thành thị mà dân chúng về phương diện xã hội và trí thức đã được giải phóng.

Những vùng mà giai cấp tư sản chiếm ưu thế, sự hoạt động kĩ nghệ thương mại mạnh như các vùng sông Rhin, Bohême (ở Đức), nước Hòa Lan, nước Anh, nước Pháp khuynh hướng Calvin mạnh hơn khuynh hướng Luther⁽¹⁾. Trong các cuộc khủng bố, tín đồ Calvin tử vì đạo đông hơn cả.

Chiến tranh tôn giáo lan tràn khắp châu Âu. Ở Đức ảnh hưởng Luther mạnh, chiến tranh hiện ra dưới hình thức chính trị; ở Pháp và Hòa Lan. Calvin chi phối, chiến tranh lại có tính cách tôn giáo.

(1) Vài điểm khác nhau giữa phái Luther và phái Calvin là: về mặt tôn giáo, Luther chủ trương bài bỏ uy quyền giáo hoàng La Mã để đem uy quyền ấy đặt vào tay các thân vương. Còn Calvin thì dựa vào lí trí để mở mang kiến thức và kiến thức ấy sẽ dẫn con người tới Chúa không qua kẻ trung gian là giáo hoàng, giáo sĩ. Về mặt chính trị thì Luther bảo rằng ý chí của Chúa được phát lộ ở miệng các vương thân. Ông tiến tới quốc gia chuyên chế, còn Calvin bảo rằng Chúa nằm trong ý thức con người; ông chủ trương chế độ đại nghị tự do (Les grands courants de l'Histoire Universelle, Jacques Pirenne).

TÓM TẮT

1. Thế kỉ 14 trở đi, giáo hội La Mã mất dần uy tín. Giáo hoàng và giai cấp tăng lữ rời bỏ đạo đức, sống một cuộc đời xa xỉ, trụy lạc. Các nhà cổ diên nổi lên công kích và đòi cải cách giáo hội.
2. Phong trào cách mạng phát động ở Đức trước hết do Martin Luther đề xướng. Luther bị giáo hoàng và hoàng đế Đức lén án, nhưng ông trốn được ở Wartebourg dịch thánh kinh ra tiếng bình dân Đức và thành lập giáo lý mới.
3. Nước Đức thế kỉ 14-15 đã tiến bộ nhiều, nhưng so với các nước Tây và Bắc Âu thì thua kém. Các vùng trong nước lại rời rạc nhau. Quyền lợi kinh tế không thống nhất nên chính trị phân tán. Thành thị và lực lượng phong kiến thường xung đột nhau, giai cấp xã hội rất phiền tạp tương phản. Khi xảy ra cải cách thì các giai cấp hợp thành ba lực lượng chính: phản động, ôn hòa và cách mạng.
4. Khi Luther lên tiếng phản đối thì các giai cấp ôn hòa và cách mạng đều theo ông. Nhưng khi thấy phong trào lên cao thì ông bỏ dân chúng đứng về phía ôn hòa mà ông là đại diện.

5. Theo điều kiện lịch sử lúc ấy thì khuynh hướng ôn hòa thắng được khuynh hướng cách mạng, nên kết quả cuộc vận động cải cách là phái thân vương củng cố địa vị. Phong trào nông dân bị đàn áp hết sức tàn nhẫn.

6. Ở Pháp phong trào cải cách nhen nhóm từ 1520. Lãnh tụ là Cavlin. Sự cải cách của Calvin triệt để hơn của Luther. Bị ngược đãi ông trốn sang Thụy Sĩ.

7. Tại Genève, ông thành lập giáo lý, tổ chức giáo hội tân giáo, ảnh hưởng lan rộng khắp châu Âu. Tại Pháp, Tân giáo và Thiên Chúa xung đột gây ra nội chiến. Tại Anh, giáo phái Anh được thành lập đứng ngoài Thiên Chúa và Tân giáo.

8. Phong trào cải cách phát triển mạnh ở những nước mà kinh nghệ, thương mại đã tiến bộ, dân chúng đã được giải phóng về mặt xã hội và trí thức. Chiến tranh tôn giáo tràn khắp châu Âu, nhất là ở Pháp và Đức.

CHƯƠNG VI

CÁCH MẠNG TÔN GIÁO (TIẾP THEO) PHONG TRÀO PHẢN CẢI CÁCH

1. *Da Tô hội.*
2. *Tôn giáo pháp định tái lập.*
3. *Tôn giáo hội nghị Trente.*

1. Đọc lịch sử thế giới thời Trung cổ⁽¹⁾ chúng ta thấy giáo hội Da Tô thời ấy đã gặp nhiều lần khủng hoảng. Giáo hoàng và giáo sĩ làm cho uy tín giáo hội lung lay. Nhưng mỗi lần khủng hoảng đều có những giáo đoàn giòng Cluny thế kỉ 11, giòng Franciscain và Dominicain thế kỉ 13 đứng ra cải cách lại phong tục, giữ đức tin uy quyền Giáo hoàng và Giáo hội.

Thế kỉ 16 trước sức tấn công mãnh liệt của Tân giáo, hai giáo đoàn khác xuất hiện. Giáo sĩ Franciscain trở lại lối sống nghèo nàn để gây ảnh hưởng (1529); ở Ý có giáo đoàn Thêatain thành lập treo gương kỉ luật, kinh tín, cần học

(1) *Lịch sử Thế giới* cuốn II.

cho phái tăng lữ, nhưng đắc lực nhất là Da Tô hội (Compagnie de Jésus) do một quân nhân Y Pha Nho là Ignace de Loyola thành lập năm 1534. Tổ chức theo kĩ thuật và hệ thống quân sự, hội này lãnh trách nhiệm dùng uy quyền tuyên đổi của Giáo hoàng về phương diện chính trị lấn tôn giáo để gây lại đức tin. Tín đồ Jésuite tức là hội viên hội Da Tô không những chống cải cách mà chống cả cổ điển chủ nghĩa, chẳng những chống tà giáo mà chống cả tự do tư tưởng. Mục đích của nó là gìn giữ sự phục tùng hoàn toàn đối với giáo hội. Chống lại hành động cải cách họ dựa vào giáo dục. Trong chương trình học tập, họ cũng dạy văn hóa mới, nhưng kiểm duyệt kĩ càng. Họ mượn phần hình thức cổ điển chủ nghĩa, nhưng loại bỏ phần nội dung. Học đường La Mã do họ lập ra là một chỗ đào tạo hạng giáo sĩ cao cấp. Ngoài ra họ còn lập thêm trường học ở người Đức, Anh, Hi Lạp v.v...

Họ được giai cấp thống trị hoan nghênh và ảnh hưởng của họ lan rộng trong các đại học đường. Tới đâu họ làm sống lại triết học kinh viện tới đó.

Giữa thế kỉ 16 (1542) họ gởi phái đoàn đi khắp thuộc địa Bồ Đào Nha, sang Ấn Độ, Nhật Bản. Họ lập nhiều học đường ở Fribourg, Vienne, Prague, Munich mở rộng tầm hoạt động đến Ba Lan, Livonie, Transylvanie, Hòa Lan, Anh, Irlande, Pháp. Ở Ý, ảnh hưởng của họ mạnh hon hết.

2. Trong lúc Da Tô hội dùng văn hóa cứu vãn uy thế giáo hội và Giáo hoàng thì giáo đoàn Dominicain lại dùng khủng bố. Năm 1542 Giáo hoàng Paul III tái lập tôn giáo

pháp đình để bài trừ tự do tư tưởng. Giáo sĩ Dominicain được bổ nhặt làm pháp quan gởi đi khắp các nơi. Trừ Venise ở Ý ra, tôn giáo pháp đình đến đâu cũng thắng thế. Giáo hoàng Paul IV (1559-1564) ra lệnh khủng bố triệt để những kẻ tinh nghi là có tư tưởng tà giáo nữa. Không những dùng lửa để hủy hoại phong trào cải cách mà thôi, ông còn muốn bóp chết luôn khoa học và triết học. Bắt đầu từ năm 1559 sách vở bị đốt từ đống. Phản cải cách tôn giáo đến đây biến thành “phản phục hưng văn nghệ”.

Sở dĩ tôn giáo pháp đình được giai cấp thống trị các nước tiếp đón, vì giai cấp này muốn dùng nó chấn chỉnh những để đối phó với tà giáo mà đối phó với những lý thuyết cách mạng đảo lộn trật tự xã hội do họ dựng lên. Như vậy Da Tô hội, tôn giáo pháp đình, ngoài sự binh vực Giáo hoàng, Giáo hội còn che chở giai cấp tư sản chống lại những phong trào xã hội nữa.

3. Trong lúc ấy thì Giáo hội mở hội nghị Trente (Concile de Trente 1545-1563) để cải cách những điều mà phái Tân giáo đã chỉ trích. Hội nghị quyết định các giáo sĩ phải được huấn luyện tại những học đường đặc biệt, phải thuyết pháp thường thường và không được kiêm một mình nhiều nhiệm vụ. Hội nghị giữ nguyên vẹn giáo lý và tổ chức truyền thống của giáo hội (những thánh lễ, sự tôn sùng thánh ảnh, sự thờ cúng chư thánh, tiếng La Tinh, đời sống độc thân của giáo sĩ...). Ngôi bá chủ của Giáo hoàng phải được tôn trọng. Như vậy giữa Thiên Chúa và Tân giáo, ranh giới càng rạch ròi thêm.

Hội nghị Trente đánh dấu sự phục hưng của phái Thiên Chúa. Nó cấm các giáo hội quốc gia thành lập, vì điều ấy chứng tỏ các vua muốn thoát quyền Giáo hoàng. Bởi vậy quyết nghị của hội nghị bị các vua phản đối. Vua Pháp cương lại quyết nghị ấy, nhưng rốt cuộc phải nhượng bộ, vì giáo hội đã phục hồi ảnh hưởng được nhiều nơi, ở Ecosse, Hòa Lan, Đức, Hung và ngay ở Pháp nữa.

TÓM TẮT

1. *Chống lại phong trào cải cách, có nhiều giáo đoàn ra đời bảo vệ uy quyền Giáo hoàng và Giáo hội, trong đó có Da Tô hội do Ignace De Loyola thành lập. Da Tô hội gây được nhiều ảnh hưởng lớn khắp thế giới, hạn chế được phong trào cải cách ở nhiều nơi nhất ở Đức.*

2. *Ngoài các đoàn thể tôn giáo, Giáo hoàng cho tái lập tôn giáo pháp định dùng vũ lực đàn áp phong trào cải cách đốt sách tân giáo, giết những kẻ chống lại Thiên Chúa. Ngoài ra tôn giáo pháp định còn bài trừ luôn phong trào Văn nghệ phục hưng nữa.*

4. *Để chống lại phong trào cải cách cho có hiệu quả hơn, Hội nghị Trente chủ trương giáo hội phải tự cải cách, sửa đổi những chỗ hư hỏng, nhưng vẫn giữ trọn các nguyên tắc giáo lý, uy quyền Giáo hoàng và Giáo hội. Hội nghị Trente phục hồi ảnh hưởng của phái Thiên Chúa khắp nơi.*

CHƯƠNG VII

CÁCH MẠNG TÔN GIÁO (TIẾP THEO) CHIẾN TRANH TÔN GIÁO

1. Các giáo phái: Thiên Chúa, Luther, Calvin.
 2. Chính trị hòa giải của triều đình Pháp thất bại.
 3. Chiến tranh tôn giáo và chính trị bao quát. Cuộc tàn sát Saint-Barthélémy.
 4. Nước Pháp bị phân liệt – Lãnh chúa lấn áp vua.
 5. Anh và Ý Pha Nho can thiệp vào nội tình nước Pháp.
 6. Thiên Chúa đồng minh bạo động giết Henri III.
 7. Henri IV. – Sắc lệnh Nantes.
1. Cuộc vận động cải cách và phản cải cách tôn giáo chứng tỏ rằng thế kỷ 16 những biến đổi trong nền kinh tế làm biến đổi những tương quan xã hội và do đó trong tôn giáo chia ra nhiều phái tương phản nhau: phái Thiên Chúa của giáo hội, hoàng đế và các quốc vương chuyên chế, mà quyền lợi ăn chịu với quyền lợi Giáo hoàng; phái Tân giáo của các thân vương và giai cấp tư sản mà quyền lợi mâu thuẫn với quyền lợi giáo hội, hoàng đế và các quốc vương. Phái Tân giáo lại chia làm hai phái nữa: phái Luther

và phái Calvin. Phái Luther thi hành những cải cách ôn hòa với các thân vương muốn tranh giành quyền lợi của hoàng đế, của Giáo hội nhưng không muốn gây ra những phong trào xã hội có thể làm đổ nhào chế độ hiện tại trong đó có họ. Phái Calvin thì đi với giai cấp tư sản đang tiến lên và đang muốn xô ngã những trở ngại của giáo hoàng, của vua, của thân vương chấn ngay trước mặt họ. Chủ trương cải cách của Calvin triệt để hơn, có tính cách dân chủ tư sản, chống phong kiến hơn.

Vì những mâu thuẫn ấy mà thế kỉ thứ 16 và 17 là thời kì chiến tranh tôn giáo.

2. Ở Pháp chiến tranh tôn giáo có một tính cách quan trọng đặc biệt, có nhiều trạng thái phức tạp nhất. Nhiều thân vương muốn nhân chiến tranh giành lại những thái ấp bị mất⁽¹⁾. Bởi vậy mà chủ nghĩa Calvin thâm nhập tới lớp đại quý tộc, lãnh chúa.

Dưới triều Henri II và Francois II, tín đồ tân giáo đều bị đàn áp. Dời Charles IX, (1560-1574) vua còn nhỏ, bà hoàng thái hậu Catherine De Médicis nhiếp chánh. Bà chủ trương tự do tín ngưỡng để tránh chiến tranh trong nước. Về chính trị bà bỏ chính sách chuyên chế, triệu tập quốc hội⁽¹⁾. đồng thời bà nhóm hội đồng tăng lữ (1560), mục đích là liên kết Thiên Chúa và Tân giáo. Đại diện giai cấp tư sản đề nghị tịch biên tài sản của tăng lữ để trang

(1) Dưới chế độ quân chủ tập trung, thái ấp các lãnh chúa đều bị tập trung vào tay vua.

trái các món nợ nhà nước. Hội đồng Tăng lữ liên xin hiến 1.600.000 liu. Nhưng sự liên kết giữa Thiên Chúa và Tân giáo khó thực hiện được.

3. Tuy nhiên quyết giữ hòa bình, hoàng thái hậu chấp thuận tín đồ Tân giáo được tổ chức lê bái ở ngoại ô các thành phố và ở thôn quê. Nhưng sự hòa giải của bà vẫn không hiệu quả. Tín đồ Tân giáo đánh phá giáo đường Montpellier; còn tín đồ Thiên Chúa tàn sát tín đồ Tân giáo ở Vassy. Quốc hội tuyên bố bài trừ Tân giáo (1562). Liên đó khắp nước nội chiến nổ lên hết sức tàn khốc. Đi đôi với chiến tranh tôn giáo còn có chiến tranh chính trị. Miền Nam, các giáo sĩ tân giáo tuyên truyền rằng vua mạnh được là nhờ dân chớ không phải nhờ quý tộc; họ đánh đổ giai cấp quý tộc, đòi thủ tiêu mọi đặc quyền quý tộc. Giáo sĩ Thiên Chúa, do các thân vương giòng De Guise dẫn đạo đòi phục hồi đặc quyền lại cho các thành thị và quý tộc. Giữa hai lực lượng cuồng nhiệt ấy, triều đình đeo đuổi chính trị hòa giải nên phải cô lập. Để giành phần thắng. Thiên Chúa và Tân giáo không ngần ngại cầu viện ngoại quốc. Phía Thiên Chúa có vua Y Pha Nho, Philipe II. Phía Tân giáo, có hoàng hậu Anh Elisabeth và các thân vương Đức. Tân giáo nhường hải cảng Havre cho người Anh; Thiên Chúa suýt dâng cho Y Pha Nho cả nước Pháp. Quyền lợi đằng cấp được đặt trên quyền lợi quốc gia.

Từ năm 1562 đến 1570, xảy ra ba cuộc chiến tranh

(1) Từ 1454, quốc hội không được triệu tập lần nào.

nhưng không bên nào thắng. Năm 1570 Catherine De Médicis ra chiếu chỉ bình định.

Triều đình muốn trở lại chính trị hòa giải. Đô đốc Coligny một thủ lãnh tân giáo, được vua Charles IX mời vào hội đồng cố vấn; ông này khuyên vua chiếm đất Hòa Lan của Y Pha Nho⁽¹⁾, nhưng bị nước Anh ngăn cản. Hoàng thái hậu Catherine De Médicis thấy ảnh hưởng của Coligny đối với vua quá lớn, sợ vua nghe lời Coligny xúi tham dự vào cuộc chiến tranh chống Anh và Y Pha Nho nên bà quyết định cho thủ lãnh Thiên Chúa tổ chức tàn sát Tân giáo. Ngày 22 tháng tám năm 1572, ngày Saint Barthélémy 3000 tín đồ tân giáo bị giết trong đó có Coligny. Liền đó lửa chiến tranh bùng cháy khắp nước Pháp. Tuy mất thủ lãnh, tín đồ tân giáo tổ chức thành liên minh. Vua Charles IX phải nhượng bộ và cho họ được tự do truyền đạo (1573).

4. Năm 1574, Charles IX chết, truyền ngôi lại cho Henri III con thứ ba của Henri II. Thông minh nhưng yếu đuối và xa xỉ, Henri II bị dân chúng oán ghét.

Nước Pháp lâm vào cảnh hỗn loạn. Phái Thiên Chúa do Henri De Guise lãnh đạo tổ chức Thần thánh đồng minh (Sainte Ligue) chống lại triều đình. Henri De Guise toan cướp ngôi vua. Đồng thời Tân giáo cũng tổ chức liên minh và lập thành một tiểu quốc trong nước, chia nhiều chính

(1) Năm 1556 Hòa Lan nổi loạn chống Y Pha Nho. Năm 1572 xứ này tuyên bố thành lập chánh thể cộng hòa.

phủ, cầm đầu mỗi chính phủ là một quân nhân và một hội đồng dân cử. Ngoài trên hết là Henri De Navarre một lãnh tụ tân giáo. Giữa hai phái Thiên Chúa và Tân Giáo, có một đảng thứ ba gọi là đảng “chính trị”, chủ trương tự do tín ngưỡng. Nhưng không bao lâu đảng “chính trị” và Tân giáo liên hiệp, mỏ 20.000 quân Đức, về vây kinh thành Ba Lê (1576). Nước Pháp bị chia thành thái địa lớn. “Công tước Alencon” lãnh tụ đảng chính trị chiếm Anjou, Touraine và Berry; Henri De Navarre (Tân Giáo) chiếm Guyenne; thân vương Condé (Tân giáo) chiếm Picardie⁽¹⁾.

Trong cuộc chiến tranh này, bọn đại quý tộc át hẳn quyền vua và mong muốn tái lập chế độ phong kiến.

Nhưng ở Pháp chế độ phong kiến không còn điều kiện để tái sinh, nên không bao lâu lớp quý tộc ấy bị đánh bại. Nhà vua dựa vào Thiên Chúa đồng minh để tái lập chủ quyền.

5. Trong lúc nước Pháp lộn xộn thì ngọn lửa chiến tranh bén lên giữa Anh và Y Pha Nho. Vua Philippe II của Y Pha Nho cho giúp Thiên Chúa đồng minh, nữ hoàng Elisabeth của Anh giúp phái Tân giáo. Họ mượn cớ binh vực tín ngưỡng nhúng tay vào nội chiến của Pháp để tranh

(1) Giữa lúc ấy thì phái Tân giáo Calvin cầm đầu một phong trào xã hội ở Bỉ. Dân chúng nổi lên chiếm các đô thị. Một ủy ban cách mạng do Guillaume d'Orange cầm đầu thành lập ở Bruxelles mục đích chống lại Y Pha Nho. Trong nước chia ra làm hai: vùng Đông Nam theo quý tộc, tư sản qui thuận Quốc vương Y Pha Nho, còn các tỉnh Flandre, Brabant, Zélande cùng với Hòa Lan thì chống lại.

giành chủ quyền trên mặt biển.

Năm 1587, chiến tranh Anh, Y Pha Nho vượt hẳn phạm vi nước Pháp. Anh gởi hạm đội tới đánh hải cảng Y Pha Nho và Bồ Đào Nha, và năm 1588 Elisebeth giết luôn Marie Stuart, người được vua Y Pha Nho gởi quân tới chiếm nước Anh, nhưng hạm đội tới biển Manche thì bị đánh tan.

6. Giữa lúc ấy thì nội chiến vẫn tiếp tục ở Pháp ngót 10 năm (1585-1594). Thiên Chúa đồng minh tố cáo vua Henri III theo Tân giáo, kéo dân chúng nổi loạn, dựng chiến lũy và vây điện Louvre (1588), Henri III trốn khỏi kinh thành. Quốc hội nhóm ở Blois, do De Guise cầm đầu, tuyên bố chỉ có quốc hội được quyết định mọi việc dù là nghịch với vua. Henri III giả chước giải hòa với kẻ địch, (De Guise muốn cướp ngôi vua) rồi dùng mưu giết đi (1588), đoạn giải tán luôn quốc hội.

Tức thì 16 quận Ba Lê cử một ủy ban bạo động tuyên bố vua là kẻ thù của nước và giao cho quốc hội luận án. Hồng y giáo chủ De Bourdon được tôn lên ngôi. Henri III phải liên minh với phái Tân giáo và cùng với Henri De Navarre đem quân về vây Ba Lê. Nhưng ông bị một giáo sĩ cuồng tín là Jacques Clément đâm chết (1589). Henri De Navarre kế vị, tức là Henri IV (Henri đệ tứ)⁽¹⁾.

Nguyên là lãnh tụ phái Calvin, Henri IV phải đương đầu với Thiên chúa đồng minh hiện được Philippe II xứ Y

(1) Sau khi công tước d'Alencon chết, người được nối ngôi vua Pháp sau Henri III chính là Henri De Navarre lãnh tụ phái Tân giáo.

Pha Nho làm hậu thuẫn và đương làm bá chủ Ba Lê cùng các thành thị lớn. Tình thế Henri IV có mòi nguy. Sau bốn năm chiến tranh và thương thuyết, ông thắng thế. Ở Normandie và Iong, ông đánh được quân đồng minh (1589-1590). Nhưng vào tới Ba Lê ông lại thua.

Năm 1593, Hồng y giáo chủ De Bourdon chết. Thiên chúa đồng minh triệu tập quốc hội ở Ba Lê để tôn một ông vua khác. Philippe II đưa con gái là Isabelle ra tranh ngôi. Nhưng việc làm của Philippe II phạm tới tinh thần dân tộc của người Pháp. Thiên chúa đồng minh không dám quyết định. Thì ra dịp ấy, tại Saint Denis Henri IV long trọng thề bỏ Tân giáo (ngày 25-7-1593). Lãnh chúa thành thị liền theo ông. Năm 1594 ông vào thành Ba Lê. Đối với Y Pha Nho, chiến tranh còn kéo dài ba năm nữa, đến năm 1598 mới chấm dứt.

Xong rồi Henri IV giải quyết vấn đề tôn giáo. Sau một thời gian thương lượng khá lâu, ông làm cho hai bên chấp thuận sắc lệnh Nantes năm 1598. Theo sắc lệnh ấy thì phái Tân giáo được:

- 1) Quyền tự do tín ngưỡng khắp trong nước; quyền lê bái ở những nơi họ đã đặt cơ sở từ 1597.
- 2) Bình đẳng tuyệt đối với tín đồ thiên chúa và được bổ nhiệm vào mọi chức vụ; thành lập tối cao pháp viện gồm có quan tòa của hai bên Thiên chúa và Tân giáo.
- 3) Hướng đặc quyền chính trị và quân sự; quyền họp tôn giáo hội nghị thảo luận quyền lợi của mình,

quyền tổ chức bộ đội ở 100 vùng an ninh. Sắc lệnh Nantes chấm dứt hẳn cuộc nội chiến làm cho nước Pháp suy nhược⁽¹⁾.

(1) Khi vua Henri IV vô Ba Lê trong nước vẫn còn nhiều người đối lập. Thay vì đánh họ, ông dùng tiền để mua chuộc. Ông cho viên thống đốc Ba Lê một cây gậy thống chế và 200.000 đồng écus. Cả thảy ông tốn 20 triệu đồng livres để mua hòa bình cho nước Pháp.

TÓM TẮT

1. Phong trào cải cách phát triển, đạo Da Tô chia thành nhiều phái: Thiên chúa, Tân giáo. Tân giáo lại chia ra phái Luther và phái Calvin. Mỗi giáo phái đại biểu cho một tầng lớp xã hội và bình vực quyền lợi cho tầng lớp ấy.
2. Xu hướng Calvin phát triển mạnh ở Pháp. Nhưng muốn tránh chiến tranh, Catherine de Médicis chủ trương liên kết Thiên chúa và Tân giáo, nhưng không thành.
3. Phái Thiên chúa bảo vệ đặc quyền quý tộc, Tân giáo đòi thủ tiêu đặc quyền ấy. Phái Thiên chúa có Y Pha Nho ủng hộ; Phái Tân giáo có Anh, triều đình vẫn giữ thái độ hòa giải. Nhưng ngày 22/8 xảy ra vụ tàn sát Barthélémy làm cho chiến tranh bột khởi và lan tràn khắp nước Pháp.
4. Phái Thiên chúa thành lập Thần thánh đồng minh chống triều đình. Phái Tân giáo cũng hợp thành liên minh chống Thiên chúa. Henri De Navarre thành lập một quốc gia trong nước Pháp. Nước Pháp chia thành thái địa, trả lại tình trạng phong kiến.
5. Nước Anh và Y Pha Nho mượn cơ bình vực các

giáo phái ở Pháp mà tranh giành quyền lợi của nhau. Nhưng không bao lâu chiến tranh lại chính thức xảy ra giữa Anh và Y Pha Nho.

6. De Guise muốn cướp ngôi Henri III bị Henri III dùng mũi giết đi. Phái Thiên chúa đánh chiếm kinh thành. Henri III liên kết với Henri De Navarre, lãnh tụ Tân giáo bao vây Ba Lê, nhưng bị một giáo sĩ cuồng tín giết. Henri IV (Henri De Navarre) lên ngôi. Nhờ chính trị khôn khéo, ông được phái Thiên chúa thừa nhận. Năm 1598 ông ban hành sắc lệnh Nantes, giải quyết vấn đề tôn giáo.

CHƯƠNG VIII

CÁCH MẠNG DÂN CHỦ Ở ANH CHẾ ĐỘ ĐẠI NGHỊ THÀNH LẬP

1. Chính sách chuyên chế của họ Stuart.
2. Cách mạng diễn tiến.
3. Chế độ đại nghị thành lập và củng cố.
4. Cách mạng kĩ nghệ.

1. Đầu thế kỉ 13, nước Anh đã có một hạ nghị viện⁽¹⁾ hạn chế quyền vua. Nhưng về thực tế thì từ cuối thế kỉ 15, các vua giòng Tudor lại tỏ ra chuyên chế.

(1) Năm 1215, vua Jean Sans Terre ban bố bản đại hiến chương (Grande charte) với những khoản sau này: Phải có hội đồng quốc gia chấp thuận vua mới được trung thuế mới. Nếu không có pháp luật xét xử thì không ai có quyền bắt bớ giam cầm kẻ khác. Bản hiến chương này do hai mươi lăm quý tộc (barson) giữ phận sự thi hành. Nếu vua phạm tội hiến chương, các đại thần ấy có quyền chiếm cứ lâu đài và lãnh thổ của ông. Hiến chương bảo vệ công dân tự do nước Anh chống với quyền độc đoán.

Đến thế kỉ 16, nhân tôn giáo cải cách, các vua Anh muốn dựa vào quyền lực giáo hội La Mã thành lập giáo hội của nước Anh do vua cầm đầu. Trong nước chia ra nhiều giáo phái, phái Thiên chúa, phái Thanh giáo không phục tùng giáo hội nước Anh và chống lại quyền độc đoán của vua.

Hai vua Jacques 1er và Charles 1er giòng Stuart thiết lập chế độ chuyên chế, bãi bỏ hạ nghị viện, bắt dân Anh phải phục tùng giáo phái nước Anh khi ấy là hậu thuẫn của vua.

Jacques 1er (1603-1625) truất quyền công dân của tín đồ Thiên chúa; ngược lại tín đồ Thanh giáo khiến họ phải di cư sang Bắc Mỹ. Nhà vua phải đương đầu với tất cả các lực lượng trong xứ. Khi tình hình khủng hoảng tới tột độ thì Jacques 1er chết, truyền ngôi lại cho con là Charles 1er (1625-1649).

Ông này được viên thượng thư Strafford giúp sức ra mặt chuyên chế. Hội nghị đòi quyền kiểm soát tài chính, bị ông giải tán (1629). Chẳng những thế mà khi cần tiền ông tự ý đặt các sắc thuế và cưỡng bách quốc trại. Nhưng bao nhiêu cùng sách ấy không thể dùng lâu được. Về sau vì cần tiền để đánh dẹp dân Ecosse làm loạn, ông Pym dẫn đạo quả quyết binh vực các quyền tự do của người Anh. Strafford bị giết và bao nhiêu hành vi phi pháp, độc đoán của triều đình trong 11 năm rồi bị hủy bỏ. Charles 1er toan dùng vũ lực đàn áp nghị viện, khiến dân chúng Luân Đôn khởi loạn. Ông bỏ trốn ra ngoài kinh thành và tổ chức nội chiến (1642).

2. Sau một thời kì dằng co khá lâu⁽¹⁾, quân nhà vua bị quân cộng hòa do Cromwel lãnh đạo đánh bại. Năm 1645, Charles 1er bị thua ở Naseby, bị giải ra trước Nghị viện và bị xử tử năm 1649.

Cromwel bỏ chế độ quân chủ chuyên chế, thành lập chính thể cộng hòa, giải tán nghị viện. Dựa vào quân đội ông thiết lập chế độ độc tài (1653-1658). Ông chết, con là Richard bất lực phải từ chức (1659).

Trong lúc phong trào cách mạng tràn lên thì thượng tầng階級 giai cấp tư sản lo sợ, thỏa hiệp với các vương đảng và quý tộc chống lại. Vì thế mà một mặt cách mạng dựa vào điều kiện lịch sử bấy giờ phát triển đến cực độ, một mặt khác phe chống cách mạng gom góp những phần tử tư sản theo cách mạng rồi thoát li cách mạng, dọn đường cho vương triều Stuart trở lại chính quyền (1660).

Các vua Charles II (1660-1683) và Jacques II (1685-1688) muốn nhân thoái trào cách mạng tài lập chế độ chuyên chế băi bô nghị viện. Công chúng rất phẫn uất. Sau hai mươi tám năm xung đột, một cuộc cách mạng thứ hai xảy ra. Lần này giai cấp tư sản chỉ phế vua Jacques II và tôn Marie, con đầu của vua lên ngôi, và để vua trốn sang Pháp.

Nước Anh sau cuộc cách mạng thứ nhất, cơ sở xã hội đã biến đổi. Nền móng của chế độ quân chủ chuyên chế phong kiến quý tộc đã long rồi. Đầu Charles II và Jacques

(1) Nhà vua chiếm giữ Oxford; nghị viện chiếm giữ Luân Đôn.

II cùng phe phản động có tài giỏi, mưu lược đến bực nào đi nữa, địa vị cũ của họ trên lịch sử không thể tái lập được. Bởi vậy năm 1688, giai cấp tư sản hất họ đi một cách dễ dàng thành lập chế độ đại nghị và xây đắp nền tảng cho cuộc cách mạng công nghệ thế kỉ 18 tới.

3. Tuy nhiên trong cuộc cách mạng thứ hai, ngôi vua không mất. Người anh phế vua Jacques II (trốn sang Pháp) và tôn trưởng nữ ông này là Marie thuộc phái Tân giáo lên ngôi. Marie lại kết hôn với Guillaume d'Orange cũng là một ông hoàng Tân giáo. Guillaume d'Orange cùng lên làm vua một lần với vợ.

Các vua Anh từ đó phải thể kính trọng bản Tuyên ngôn công quyền (Déclaration des Droits) gồm có các tự do dân chủ và quyền đại nghị.

Bản tuyên ngôn xác định những nguyên tắc sau này: nếu nghị viện không chấp thuận thì vua không thể ngưng sự thi hành pháp luật, đánh một món thuế, trung mờ hoặc duy trì một đạo quân thường trực trong thời bình. Các cuộc bầu cử và thảo luận ở Nghị viện phải được tự do. Nghị viện phải nhóm thường thường. Công lí phải trong sạch và khoan hồng. Xem đó thì chủ nghĩa chuyên chế bị tiêu diệt vĩnh viễn ở Anh, trong lúc nó đại thắng ở Pháp. Nước Anh lúc ấy chưa có hiến pháp thành văn, bản Tuyên ngôn công quyền cũng không xác định vai trò nghị viện trong việc hành chính. Thế kỉ 18 các vua Anh Georges 1er (1714-27) và Georges II (1727-60) đều bất lực.

Chế độ đại nghị Anh nhân đó được tổ chức và tăng cường. Vua chỉ có huy vị, chính quyền thuộc về Nghị viện. Các tổng trưởng phải được đa số nghị viện làm hậu thuẫn trước khi thiếu đa số họ phải từ chức.

Nhờ chính thể mới này mà nước Anh phát triển rất mau. Trong khoảng hai mươi năm thương mại Anh tăng gấp hai. Giữa thế kỷ 18, nước Anh trở thành phú cường, trong lúc nước Pháp lụn bại. Thuộc địa của Pháp lọt dần về tay Anh⁽¹⁾.

Từ 1760-1783, chế độ đại nghị gặp khủng hoảng. Georges II (1760-1830) muốn đặt quyền vua lên trên quyền Nghị viện, tự chỉ huy tuyển cử, tự chọn lấy tổng trưởng. Nhưng về ngoại giao triều đình gặp thất bại, các thuộc địa châu Mĩ nổi loạn⁽²⁾. Tổng trưởng của vua không được dân chúng tín nhiệm. Vua phải dùng các tổng trưởng do đa số trong nghị viện đề cử. Sau cuộc khủng hoảng hiến pháp ấy chế độ đại nghị còn mạnh hơn trước. Mầm phong kiến còn sót lại không thể nảy lên được nữa.

4. Thế kỷ thứ 18, cơ khí phát triển mở đầu ở Anh một thời kì mới, thời kì cách mạng kĩ nghệ.

(1) Từ 1688 giữa Anh và Pháp xảy ra một cuộc chiến tranh kéo dài tới 1815, kể cả những thời gian hưu chiến. Anh thâu được nhiều thắng lợi. Hai nước Hà Lan và Bồ Đào Nha phải làm chư hầu Anh. Chính Bồ Đào Nha cũng thành một thị trường dành riêng cho thương mại Anh. Chiếm được eo biển Gibraltar của Ý Pha Nho nước Anh nắm chìa khóa Địa Trung Hải.

(2) Xem chương XII, Sự thành lập nước Huê Kì.

Từ trước kĩ nghệ còn nằm trong phạm vi thủ công. Chỉ có nghê dệt len, vải thô, lụa là quan trọng. Đầu thế kỉ 18, có kĩ nghệ dệt vải đại qui mô xuất hiện ở vùng Liverpool. Nước Anh được phú cường rất chóng.

Nửa đầu thế kỉ 18 kĩ thuật nghê dệt được cải thiện. John Kay chế ra cái thoi bay (navete volante, 1733). John Wyatt chế ra máy kéo sợi (1735). Cùng lúc ấy người ta nấu được gang và Davy tìm được thứ đèn lồng giúp cho nghê khai mỏ bớt nguy hiểm. Ở Anh sau thế kỉ 18, xuất hiện nhiều phát minh quan trọng hơn nữa, biến đổi hẳn kĩ nghệ dệt và kĩ nghệ kim thuộc, như máy kéo sợi chạy bằng sức nước (1768), máy có động cơ (1785); cách chế gang thành ra sắt và thép (1784). Nhưng quan trọng nhất là máy hơi nước do James Watt tu chỉnh lại từ 1760 đến 1781. Máy hơi nước là một động lực tiến hóa vô cùng vĩ đại, chẳng những làm cho sức sản xuất kĩ nghệ của nước Anh tăng lên gấp bội mà còn gây những biến đổi vĩ đại trong xã hội sau này. Sự sản xuất kĩ nghệ càng tăng, thương mại càng phát triển, thị trường càng phải mở rộng, sức bành trướng đế quốc thực dân càng mãnh liệt. Các trung tâm kĩ nghệ càng thêm nhiều, giai cấp mới trong xã hội xuất hiện: giai cấp tư bản gồm có đại thương gia, đại kĩ nghệ gia và giai cấp thợ thuyền tập trung ở các đô thị kĩ nghệ, đẻ thêm nhiều mâu thuẫn xã hội mới. Tiếp theo cuộc cách mạng kĩ nghệ chúng ta sẽ thấy những cuộc cách mạng xã hội, chính trị ở châu Âu, nhất là nước Pháp.

TÓM TẮT

1. *Mầm dân chủ ở Anh đã phôi thai từ thế kỷ 13. Đến thế kỷ 16, giòng Stuart thiết lập lại chế độ chuyên chế. Charles 1er giải tán nghị viện và tự ý đặt các sắc thuế cũng cưỡng bách quốc trai. Dân chúng nội loạn chiếm kinh thành.*
2. *Sau một thời gian nội chiến, Charles 1er bị quân cách mạng xùa tú. Chế độ dân chủ thành lập do Cromwel lãnh đạo Cromwel chết, cách mạng thoái trào. Charles II (1660-1685) và Jacques II (1685-1688) muốn tái lập chế độ chuyên chế. Một cuộc cách mạng thứ hai diễn ra, tuy không giết vua, nhưng củng cố chế độ đại nghị.*
3. *Bản Tuyên ngôn công quyền được ban bố. Thế kỷ 18, chế độ đại nghị Anh đã vững lăm, xã hội Anh nhờ đó tiến bộ rất mau. Cuối thế kỷ 18, Georges III muốn tái lập chế độ chuyên chế nhưng không thành. Sau đó chế độ đại nghị Anh còn mạnh hơn bội phần.*
4. *Thế kỷ 18, nước Anh bước vào cuộc cách mạng kĩ nghệ. Nhiều phát minh kĩ thuật ra đời biến đổi phương pháp sinh sản và tương quan xã hội. Trong đó máy hơi nước là một động lực tiến hóa quan trọng nhất.*

CHƯƠNG IX

VĂN MINH THẾ KỶ 17

1. Các nhà thông thái tiền phong.
2. Văn nghệ: *Descartes, Corneille, Pascal*.
3. Khuynh hướng cổ điển:
 - a) Pháp; b) Anh; c) Đức.
4. Khuynh hướng cổ điển biến thể:
 - a) Hòa Lan – Đức; b) Bỉ – Ý Pha Nho – Ý.
5. Những cải cách khác.
 - a) Tập tục; b) Nhà cửa; c) Y phục;
 - d) Lưu thông; e) Vệ sinh; g) Tin tưởng;
 - h) Đời sống của dân chúng.
1. Đầu thế kỉ 17 văn minh châu Âu phát triển rất mạnh. Các nước Tây phương đều cùng nhau góp sức để xây đắp nền móng khoa học Cận đại.

Những động lực phát triển của khoa học lúc ấy là phương pháp và các thứ dụng cụ được dùng. Phương pháp gồm có hai phần, phần suy luận theo toán học, phần quan

sát và thí nghiệm; hai phần ấy hòa lẫn với nhau và bôi bổ cho nhau. Descartes người Pháp có công định nghĩa phương pháp toán học và chỉ cách áp dụng phương pháp ấy cho có hiệu quả. Bacon, người Anh, có công xây dựng qui tắc phương pháp quan sát, thí nghiệm (1620). Muốn quan sát và thí nghiệm cần phải có dụng cụ. Nhờ những dụng cụ phát minh hồi thế kỉ 17, như kính viễn vọng, kính hiển vi, đồng hồ quả lắc, khí áp biếu, máy bom (machine penumatique) v.v... người ta đã quan sát được một cách tinh tường.

Các nhà thông thái danh tiếng nhất thế kỉ 17, có người Pháp như Descartes, Pascal; người Đức, Képler, Leibnitz, người Ý, Galilée; người Hà Lan, Huyghens, người Anh, Newton.

Công việc sau tầm khảo cứu chưa tới trình độ chuyên môn như ngày nay. Các nhà thông thái làm việc tùy phương tiện tùy sở thích và người nước này công bố kết quả cho người nước ngoài biết để khảo cứu bổ túc thêm. Dần dần kết quả được các chính phủ để ý tới, đem dùng vào đời sống chung của quốc gia, và nhu cầu quốc gia lại thúc đẩy sự khảo cứu.

Về toán học, Descartes đặt ra kỉ hà học phân tích (géometrie analytique); Pascal và Fermat đặt nền tảng cho cái nhiên toán pháp (calcul de Probabilité); Newton và Leibnitz tìm ra nguyên tắc vi tích phân học (calcul infinitésimal 1684). Về thiên văn học, Képler định ra các pháp tắc căn bản về vũ trụ dẫn lực (attraction universelle 1687); Galilée tìm thấy núi trên mặt trăng, vết của mặt trời, các vệ tinh

của thiên vương tinh. Về vật lí học, Galilée tìm được pháp tắc về sự rơi xuống của các vật; Huyghens tìm được pháp tắc về sự bảo tồn động lực; Torricelli và Pascal tìm được áp lực không khí; Roemer người Đan Mạch đo được sức mau của ánh sáng (1676).

Về tự nhiên học, Harvey, người Anh, phát minh sự huyết dịch tuần hoàn trong cơ thể; Lewenhooek phát minh ra tinh trùng, hồng huyết cầu, Mariotte phát minh sự dinh dưỡng của thảo mộc.

2. Về văn nghệ thì Pháp thịnh hơn cả. Trước thế kỉ 17, ngôn ngữ Pháp chưa được thuần thực, trong đó còn lẫn lộn tiếng Hi Lạp, La Tinh, thổ ngữ. Đầu thế kỉ 17, Malherbe làm cho nó thành ra giản dị, trong sáng. Công việc này về sau nhờ có hàn lâm viện Pháp thành lập năm 1635 đảm đương. trách nhiệm của hàn lâm viện là đặt trật tự, kỉ cương trong văn nghệ, gạn lọc tiếng nói, nhất là soạn một bộ tự điển.

Những áng văn chương danh tiếng nhất thời ấy là của Pierre Corneille (1684-1704)⁽¹⁾, Descartes (1596-1653)⁽²⁾ và Pascal (1623-1662)⁽³⁾.

Vua Louis 14 cho lập các hàn lâm viện. Cảnh hàn lâm

(1) Tác giả *Le Gid* (1639) *Horace*, *Cinna*, *Polyeucte*, là những vở kịch làm say mê khán giả.

(2) Tác giả *Discours de la Méthode* (1637) một tác phẩm quan trọng trong lịch sử tư tưởng.

(3) Tác giả tập *«Lettres à un Provincial»* bênh vực tự do tư tưởng.

viện Pháp còn có hàn lâm viện khoa học, hàn lâm viện kiến trúc, hàn lâm viện kí tài v.v...

3. a) Thế kỉ 17 khuynh hướng cổ điển phát triển mạnh đồng thời với chính trị độc đoán của nhà vua. Nhà vua bảo hộ văn nghệ và ngược lại văn nghệ có nhiệm vụ cung cống nền quân chủ. Các tác giả hướng về thời xưa để sáng tác. Họ dùng đê tài và khung cảnh lịch sử cũ để giải quyết những vấn đề tâm lí đạo đức đương thời. Họ tìm được ở văn chương Hi Lạp một kho tài liệu mới.

Corneille và Molière lặp lại những luận đê của Sophocle⁽¹⁾ và Euripide⁽²⁾. Tác giả hài kịch Molière chỉ đem tác phẩm của Ménandre⁽³⁾ và Térence⁽⁴⁾ đặt vào hoàn cảnh xã hội thời ông; La Fontaine chỉ tiếp tục công việc của Eăsope⁽⁵⁾ và Phèdre⁽⁶⁾; Boileau nhà thơ trào phúng chỉ phỏng theo Horace⁽⁷⁾, Bossuet nhà hùng biện, chịu ảnh hưởng Paul

-
- (1) Thi hào, tác giả bi kịch danh tiếng Hi Lạp (495-405 tr. Jésus): *Antigone, Electre, Trachinienne, Oedipe roi, Ajax v.v...*
 - (2) Thi hào Hi Lạp (480-406 Tr. J.), tác giả *Alceste, Médée, Hippolyte couronné, Andromaque, les Bacchantes v.v...*
 - (3) Thi sĩ, tác giả bi kịch Hi Lạp (342-292 tr. Jésus).
 - (4) Thi sĩ La Tinh, sinh ở Carthage (194-159 tr. Jésus). Tác giả nhiều hài kịch bằng tiếng Hi Lạp.
 - (5) Nhà ngôn ngữ Hi Lạp (thế kỉ VII-VI tr. Jésus). Nô lệ được giải phóng.
 - (6) Nhà ngôn ngữ La Tinh (3 tr. J.-44 s. Jésus). Nô lệ được giải phóng.
 - (7) Thi hào La Tinh (65-8 tr. Jésus). Tác giả *Ode, Epode, Epitre, Satire và Art Poétique.*

Orose⁽¹⁾. Cuối thế kỉ 17 có La Bruyère⁽²⁾ chịu ảnh hưởng Théophraste⁽³⁾, Fénelon⁽⁴⁾, Bayle⁽⁵⁾ và Fontenelle⁽⁶⁾. Các ông sau này xuất hiện vào cuối thế kỉ 17. Tinh thần phê phán của họ không còn tính cách cổ điển nghĩa là không phụng sự chế độ quân chủ mà lại chống báng chế độ ấy để khai mào cho tinh thần cách mạng thế kỉ 18 sắp tới.

Khoảng 1648 và 1715 nước Pháp làm bá chủ châu Âu và ánh sáng văn minh của nó rạng chói khắp thế giới.

Quan trọng nhất là nghệ thuật kiến trúc. Thế kỉ 17, nước Pháp vượt qua nước Ý. Đời Henri IV, thành Ba Lê đã có dáng một thủ đô vĩ đại, đời Médicis có điện Luxembourg, đời Richelieu có thư viện hoàng gia và trường đại học Sorbonne. Đời Louis XIV, Ba Lê bắt đầu cạnh tranh với La Mã và không bao lâu có những kiến trúc vĩ đại hơn La Mã nữa. Triều đình mời các kiến trúc sư Ý về Ba Lê và các thiên tài nghệ thuật này đã để lại cho đời sau công viên Vendôme, điện Invalides, dãy cột điện Louvre, đèn Marly, cung Versailles. Chính những kiến trúc này làm

(1) Nhà sử học và thần học thế kỉ 4-5 ở Y Pha Nho.

(2) Tác giả «*Les caractères*» (1688); viết tác phẩm này ông công kích xã hội đương thời, nhất là giai cấp thống trị.

(3) Triết gia Hi Lạp (371-287 tr. Jésus).

(4) Tác giả “*Télémaque*” 1699. Ông kín đáo chỉ trích vua Louis 14 và chủ nghĩa độc đoán. Ông cổ động sự tin tưởng chân lí, khoa học.

(5) Tác giả «*Entretien sur la pluralité des Mondes*» (1680).

(6) Tác giả «*Dictionnaire critique et historique*».

cho nước Pháp trở thành trung tâm nghệ thuật, cả châu Âu đều bắt chước.

b) Trong lúc ở Pháp nghệ thuật kiến trúc phản chiếu tinh thần quân chủ chuyên chế thì ở Anh, thành Luân Đôn chịu ảnh hưởng từ bản chủ nghĩa mà tiến tới một đô thị kim thời. Vua Charles 1er đem nghệ thuật kiến trúc nước Ý vào nước Anh, có ý vun đắp thêm nền quân chủ, nhưng ý muốn nhà vua bị cách mạng 1648 chặn đứng lại. Cuối thế kỉ 17, giòng Stuart trung hưng tiếp tục công việc của vua Charles 1er. Nhân trận hỏa hoạn 1666 thiêu hủy đại bộ phận kinh đô Luân Đôn, triều đình theo kiến trúc cổ điển La Mã làm lại kinh thành ấy.

c) Khuynh hướng cổ điển tràn vào tận Đức. Giữa thế kỉ 16, Đức lụn bại và nghệ thuật mất hẳn bản sắc dân tộc. Thế kỉ 17, nó chia thành hai vùng ảnh hưởng. Phía Nam chịu ảnh hưởng Ý rất nặng, phía Bắc chịu ảnh hưởng Hòa Lan. Các thành phố quan trọng như Vienne và Dresde đều theo kiến trúc Ý. Tin đồ Tân giáo bị vua Louis XIV ngược đài tựu tới Bá linh rất đông và đem lối kiến trúc cổ điển Pháp tới đó.

4. a) Về văn nghệ khuynh hướng cổ điển Pháp cũng gây nhiều ảnh hưởng lớn. Các nước châu Âu nối gót Pháp tìm tài liệu sáng tác tr trường cổ điển. Nhưng khuynh hướng cổ điển ở các nước này không phát triển được như ở Pháp và các tác phẩm văn nghệ của họ chỉ có một giá trị tầm thường. Các tác giả như Milton (Anh), Vondel (Hòa Lan) không được sáp hạng với các ngôi sao nước Pháp.

Xuyên qua Hòa Lan, ảnh hưởng văn nghệ cổ điển Pháp

lan tới Đức, nhưng nó lại biến thể để hóa thành một khuynh hướng tả thực thô tục, cộc cằn chuyên diễn tả những tấn tuồng giết chóc, tra tấn của thời xưa.

b) Ở Bỉ, Y Pha Nho, Ý, vì kinh tế thoái bộ mà tinh thần các nước này phải sa sút.

Kinh tế nước Bỉ, ngột thở vì Escaut mất vai trò giao thông, nước Y Pha Nho kiệt quệ vì chính sách của Philippe II và những kè kè vị. Nước Ý từ thế kỉ 16 tới sau bị Y Pha Nho chi phối không còn giữ nổi trình độ trí thức và nghệ thuật thời cổ điển học và văn nghệ phục hưng nữa, sang thế kỉ 17 bị tinh thần phản cải cách chi phối. Mọi hoạt động trí thức đều bị chặn đứng lại.

Ở Bỉ đầu thế kỉ 17, nghệ thuật cũng hết tiến bộ. Trường hội họa Rubens và Vaiệt Nam Dych có một địa vị quốc tế, nhưng phải lu mờ dần. Ở Y Pha Nho sau khi Vélasquez và Murilo qua đời, nghệ thuật cũng tắt luôn như ở Bỉ.

Ở Ý nhờ gia sản to lớn của giáo hội và giáo hoàng mà nghệ thuật kiến trúc vượt qua được con khủng hoảng do phong trào cải cách gây ra và tiến tới chỗ lộng lẫy hơn nữa. Khuynh hướng cổ điển biến thể, hóa thành một khuynh hướng mới gọi là Rococo. Khuynh hướng này bỏ những nét uy nghi mà tìm cái đẹp, cái vui, cái bất ngờ. Nghệ sĩ ưa tô điểm, chạm trổ tỉ mỉ, làm cho nghệ thuật rườm rà, mất hết vẻ thành thực. Ngoài khuynh hướng Rococo hình như nghệ sĩ thiếu động lực gây cảm hứng, hòa lẫn cái mới với cái cũ để làm thành một khuynh hướng chiết trung. Đến đây nghệ sĩ không còn thấy phuơng hướng, không nhận

ra mục đích, mất cả đức tin, chỉ theo thị hiếu đương thời tìm cái gì có tính cách kiêu xúc, xinh xắn, thỏa lòng tự ái tức là những cái đánh dấu sự suy đọa của một trào lưu nghệ thuật vĩ đại.

5. a) Thời chiến tranh tôn giáo, tập tục xã hội đã trở thành tục tằn, tàn bạo. Thế kỉ 17 trật tự tái lập, con người biết ăn ở với nhau lịch sự hơn. Tục đấu kiếm không được tôn sùng nữa. Con người kiêu mỗm phải là con người nhã nhặn.

b) Người ta biết sắp đặt nhà cửa hợp tiện nghi, chia ra nhiều phòng, mỗi phòng có đồ đặc riêng và dùng vào từng việc khác nhau: phòng ngủ, phòng ăn, phòng khách.

c) Y phục cũng thường biến đổi. Thời Henri IV người ta dùng y phục giản dị, thời Louis XIII, y phục lộng lẫy, thời Louis XIV, y phục đàm ông có kết ren, thắt băng. Nhưng đến cuối thế kỉ 17, trở lại giản dị để được phù hợp với y phục của quân nhân.

d) Sự lưu thông thời ấy còn khó khăn lắm. Đường sá phần nhiều hẹp, quanh co, lồi lõm, đầy bùn sinh, hàng hóa bày biện cung khắp; người qua lại chen nhau. Tối lại, bọn trộm cướp nhanh nhản. Đến năm 1667 đường Ba Lê mới có vài cây đèn lồng.

e) Phép vệ sinh thì người ta chưa biết đến mấy. Ngay ở Versailles, chung quanh điện vua mà rác rến dơ bẩn chất đầy. Dân chúng chen nhau tr những căn nhà chật hẹp tối tăm thiếu khí trời. Nước thì hiếm, phải mua từng thùng, từng vò không để để tắm giặt. Không mấy nhà có phòng

tăm. Người đau không được săn sóc. Khoa y học gồm có phép xổ, và chăm sóc. Nửa thế kỉ 17, người ta mới biết dùng nước suối và vài thứ thuốc hóa học.

g) Óc mê tín còn nặng lăm. Người ta tin thầy pháp, ma quỉ. Ngay ở triều đình, con người vẫn tồi tệ: họ có lăm cù chỉ hèn hạ, lăm mưu mô và hay phản trắc lẩn nhau. Bọn quý tộc cũng quen thói cờ gian, bạc lận. Cách cai trị còn tàn khốc, đòi sống tù nhân thảm khổ hết bực; đòi bọn lưu đày càng không tả xiết.

h) Cảnh đòi sống kiêu xa, lộng lẫy của triều đình, quý tộc, tài phiệt, phú hào, đòi sống của quần chúng nhất là ở thôn quê cùng cực quá đỗi. Cho nên thế kỉ 17 là thế kỉ vinh quang đối với giai cấp thống trị, con đối với giai cấp cần lao của Pháp và cả châu Âu thì là một thế kỉ đau khổ, đói khó. Nạn nhân của bọn thâu thuế tàn ác, bọn quân lính cuộp giật, người nông dân thường sống sát với cái chết. Người ta hút cạn huyết quản của họ để xây lên những cung điện lộng lẫy, để tổ chức một cuộc đòi mĩ lệ và để nuôi dưỡng những đội binh hùng cường hầu bảo vệ ngai vàng và tranh ngôi bá chủ.

TÓM TẮT

1. Thế kỷ 17 nhờ phương pháp toán học, thí nghiệm và dụng cụ tốt mà khoa học phát triển rất mạnh. Những tiến bộ quan trọng nhất thuộc về toán học, thiên văn và vật lí học, Kepler, Galilée, Descartes, Pascal, Newton và Leibnitz là những bậc thóng thái có công nhất.

2. Văn nghệ Pháp đến lúc này nở. Năm 1635, hàn lâm viện Pháp thành lập. Các tác phẩm danh tiếng Le Cid (1636), Discours de la Méthode (1637) và Provinciales ra đời, đánh dấu bước đầu văn chương cổ điển. Thời Louis XIV, các nghệ thuật gia phải sáng tác theo nguyên tắc đã định. Nhiều kiệt tác ra đời ca ngợi chế độ đương thời; cuối thế kỷ 18, các tác giả lại quay ra chỉ trích. Về kiến trúc, cũng khuynh hướng cổ điển chi phối. Cung Versailles là một kiến trúc hoàn toàn của nghệ thuật Louis XIV. Khuynh hướng cổ điển Pháp chi phối nghệ thuật kiến trúc các nước Anh, Đức.

4. Về văn nghệ, khuynh hướng cổ điển Pháp cũng chi phối tất cả các nước chung quanh: Anh, Đức, Hà Lan, Bỉ, Y Pha Nho, Ý, v.v... Nhưng văn nghệ các nước này tùy hoàn cảnh xã hội mỗi xứ, biến đổi tính chất. Nghệ thuật kiến trúc nước Ý sau này truy lạc dần để biến thành khuynh hướng Racoco, và khuynh

hướng chiết trung.

5. *Phong tục tập quán trở nên thuần thực. Người ta không còn thô bỉ như trước nữa. Nhà cửa được xây cất tiện nghi hơn, đường sá cũng sạch sẽ rộng rãi hơn. Nhưng phần đông người ta chưa biết phép vệ sinh. Ở thôn quê, các tầng lớp dân chúng còn sống trênh khốn đốn, trái hẳn với đời sống xa hoa của vua chúa, trưởng giả.*

CHƯƠNG X

CHÍNH SÁCH CHUYÊN CHẾ VÀ XÂM LĂNG THỜI ĐẠI LOUIS XIV

1. *Nước Pháp sau chiến tranh tôn giáo.*
2. *Chế độ chuyên chế.*
3. *Chính sách xâm lược.*
4. *Chiến tranh thừa kế và chiến tranh Hòa Lan (1672-1678).*
5. *Chiến tranh chống liên minh Augsbourg (1688-1697).*
6. *Chiến tranh thừa kế Ý Pha Nho.*

1. Sử gia cho rằng thế kỉ 17 là thế kỉ Louis XIV. Dưới triều Louis XIV, sự hùng cường của nước Pháp chi phối cả thời kì lịch sử ấy ở châu Âu.

Sau bao nhiêu năm loạn li vì các cuộc phân tranh tôn giáo, nước Pháp phải cố gắng lăm moi vượng lên được. Người mở đầu công trình phục hưng là Henri IV, kế đến là Richelieu, một vị thủ tướng uy thế nhất của Louis XIII.

Khi Louis XIV còn nhỏ, Mazarin kế tiếp Richelieu củng cố nền quân chủ. Đến lúc vua Louis XIV trưởng thành, tự cầm lấy quyền bính được (1661-1715) thì nền quân chủ Pháp đã tiến đến chỗ toàn thịnh, mạnh nhất trong các nền quân chủ chuyên chế, chỉ huy cả xã hội châu Âu thế kỉ 17.

Khác với nước Anh và các nước Bắc Âu, nước Pháp không bị nghị viện kiểm soát một cách quá chặt chẽ. Ở Pháp quyền lợi quý tộc và tài chủ, thương gia xung đột luôn, nhưng bọn tài chủ, thương gia không được nhất trí và không tạo thành một lực lượng chi phối triều đình. Nhiều lúc họ tổ chức thành liên minh và bạo động như phong trào Fronde⁽¹⁾, chống lại sự chuyên chế của Louis XIV và Mazarin, nhưng kết cuộc họ hoàn toàn thất bại (1652).

2. Từ đó vua khống chế tất cả mọi lực lượng trong nước. Khi Mazarin chết rồi (1661) thì Louis XIV chẳng những là một vị quốc vương chuyên chế của nước Pháp mà của toàn cõi châu Âu.

Đối với giai cấp quý tộc, ông phân phát ân huệ, tạo cho họ một đời sống xa hoa ở triều đình, miễn các thứ thuế để dần dần biến họ thành những nô bộc chỉ biết tranh giành miếng đinh chung. Dân chúng phải đóng góp rất nhiều để vua nuôi bọn ăn hại ấy. Nhưng chế độ quân chủ cũng nhờ

(1) Fronde nguyên là một trò chơi liệng đá của trẻ con, bị cảnh binh cấm. Sau người ta dùng danh từ này để gọi các cuộc nội chiến do bọn vương thân và phu hào gây ra chống lại vương triều Pháp.

đó mà thịnh vượng được một thời khá lâu và được gọi là thời “Đại quân chủ”.

Louis XIV ở ngôi đến 72 năm (1643-1715). Ông được tôn lên làm Đại vương. Các vua châu Âu đều phải phục tùng ông cả. Ông là người thông minh, có đàm lược, có chí lớn. Mục đích gần của ông là tạo nên một nước Pháp mạnh từ sông Rhin đến núi Pyrénées, và sáp nhập nước Bỉ của Y Pha Nho. Mục đích xa là giành cho Pháp ngang ngôi hoàng đế Charlemagne thuở trước. Ông vung tiền ra khắp nơi. Vua Charles II của Anh và các lãnh chúa xứ Ba Lan cũng đều là kẻ ăn tiền của ông cả.

Ông thích đòi sống lộng lẫy. Cung Versailles với các phòng khách, nhà kiếng, công viên, đường đi làm cho cả thế giới phải kinh ngạc. Một cái thú đình (nhà dùng vào sự săn bắn) nhỏ, ông cũng làm thành một cung điện nguy nga trong một khu rừng rộng mênh mông. Năm 1682, vua và triều đình dùng cung Versailles làm chỗ ở chính thức. Các vương thân, lãnh chúa đua nhau xây cất nhà cửa chung quanh, tạo thành một đô thị vô cùng tráng lệ bên cạnh thủ đô Ba Lê.

Khắp châu Âu, các vua và lãnh chúa nối gót Louis XIV kiến trúc rất nhiều cung Versailles, xài phí tiền bạc không biết bao nhiêu mà kể. Nhiều kĩ nghệ chế tạo xa xỉ phẩm ra đời, sản xuất các thứ đồ đặc, hàng vải. Nghệ thuật trang hoàng được cơ hội phát triển. Các thứ lọ, chén, đũa, bình, tượng đá, tượng sành, đồ kim khí, đồ gỗ, đồ lụa, nhạc cụ, họa phẩm, rượu ngon, sách quý là những món được khách

sành chơi ở Pháp yêu chuộng nhất. Trong cảnh sống cực kì hoa lệ ấy, vua và triều thần chỉ biết tìm hưởng mọi thích thú tinh vi của thế gian mà không tưởng tới bọn dân đen phải chịu nhịn ăn để đóng góp.

Quyền vua không giới hạn. Việc cai trị của vua không bị kiểm soát. Vua không bao giờ triệu tập quốc hội, và quốc hội biến thành một viện chuyên ghi lại những hành vi của vua. Quốc gia vì vậy phải chịu tất cả mọi quyền hành độc đoán, chuyên chế.

Để giữ an ninh trong nước, triều đình mở rộng chế độ cảnh binh. Khắp nơi, tại triều cũng như ngoài château quận, nhà vua đều có đặt trinh thám. Mỗi một câu viết đều phải qua tì kiểm duyệt. Mỗi một lời nói ctt gây vạ tù đày. Vua có quyền bãi bỏ tòa án và xử tội nhân theo ý muốn của mình. Không bằng lòng một người nào, vua có thể ra lệnh tống giam, bất chấp pháp luật.

3. Có chí xâm lăng, một mặt ông lo tổ chức cho nước Pháp một lực quân mạnh nhất châu Âu và một hải quân đương cự nổi hải quân Anh và Hòa Lan; một mặt khác ông bài trừ những lực lượng đối lập. Ông giữ thái độ hòa giải với giáo hoàng mà trước kia ông khinh ghét. Nhưng đối với giáo phái khác như Tân giáo Calvin và Janséniste⁽¹⁾ ông lại ngược đai, cho rằng các giáo phái này là lực lượng sinh loạn. Tập sách Provinciales (1656-1657) của Pascal viết để bình vực giáo phái Janséniste bị thiêu hủy (1660), tu viện

(1) Giáo phái của Jansen, giáo sĩ nước Bỉ.

Prot-Royal bị triệt hạ (1709) và 2000 tín đồ Jansénistes bị cầm tù (1715).

Phái Tân giáo còn bị ngược đãi quyết liệt hơn.

Ông cho rút dần các quyền lợi phái này được hưởng theo sắc lệnh Nantes (1598). Người ta dùng hết cách bắt buộc họ trở lại với Thiên chúa. Năm 1685, Louis XIV bãi bỏ luôn sắc lệnh Nantes: Các giáo đường tân giáo bị hủy hoại, lê bái bị cấm, giáo sĩ bị trục xuất. Sự bãi bỏ sắc lệnh Nantes gây nhiều ảnh hưởng tai hại cho Pháp về kinh tế, xã hội, chính trị. Nhiều ngành kĩ thuật Pháp do phái Tân giáo đảm đương phải ngừng hoạt động. Tín đồ tân giáo sang Anh, Hòa Lan, Brandebourg làm cho các nước ấy thêm thịnh vượng. Nhiều nơi như ở vùng Cévennes, nông dân tân giáo nổi lên làm loạn, chính phủ phải đánh dẹp hàng năm mới yên. Các nước theo Tân giáo kết thành liên minh chống Pháp.

4. a) Để thực hiện mộng đế quốc, Louis XIV vừa cầm quyền đã xua quân đánh Ý Pha Nho lúc ấy đã suy nhược, để chiếm nước Bỉ. Trong vòng hai tháng rưỡi quân đội Pháp chiếm một phần xứ Flandre và Franche-Comté. Thấy Pháp tiến quân Hòa Lan và Anh lo ngại. Họp với Thụy Điển, hai nước này đứng ra điều đình. Hòa ước Aix-Chapelle kí (1668), Pháp trả lại Franche-Comté, nhưng giữ những lãnh thổ ở Frandre cùng các tỉnh Lille và Douai.

b) Năm 1672, Louis XIV cho xua 120.000 quân sang đánh Hòa Lan. Thấy nguy cấp quá, nước này liền cho phá đê, cả nước Bỉ bị ngập. Quân Pháp không tiến được. Đồng thời cách mạng Hòa Lan đưa Guillaume d'Orange lên chính

quyền. Ông này liền thành lập một liên minh chống Pháp gồm có Áo, Y Pha Nho, Brandebourg (1673).

Nhưng nước Pháp giữ được ưu thế, tái chiếm Freanche-Comté và Flandre. Dánh không nổi, liên quân phải ký hòa ước Nimègue (1678), Y Pha Nho phải chịu hết chiến phí và nhường cho Louis XIV Freanche-Comté thêm một vùng nữa trên lãnh thổ Flandre với thành Valenciennes, Maubeuge và Cambrai.

5. Uy thế Louis XIV đã lên đến cực điểm. Ông cho sáp nhập vào bản đồ Pháp những vùng Sarre Luxembourg. Thành Strasbourg của Đức cũng bị chiếm (1681).

Cả châu Âu đều phẫn nộ. Hoàng đế Đức tổ chức một liên minh tự vệ gọi là liên minh Augsburg (1686) gồm các quốc gia trong đế quốc Đức, Y Pha Nho, Thụy Điển. Louis XIV cho chiếm luôn Palatinat. Chiến tranh bùng nổ. Trong lúc lấy Guillaume d'Orange tức vị ở Anh. Liên minh được thêm hai nước gia nhập nữa là Anh và Hòa Lan. Louis XIV lần này đương đầu với toàn thể châu Âu.

Nhưng một lần nữa, khắp nơi quân Pháp đều thắng. Các đại tướng Pháp Catinat và Luxembourg thu hoạch được những chiến công oanh liệt. Hòa ước Ryswick ký (1697), Louis XIV phải hoàn lại các lãnh thổ chiếm được từ hòa ước Nimègue, trừ Strasbourg. Đến đây, sức xâm lăng của Pháp đã hết chỗ bành trướng.

6. Vua Y Pha Nho Charles II phát bịnh nặng. Louis XIV ngầm điều đình với Anh và Hòa Lan phân chia quyền kế vị. Nhưng không muốn đế quốc Y Pha Nho qua phân,

Charles II truyền ngôi lại cho công tước d'Anjou cháu Louis XIV (1700). Dẫu hiệp ước phân chia kí với Anh, Hòa Lan có lợi cho Pháp hơn, Louis XIV vẫn thừa nhận di chúc của Charles II. Nhưng khi công tước Anjou lên ngôi tức là vua Philippe V thì Louis XIV muốn giữ xứ Y Pha Nho cho mình. Guillaume d'Orange thừa dịp ấy tổ chức đại đồng minh La Haye chống Pháp gồm có Anh, Hòa Lan, Đức (1791).

Chiến tranh kéo dài tới 13 năm (1701-1714), quân Pháp thất bại nặng. Từ năm 1704 trở đi Pháp mất dần thuộc địa và phải rút quân khỏi nhiều mặt trận. Mùa đông năm 1709 Pháp lâm nguy; muốn điều đình, nhưng mãi đến 1713 nhờ thắng được một trận ở Denain mới kí được hòa ước Utrecht và 1714, hòa ước Rastatt. Theo các hòa ước này, Philippe V giữ Y Pha Nho và thuộc địa nhưng không được quyền kế vị ở Pháp; Đức chiếm Hòa Lan, xứ Milanais, Naples, Sardaigne; công tước Savoie chiếm Sicile; Anh chiếm Terre-neuve, Acadie và vịnh Hudson của Pháp, Minorque và Gibraltar của Y Pha Nho.

Nước Pháp, sau các trận giặc ấy còn nguyên vẹn, nhưng kiệt sức hết tiền, mất thuộc địa, mất địa vị bá chủ ưu thế trên mặt biển và thuộc địa.

TÓM TẮT

1. Sau tôn giáo chiến tranh nước Pháp suy nhược. Nhờ Henri IV, Richelieu, Mazarin cố gắng lăm moi phục hưng được. Đến lúc Louis XIV cầm quyền thì nước Pháp đã là một nước quân chủ chuyên chế chi phối cả châu Âu. Trong nước thường có xung đột giữa quý tộc và tư sản, nhưng kết cuộc quý tộc thắng. Chế độ đại nghị không phát triển được.
2. Louis XIV là một ông vua chuyên chế. Các giai cấp xã hội đều phải phục tùng. Bảy mươi hai năm tại ngôi, ông cố làm cho nước Pháp cường thịnh như đế quốc Charlemagne. Ông cho xây cung Versailles và tổ chức đời sống cực kì lộng lẫy để tuyên dương uy đắc.
3. Để thực hiện mộng xâm lăng. Louis XIV một mặt tổ chức quân đội mạnh nhất châu Âu, một mặt bài trừ các lực lượng đối lập. Ông ngược đãi Tân giáo, bãi bỏ sắc lệnh Nantes (1685) gây nhiều tai hại cho Pháp về sau, dân Pháp bỏ xứ mà đi rất nhiều; nông dân nổi loạn; và các quốc gia Tân giáo kinh chống Pháp.
4. Các cuộc chiến tranh xâm lăng đến, Louis XIV giữ ưu thế. Chiến tranh thừa kế Ý Pha Nho, Pháp chiếm được một phần xứ Flandre, chiến tranh Hòa Lan

(1672-1678) Pháp chiếm xứ Franche-Comté.

5. Thời bình, Louis XIV sáp nhập vào Pháp nhiều lãnh thổ lân cận. Gần trọn châu Âu hợp lại chống Pháp. Chiến tranh do liên minh Augsbourg chủ trương (1688-1697) không kết quả.

6. Ván đè thùa kế ở Y Pha Nho gây một trận giặc nữa (1701-1714). Lần này Pháp thất bại nặng. Hòa ước Utrecht (1713) và Rastatt (1714) đem lại cho Áo và Anh nhiều thắng lợi.

CHƯƠNG XI

**NUỐC NGA DƯỚI TRIỀU
PIERRE LE GRAND**

1. *Pierre le Grand Âu hóa nước Nga.*
2. *Pierre le Grand tổ chức chế độ quân chủ chuyên chế.*
3. *Chính sách diều địa – Chế độ nông nô.*
4. *Kỹ nghệ, Thương mại, Mâu thuẫn giữa thành thị và thôn quê.*
5. *Pierre le Grand mở rộng biên giới Nga: đánh Thụy Điển và Thổ Nhĩ Kỳ.*
6. *Kiến trúc thành Saint-Pétersbourg.*
7. *Kết quả.*

1. Nước Nga đến thế kỉ 17 vẫn còn trong tình trạng lạc hậu, bán khai. Trong lúc các rợ phái Tây lợi dụng những di tích văn minh thượng cổ để kiến trúc một xã hội mới, trong lúc các nước Tây Âu mở đường vào những vùng đất xa lạ, tranh giành quyền bá chủ trên các đại dương thì người Nga phải luôn luôn chống lại thời tiết khắc nghiệt

và các giống dân du mục tới đánh phá.

Sống giữa châu Âu và châu Á, nước Nga chịu ảnh hưởng cả hai bên, nhưng không theo hẳn bên nào. Đến thế kỉ 18 nó bị châu Âu chi phối. Bức thúc nó về mặt kinh tế lẩn quân sự, châu Âu đối với nó vừa là kẻ địch vừa là ông thầy.

Vua Pierre le Grand (1682-1752) hết sức âu hóa nước Nga, làm cho nó trở thành một cường quốc tương tự cường quốc châu Âu.

Khi lên ngôi, Pierre le Grand chưa biết gì về châu Âu. Theo lời khuyên của vài người Âu cư ngụ Mạc Tư Khoa, ông âm thầm ra khỏi nước. Trong cuộc du lịch này (1697), ông lưu trú tại Hòa Lan, Anh, xem những xưởng đóng tàu, xưởng chế tạo, bảo tàng viện, các cơ sở khoa học, tự mình làm thợ đóng sườn nhà, thợ nấu giấy, sưu tầm các sách luật, các kiểu tàu, kiểu máy và mướn các nhà chuyên môn đủ loại đem về Nga. Riêng nước Hòa Lan ông mướn được 500 người; kĩ sư, võ quan, kiến trúc sư, y sĩ, thợ in, thủy thủ, thợ chuyên môn đủ nghề.

Năm 1716 ông chính thức sang Đức, Đan Mạch, Ba Lê tìm cách kí hiệp ước tương trợ, hoặc thương mại với các nước này.

Để khuyến khích người ngoại quốc tới nước Nga, ông cho họ được tự do tín ngưỡng. Đối với các thợ máy, thợ thủ công, giáo sư, y sĩ ông cấp nhiều đặc quyền. Đồng thời ông cho người Nga đi học kĩ thuật ở ngoại quốc: Hòa Lan, Venise, Anh, Đức. Trong thời gian trị vì, ông mở hai trăm xưởng dệt len, dệt thảm, thuộc da. Ông cho đem cừu về

nuôi trong xứ để lấy len, cho trồng nho, thuốc lá, mỏ mang kĩ nghệ khai mỏ, thành lập xưởng máy, đào kinh v.v... Ông cố sức làm cho nước Nga được mạnh và địa vị Nga hoàng được củng cố.

Về phong tục, ông thi hành nhiều cải cách: Cấm để râu dài, tóc dài, cấm bận áo lượt thượt; cấm đàn bà che mặt và sống cấm cung⁽¹⁾.

2. Pierre le Grand là một ông vua chuyên chế. Năm 1700, ông bỏ quốc hội, cầm giữ chính quyền. Ông chia nước ra làm 12 đạo, 43 tỉnh, mỗi tỉnh có quan thống đốc chịu trách nhiệm trước hội đồng do hạng địa chủ quý tộc bầu lên. Ở thành thị thì quan lại và thương nhân bầu thị trưởng và hội đồng phụ tá.

Dưới triều Pierre le Grand, các lãnh chúa phong kiến và các thương nhân phải hoàn toàn lệ thuộc hoàng đế. Giai cấp tăng lữ cũng không hơn gì. Ở Nga giáo hội không bao giờ chiếm được địa vị thống trị như ở Tây Âu; nó chỉ yên phận làm một kẻ tôi đòi tinh thần lo bảo vệ ngai vàng mà thôi.

Pierre le Grand tổ chức một quân đội liệt vào hàng mạnh nhất thời bấy giờ, gần hai trăm ngàn người. Kỉ luật hết sức nghiêm, phỏng theo kỉ luật Phổ-lô-sĩ. Người lính chỉ biết phục tùng như một cái máy.

Ông tập trung hết đất đai vào tay mình. Địa chủ chỉ

(1) Những phong tục này người Nga theo người Hồi giáo khi bị giống Thổ Mông đô hộ.

là người thuê đất của hoàng đế. Muốn hưởng đất, địa chủ phải làm cả mọi công việc thuộc dân sự hay quân sự. Giai cấp quý tộc vì vậy biến thành một giai cấp công chức của nhà nước. Trước kia ai có đất là được vào hàng quý tộc, bây giờ nhà quý tộc là một quan lại mà đất dùng để trả công. Không phải nhờ có đất mới có quyền, mà phải có quyền trước rồi mới có đất. Giá trị con người tùy theo vai trò của nó trong nước. Pierre le Grand đem áp dụng nguyên tắc ấy cho cả mình nữa. Về chức vụ hoàng đế, ông chỉ thâu huê lợi trong khu vực ông giữ riêng⁽¹⁾ thêm số lương thợ làm sườn nhà 360 rúp, và một số lương tính 40 rúp (sau tăng lên 360). Ngoài ra ông không hưởng thêm món lợi nào nữa. Ông sống rất đạm bạc với một thị nữ về sau ông tôn lên làm hoàng hậu (1711).

Nhưng sự thật ông vẫn làm chủ cả nước, vì nước là của vua. Vua đứng trên giai cấp quý tộc đã biến thành giai cấp cai trị và hoàn toàn phụng sự vua. Giai cấp quý tộc được giữ tài sản của mình và truyền lại cho con cháu. Quốc gia của Pierre le Grand thật ra là một bộ máy quan liêu chuyên chế bảo vệ quyền lợi cho giai cấp quý tộc một cách chắc chắn vậy.

3. Nhiệm vụ nhà nước giao cho địa chủ, quý tộc là thâu thuế và điều khiển nông dân tr công việc sản xuất. Người nông dân, theo ý Pierre le Grand phải dính khăn

(1) Ông đem hết của nhà vua làm tài sản quốc gia chỉ giữ huê lợi một khu vực 800 người.

vào miếng đất, và địa chủ là một công chức của vua, phải có một quyền tuyệt đối. Người nông dân phải phục dịch địa chủ với tư cách một nông nô.

Tình cảnh của nông nô, trong điều kiện ấy, thật là thảm khốc. Họ là một con vật, một món đồ trong tay địa chủ. Địa chủ có thể đem họ, hoặc người trong gia đình họ ra bán, giết, cầm tù, đày đọa, trừng phạt tùy theo sở thích. Địa chủ đối với nông dân có một uy quyền vô thời hạn như vua vậy. Sự bó buộc nông nô nhăm vào sự kiến thiết một quốc gia cường thịnh mà vua là chủ nhân.

4. Trái với chính sách điên địa ấy, nhà vua tỏ ra tiến bộ hơn trong phạm vi kĩ nghệ và thương mại. Các thương nhân và kĩ nghệ gia được tự do sáng kiến và công nhận được tự do bán sức lao động. Vua muốn tạo thành một giai cấp tư sản và giai cấp công nhân như ở xã hội châu Âu. Nhưng ở châu Âu thành thị phát triển, chi phối nền kinh tế phong kiến và cuối cùng làm cho kinh tế phong kiến phải đổ vỡ, còn ở Nga thì nhà nước làm trung gian giữa kinh tế thành thị và kinh tế nông thôn khiến thành thị không tiến triển đúng theo đà của nó được và do đó sự tiến triển chung của xã hội phải đình trệ cho đến ngày cách mạng Bonchevik nổi lên.

5. Pierre le Grand còn thấy phải mở cho nước Nga một con đường giao tiếp với châu Âu thì nó mới trở thành một cường quốc như ý ông muốn. Để đạt mục đích ấy, ông đánh nước Thụy Điển, chiếm lấy ven biển Baltique, đánh nước Thổ Nhĩ Kỳ chiếm lấy ven biển Hắc Hải. Ông thắng

được Thụy Điển; nhưng lại bị Thổ Nhĩ Kỳ đánh thua, phải trả lại hải cảng Azov cho xứ này.

Năm 1700, ông bị Charles XII, vị quốc vương anh hùng của nước Thụy Điển, đánh bại ở Narva. Nhưng ông nói: “Người Thụy Điển còn đánh ta lâu hơn nữa; càng đánh lâu họ càng dạy ta cách thắng họ”. Đến năm 1709, Charles XII bị ông đánh bại ở Poltava và chạy trốn sang Thổ Nhĩ Kỳ.

Thụy Điển bắt đầu suy từ đó. Năm 1721, do hiệp ước Nystadt. Thụy Điển phải nhường cho Nga các tỉnh Livonie, Esthoine, Ingrie, Carelie và một phần xứ Phần Lan. Trước kia Pierre le Grand chỉ muốn có một cửa sổ dòm ra biển Baltique; bây giờ ông lại có cả một mặt tiền hàng mấy trăm cây số. Ông làm cho Nga thành một nước phú cường nhất Đông Âu.

6. Một công trình vĩ đại nữa của Pierre le Grand là sự kiến trúc thành Saint Pétersbourg⁽¹⁾. Từ 1703 ông bắt đầu kiến trúc thành này để chứng tỏ một cách hùng hồn rằng nước Nga cũng muốn có một địa vị trên mặt biển. Saint Pétersbourg là một cánh cửa lớn mở rộng để đón lấy ánh hưởng của phương Tây và cũng là một biểu hiện tinh thần cải cách của nước Nga dưới triều Pierre le Grand.

Trong công việc này dân Nga phải chịu nhiều hi sinh lớn. Trước hết họ phải lấp những vũng sinh lầy mênh mông ở vùng hạ lưu sông Néva. Việc làm khó khăn cực nhọc quá

(1) Bây giờ là Léningrad.

đến nỗi ai cũng sợ. Chính phủ dùng vũ lực bắt bốn vạn nông dân tói làm. Dụng cụ thiếc, họ phải dùng gậy, có khi dùng tay để bói sinh, phải trải vạt áo tói ra bung đất. Họ phải nhịn đói, ngủ giữa trời, và chết như rạ. Nhưng lớp người này chết, lớp khác tói thay. Nhà vua quyết thực hiện cho kì được ý muốn làm bá chủ. Nhà cửa ban đầu cất toàn bằng gỗ theo kiểu Hòa Lan. Nhưng vừa ra lệnh cho trong nước phải để giành đá xây cất nhà ở Saint Pétersbourg. Ai trái lệnh ấy sẽ bị phát lưu.

Mỗi nhà giàu phải cất cho được một ngôi nhà hai tầng. Các tàu buôn muốn cặp bến phải chờ tới nộp một số đá cuội. Trong công việc này Pierre le Grand tỏ ra mình là một ông vua độc đoán không kém các hoàng đế Đông phương.

7. Sống bên cạnh châu Âu tiên tiến và sưới sự bức thúc của họ. Pierre le Grand muốn cho nước Nga tiến hóa vượt bậc. Nhưng sự vượt bậc ấy, dưới thời Pierre le Grand, gấp phải khả năng kinh tế và văn hóa còn thấp kém của nước Nga hạn chế. Một nước hậu lạc bắt buộc phải hạ thấp những cái thâu thập được của nước tiên tiến để cho vừa với tầm của mình, vì vậy mà trong sự tiến hóa thường mất sự điều hòa và chất chứa nhiều mâu thuẫn. Để áp dụng yếu tố kĩ thuật mà Pierre le Grand đem từ Tây Âu về Nga vào công cuộc sinh sản một cách có hiệu quả, nhà nước phải bóc lột dân chúng thêm một tưng nữa. Chắc chắn nông nô hiện có trong nước đã là tàn khốc, nay lại càng tàn khốc hơn.

Cái mộng của Pierre le Grand là làm cho nước Nga thành một cường quốc châu Âu do một giai cấp thị dân tháo vát cầm đầu. Nhưng sự tiến hóa chậm chạp của nền

kinh tế phong kiến Nga làm cho trung tâm kĩ nghệ của Nga không thể không thành lập được thì giai cấp thị dân không thể phát triển. Phong trào âu hóa nước Nga về sau chỉ làm hậu thuẫn cho giai cấp quý tộc giam giữ nước Nga vào tình trạng phong kiến thêm một thời gian rất lâu nữa.

TÓM TẮT

1. *Thế kỉ 17, Nga vẫn còn là một nước lạc hậu. Đến thế kỉ 18, Pierre le Grand (1682-1725) Âu hóa nước Nga. Ông sang Anh, Hòa Lan, nghiên cứu khoa học, học thuật, muốn kĩ thuật gia ngoại quốc đưa về nước và tìm cách kí thương ước với các nước Đan Mạch, Đức, Pháp. Ông cho người Nga du học ở ngoại quốc, khuyến khích người ngoại quốc tới ở Nga.*
2. *Ông thiết lập chính quyền chuyên chế, các giai cấp xã hội đều phục tùng vua, tổ chức một quân đội hùng cường, tập trung đất đai vào tay mình. Mọi người trong nước ai cũng phải có bốn phận mới có quyền lợi, kể cả giai cấp quý tộc.*
3. *Pierre le Grand bảo tồn chế độ nông nô. Địa chủ có quyền tuyệt đối. Nông nô bị bóc lột triệt để. Đời sống của họ không hon gì con vật bao nhiêu. Nhà nước bắt họ làm việc để lấy tiền kiến thiết quốc gia mới.*
4. *Về thương mãi và kĩ nghệ, Pierre le Grand dẽ dãi hơn. Ông muốn tạo ra một giai cấp tư sản tháo vát. Nhưng chính sách trung gian của nhà nước giữa thành thị và thôn quê khiến kinh tế thành thị không phát triển mạnh được.*

5. Pierre le Grand đánh Thụy Điển và Thổ Nhĩ Kỳ để mở đường cho Nga giao tiếp với châu Âu. Sau một thời kì chiến tranh, ông thắng được Charles XII và chiếm các tỉnh ven biển Baltique.

6. Ông cho kiến trúc thành Saint Pétersbourg từ 1703. Thật là một công trình vĩ đại làm thiệt hại rất nhiều sinh mạng nông dân Nga.

7. Vì Pierre le Grand muốn dùng quyền lực và ý chí riêng của mình kiến thiết một quốc gia trong một thời gian ngắn nên chính sách của ông làm cho giai cấp cần lao hết sức khổ mà kết quả sự cải cách chỉ có lợi cho giai cấp quý tộc phản tiến hóa mà thôi.

CHƯƠNG XII

NUỐC HUÊ KÌ THÀNH LẬP

1. Anh, Pháp, Hòa Lan đến xâm chiếm Bắc Mĩ.
2. Chiến tranh Anh – Pháp.
3. Chiến tranh Anh – Huê Kì.
4. Cách mạng tiến triển, Pháp, Y Pha Nho can thiệp.
5. Chiến tranh Anh, Pháp, Y Pha Nho.
6. Huê Kì độc lập.
7. Huê Kì chọn đường.
8. Bản Tuyên ngôn độc lập.

1. Cuối thế kỉ 17, khi tìm được đường hàng hải nối liền các đại lục rồi, các quốc vương và thương nhân châu Âu đua nhau dồn sức về các châu Á, Phi, Mĩ xâm chiếm đất mới. Trước hết người Y Pha Nho và Bồ Đào Nha lục lạo các biển Ấn Độ, Thái Bình Dương. Một thế kỉ sau người Anh, Hòa Lan nối gót theo họ và hướng được nhiều kinh nghiệm họ để lại.

Thấy người Y Pha Nho và bdm vì tạn bạo, giảo quyết mà mất lòng thổ dân người Anh và Hòa Lan thay đổi chính

sách. Miễn là thổ dân chịu bán cho họ gia vị, vàng, bạc, nộp đủ số cống vật thì thôi, ngoài ra họ không đòi hỏi gì thêm. Thái độ ấy làm cho thổ dân coi họ là bạn, là ân nhân. Nhờ vậy mà họ chiếm được dễ dàng nhiều vùng đất phì nhiêu nhất thế giới.

Nhưng không bao lâu giữa các nước thực dân này lại có giặc. Họ giành thuộc địa của nhau. Có điều là giặc thuộc địa không diễn ra tại thuộc địa mà lại diễn ra trên mặt biển. Ai có chiến thuyền mạnh kè ấy thắng. Kết cuộc Anh thắng Hòa Lan và chiếm được nhiều thuộc địa ở Mĩ, Ấn Độ và Phi.

Khác với trận giặc Anh – Hòa Lan, trận giặc Anh – Pháp diễn ra trên đất Mĩ. Hai bên, bên nào cũng muốn giữ lãnh thổ Mĩ về mình. Nguyên nhân 1497, Cabot đã đặt chân lên đại lục Mĩ. Ba mươi bảy năm sau, Giovanni Versazano cũng tới thăm hiểm vùng duyên hải này. Cabot giúp việc cho người Anh, còn Versazano, cho người Pháp. Vì lẽ ấy mà Pháp và Anh đều đòi làm chủ toàn thể đại lục Bắc Mĩ.

Năm 1278, người Anh thành lập những hội buôn đầu tiên ở Virginie, và năm 1598 người Pháp đến đóng ở Gia Nã Đại. Lúc ấy thì tmc, Pérou, Ba Tây thuộc về Y Pha Nho và đang phát triển mạnh.

2. Trong khoảng thế kỉ 17 giữa xứ Maine và Carolimes, 10 vùng đất thực dân được thành lập để làm chỗ cho những người Anh chống lại chính phủ chính quốc đến ẩn náu, như các tín đồ Thanh giáo đến ở Nouvelle Angleterre (Tân Anh Cát Lợi) năm 1620, hoặc như tín đồ Quaker, một phái

tân giáo nước Anh, đến ở Pensylvanie năm 1681. Dân di cư này họp thành đoàn ở dọc theo bờ Đại Tây Dương hi vọng thành lập một quê hương mới, ở đó họ tránh được sự đàn áp, bó buộc của quốc vương Anh.

Khác với người Anh li khai chính quốc, người Pháp mở thuộc địa vì chính quốc, vì vua. Tại thuộc địa Pháp, ngoại trừ giáo sĩ Jésuites, người Do Thái và Tân giáo không được bén mảng tới. Thuộc địa Anh là của giai cấp tư sản, thương gia Anh. Nó biểu hiện một tinh thần tiến bộ. Trái lại thuộc địa Pháp là của vua, và những người tới khai khẩn chỉ là nô bộc vua mà thôi.

Thế kỉ 16 người Pháp tìm được cửa sông Saint Laurent rồi mở những đường mòn từ vùng Grands lacs (Đại hồ) dọc theo sông Mississippi và dựng nhiều pháo đài theo duyên hải vịnh Mẽ Tây Co. Sau một thế kỉ thám hiểm, họ xây cả thảy sáu chục pháo đài ngăn đôi các thuộc địa Anh trên bờ Đại Tây Dương và đại lục.

Trên giấy tờ thì lãnh thổ nhường cho các công ti Anh giáp từ Đại Tây Dương tới Thái Bình Dương. Nhưng sự thật thì đất của người Anh không qua khỏi pháo đài của Pháp được. Hai bên xung đột nhau, sát hại nhau rất nhiều trên các đường ranh giới này.

Khi vương triều Stuart còn ngự trị ở Anh thì họa chiến tranh Anh – Pháp có thể tránh được. Các vua Anh cần vua Pháp ủng hộ để đương đầu với Nghị viện Anh. Nhưng đến năm 1689, họ Stuart phải nhường ngôi lại cho Guillaume d'Orang. Guillaume d'Orang lại là kẻ thù của vua Louis XIV

nước Pháp. Từ đó tới 1673, hai nước Anh – Pháp quyết chiến với nhau để giành thuộc địa Ấn Độ và Mĩ (Bắc).

3. Trong cuộc chiến tranh ấy, chiến thuyền Anh thủ thắng, Pháp mất gần hết thuộc địa. Chiến tranh dứt, trọn Bắc Mĩ lọt vào tay Anh. Hồi ấy Huê Kì đất rộng, nhưng dân thưa. Từ Massaschussettes đến Carolines và Virginie cách nhau mấy trăm cây số mà không mấy người ở. Tuy nhiên người Huê Kì⁽¹⁾ được sống tự do và thoát được mọi kềm chế, bóc lột thống trị của chính quốc.

Trong lúc ấy thì bọn quý tộc tài phiệt Anh lại nghĩ khác, họ đòi thu quyền khai thác thuộc địa vào tay họ, hạn chế việc buôn bán, giao độc quyền ngoại thương cho người Anh; tất cả hàng xuất cảng từ thuộc địa phải do người Anh kiểm soát và chỉ có hàng Anh được tiêu thụ tại Mĩ, sau hết nghị viện Anh đòi được quyền đánh thuế trên toàn thể lãnh thổ đế quốc. Giữa chánh quốc và thuộc địa bắt đầu xung đột. Dân Huê Kì lên tiếng phản đối. Họ không chịu nhận vua Anh là một đấng thiêng liêng và nghị viện có quyền tuyệt đối.

Năm 1763 khi thắng được Pháp rồi, vua Anh thừa dịp đổi phó quyết liệt với thuộc địa, thẳng tay trừng trị những kẻ ngang ngạnh chống chánh quốc.

Chiến tranh bắt đầu năm 1763, chính phủ Anh thi hành biện pháp đầu tiên là kiểm soát báo chí và các tài

(1) Tức là những người Anh bị chính phủ ngược đãi học muốn thoát li chính phủ đến Mĩ thành lập một nước mới.

liệu khác ở thuộc địa. Biện pháp ấy bị phản đối thuộc địa không nhượng bộ chút nào.

Suốt năm 1774 hai bên đều lo tích trữ lương thực, dự bị chiến tranh. Mùa xuân năm ấy chính phủ Anh quyết định đóng hải cảng Boston để trừng phạt thành phố này đã tẩy chay cuộc buôn bán trà của công ty Đông Án Độ. Nếu thành phố Boston không chịu thừa nhận trà của công ty nhập cảng thì thương mãi của nó sẽ bị tiêu diệt luôn. Để thi hành biện pháp ấy, quân đội Anh được lệnh kéo tới đóng ở Boston. Người Huê Kì liền phản động lại. Hội đồng thuộc địa nhóm phiên đầu tại Philadelphie vào tháng chín. Mười hai thuộc địa có mặt tại hội nghị⁽¹⁾ bắt đầu thảo tuyên ngôn độc lập.

Nhưng đến mùa xuân 1775 vẫn không xảy ra việc gì.

Sang tháng tư năm ấy đại tướng Gage được lệnh đem quân bắt hai lãnh tụ Huê Kì là Hancock và Samuel Adams, và đã khai mào trận giặc giải phóng Huê Kì. Hai lãnh tụ nói trên đã bắt không được mà quân Anh bị quân nghĩa dũng đánh lui và rút cục bị vây ở Boston.

4. Hội nghị nhóm lần thứ hai trong năm 1775 cử George Washington làm tổng tư lệnh quân đội Huê Kì. Năm 1777 đại tướng Burgoyne của Anh từ Gia Nã Đại kéo xuống New York thì bị vây, phải đem cả đạo quân đầu hàng.

(1) 12 thuộc địa ấy là: Massachusetts, Conneetient, New, Hampshire, Rhode, Island, New York, New Jersey, Rensylvanie, Maryland, Delaware, Virginie, Bắc Caroline và Nam Caroline; Géorgie không dự.

Quân Huê Kì thắng. Người Pháp phấn khởi. Họ vui mừng thấy nước Anh, kẻ địch của họ, đã đến lúc suy yếu. Nam tước La Fayette cùng nhiều thanh niên quý tộc Pháp sang Huê Kì nhập vào hàng ngũ quân cách mạng. Tại Ba Lê, Franklin sứ thần Huê Kì vận động Pháp can thiệp.

Vergennes; thủ tướng Pháp ưng thuận. Y Pha Nho cũng muốn theo Pháp để đuổi Anh ra khỏi Gibraltar và chiếm thuộc địa Anh ở Bắc Mĩ. Tuy nhiên Y Pha Nho còn sợ cách mạng Huê Kì thành công rồi từ Huê Kì gây ảnh hưởng đến thuộc địa của mình nên còn do dự, để Pháp kí một mình với Huê Kì. Giúp Huê Kì, Pháp có ý đánh bại Anh, kéo Huê Kì về buôn bán với Pháp, và nhờ đó cứu vãn tình hình tài chính Pháp đang nguy ngập, cứu vãn chế độ quân chủ đang lung lay vì sự đà kích của công chúng. Năm 1778 Vergennes và Franklin kí hai bản hiệp ước tương trợ, thương mãi, ước hẹn bảo vệ quyền lợi, hòa bình cho nhau và một hiệp ước liên kết phòng thủ. Theo hiệp ước ấy nước Pháp ủng hộ độc lập Huê Kì.

5. Đáp lại thái độ ấy, nước Anh không đợi tuyên chiến cất quân đánh ngay nước Pháp.

Năm 1779, được Pháp cam kết cho chiếm Gibraltar, Mirnorque và Floride, Y Pha Nho liên minh với Pháp, nhưng không cam kết ủng hộ Huê Kì độc lập.

Hai chiến thuyền Pháp, Y Pha Nho nhập lại đú đuong đầu với chiến thuyền Anh. Nước Pháp tính dùng 400 chiếc tàu và 40.000 quân đánh chiếm đất Anh vào tháng bảy, nhưng công việc tập kết tàu vận tải phải trễ 3 tháng làm cho kế hoạch ấy về sau không thi hành được.

Đổ bộ lên đất Anh không được, Pháp quay về phía Mĩ gởi sang đó một đội quân 6000 người do Rochambeau chỉ huy năm 1780. Đồng thời liên quân Pháp, Y Pha Nho bao vây Gibraltar.

6. Năm sau (1781) thêm một đội quân Anh, do đại tướng Corwalis chỉ huy, đầu hàng Huê Kì trên bán đảo York town ở Virginie nữa. Nước Anh đã đến lúc lâm vào tình thế quẫn bách. Trong lúc ấy thì tài chính Huê Kì đã cạn, tài chính Pháp và Y Pha Nho chẳng hon gì. Y Pha Nho tịch thu tiền của thương nhân rồi chuyển thành quốc trái cưỡng bách; còn Pháp thì bị khánh tận và sắp bị khủng hoảng chính trị lớn. Trong tình trạng ấy, không nước nào muốn kéo dài chiến tranh nữa.

Huê Kì và Anh sẵn sàng tiếp đón đề nghị giảng hòa của Áo và Nga đứng làm trọng tài. Nhưng thừa nhận Huê Kì độc lập, Anh nhất định không cho Pháp và Y Pha Nho chiếm quyền lợi mình trên mặt biển và thuộc địa. Để kí riêng hòa ước với Huê Kì, Anh nhượng lại cho Huê Kì nhiều quyền lợi như là thừa nhận cho Huê Kì biên giới tỉnh Mississippi, quyền đánh cá trên hải phận Anh ở Gia Nã Đại và giao trả lại những người Huê Kì theo Anh.

Theo điều kiện ấy, hòa ước được kí kết năm 1782 và được phê chuẩn năm 1783 tại Versailles (Pháp).

Pháp được giữ quần đảo Antilles, đảo Saint Pierre và Miquilon, chiếm thêm đảo Tabago, mở lại các hội buôn ở Ấn Độ và thành lập cơ sở ở Sénégal (châu Phi), Anh nhượng cho Pháp thêm quyền đánh cá ở Terre-Neuve (Tân

địa) nhưng phần cốt yếu là Pháp hi vọng thu thị trường Huê Kì về mình.

Phần Y Pha Nho chỉ có đảo Minorque ở Địa Trung Hải và đất Floride ở Mĩ.

7. Trên lịch sử tiến hóa nhân loại, sự độc lập Huê Kì mở đầu một giai đoạn mới làm phán khởi tất cả các dân tộc tiền tiến văn minh châu Âu. Điều làm cho người ta chú ý trước hết là cách tổ chức chính quyền.

Một số người, chừng 4 triệu, đem văn minh châu Âu tới một vùng đất mới khai thác, nhưng họ đã dứt tất cả dây liên lạc nối liền văn minh ấy với chế độ quân chủ và giáo hội. Trong xã hội của họ tổ chức không có hoàng đế, giáo hoàng, không có chư hầu, quý tộc, không có những kẻ phẩm tước cao sang bắt người khác phải quì lụy, tôn sùng.

Khi lìa bờ xứ sở ra đi, hoặc để tránh sự ngược đãi tôn giáo hay chính trị, hoặc để khai khẩn đất đai, buôn bán, tạo lập sự nghiệp, bọn người ấy đều nhắm vào một mục đích chung là thoát khỏi khuôn khổ xã hội cũ kĩ, bó buộc, để kiến thiết một cuộc đời mới trong một hoàn cảnh còn tinh khiết.

Trên đường tiến hóa kẻ đi sau thừa hưởng được những kinh nghiệm của người đi trước. Những người đã hi sinh chiến đấu trong 8 năm trời để lập thành nước Huê Kì đã thấy gì và đã chịu đựng gì ở Anh? Họ đã biết chế độ quân chủ, các phong trào xã hội, rồi các cuộc cách mạng cùng thái độ quý tộc, tài phiệt xâm chiếm thuộc địa, đã làm cho họ cũng như dân chúng Anh khổ nhục đau đớn như thế

nào. Những cuộc chiến đấu xưa và nay đã ghi lại cho họ những bài học quý giá mà họ không bao giờ quên được.

Thật ra, họ chỉ tiếp tục công việc của tiền bối họ ở châu Âu. Họ dựa vào bản Dân ước (Contrat social) của Rousseau (Lư thoa) để thảo tờ tuyên ngôn độc lập, dựa vào chế độ đại nghị của Anh để tổ chức chính quyền. Cố nhiên họ không diễn đạt gì mà đem ách cũ tròng lên đầu một lần nữa. Họ đã thấy con đường họ phải đi, công việc họ phải làm.

8. Vào trung tuần năm 1776, ngay khi quân đội Washington cùng dũng nhưng thiếu thí giới, thiếu quần áo, thiếu giày, mùa đông phải chui rúc dưới hầm núp, ăn uống kham khổ và chiến đấu tuyệt vọng với quân Anh, trong lúc Franklin trổ hết tài ngoại giao thương thuyết với chính khách Pháp, với tài phiệt Hòa Lan thì các lãnh tụ sáng lập nước Huê Kì thảo bản Tuyên ngôn độc lập làm chấn động thế giới. Richard Henry Lee đại biểu xứ Virginie đưa ra giữa hội nghị kiến nghị này: “Các thuộc địa liên hiệp là những quốc gia tự do, độc lập được miễn trung thuận với vua Anh, như vậy giữa các thuộc địa ấy và quốc gia Anh không còn liên lạc gì nữa”. Tiếp theo đó là bản “Tuyên ngôn độc lập” do Thomas Jefferson thảo và công bố vào ngày 2 và 4 tháng bảy năm 1776.

Trong Tuyên ngôn độc lập có đoạn: “Chúng ta coi những sự thật sau này là hiển nhiên và không chối cãi được: mọi người sinh ra đều bình đẳng, họ được Tạo hóa phú cho những quyền không thể nhường hoặc bán cho kẻ khác; trong các quyền ấy đứng đầu là quyền sống, quyền tự do và quyền tìm hạnh phúc; để hưởng quyền ấy, loài người đã thành lập chính

phủ mà uy quyền do người bị cai trị cùi lèn; khi một hình thức chính phủ đã ra mặt phá hoại những mục đích mà nó phải đeo đuổi vì kẻ đã thành lập ra nó thì dân chúng có quyền thay đổi hoặc hủy bỏ để thành lập một chính phủ mới. Nên tảng chính phủ mới này phải được đặt trên nguyên tắc kể trên, chính quyền tổ chức theo những thể thức mà họ thấy có thể đem lại cho họ nhiều an ninh hạnh phúc hơn hết”.

Những lời tuyên bố này đánh dấu một kỉ nguyên mới. Các nhà sáng lập nước Huê Kì không dựa vào uy quyền để thành lập chính phủ mà dựa vào nguyên tắc tự do. Đó là một tiến bộ kết quả cuộc tranh đấu lâu dài của các dân tộc châu Âu trong bao nhiêu thế kỉ. Hiến pháp của 13 nước Huê Kì đều căn cứ theo bản tuyên ngôn ấy.

Công trình kiến lập nước Huê Kì là của giai cấp tư sản tức là giai cấp gồm có những thương nhân, tài chủ làm thành yếu tố kiến tạo xã hội bấy giờ. Quyền tư sản được coi là căn bản của chế độ. Nhưng có điều đáng chú ý là quyền ấy, trong hiến pháp Huê Kì khi cách mạng mới thành công, không phải là đặc quyền của một nhóm người. Ai có sáng kiến, chịu làm việc, có trí thông minh, có ý chí để làm ra tài sản thì được hưởng quyền tài sản.

Ai cũng có đủ tự do cho mình một nhân phẩm; như vậy giai cấp tư sản Huê Kì lúc ấy là một lực lượng tiến bộ. Phần đông người trong giai cấp đều có một tinh thần chiến đấu cho sự thịnh vượng chung. Tinh thần ấy ngày nay, khi làm bá chủ thế giới, thống trị nhiều dân tộc, giai cấp tư sản Huê Kì còn giữ được phần nào chăng?

TÓM TẮT

1. Nối gót theo Y Pha Nho và Bồ Đào Nha, Anh, Pháp, Hòa Lan cùng tới mỏ mang thuộc địa ở châu Mĩ. Giữa các nước xảy ra chiến tranh. Ai cũng muốn giữ trọn Bắc Mĩ về phần mình.
2. Khoảng thế kỉ 17, dân Anh di cư sang Bắc Mĩ rất đông và thành lập ở đây 10 vùng đất thực dân. Trong lúc đó quốc vương Pháp cũng cho người tới chiếm đất. Quyền lợi hai bên đụng chạm nhau và từ 1638 đến 1763, giữa hai nước chiến tranh không ngớt.
3. Nhưng quyền lợi của Anh và Huê Kì cũng tương phản. Huê Kì muốn sống độc lập, tự do, trái lại bọn quý tộc, tài phiệt Anh muốn thâu hết quyền lợi thuộc địa. Anh bắt đầu phong tòa thành phố Boston và ra lệnh bắt hai lãnh tụ Huê Kì là Hancock và Adams. Chiến tranh Anh, Huê Kì phát khởi.
4. Washington được cử làm tổng tư lệnh quân đội Huê Kì. Thấy Huê Kì thắng, Pháp tham gia chiến tranh để khi Anh bại thì chiếm thuộc địa và hướng công cuộc thương mãi Huê Kì về Pháp.
5. Anh liền cất quân đánh Pháp. Y Pha Nho cũng tham gia chiến tranh bên cạnh Pháp.

6. Đến năm 1781, Anh thấy không hi vọng thắng Huê Kì, chịu kí hòa ước Versailles (1783), thừa nhận cho Huê Kì độc lập và nhiều quyền lợi khác, và phải nhường nhiều thuộc địa cho Pháp và Y Pha Nho.

7. Giành được độc lập, người Huê Kì rút kinh nghiệm của các tiền bối châu Âu, nhất là Anh, tổ chức một xã hội trong đó những giai cấp độc quyền cùng những tệ đoan do giai cấp ấy gây ra không có nữa.

8. Tháng Bảy năm 1776, bản Tuyên ngôn độc lập được công bố, theo đó Huê Kì li khai với nước Anh, các quyền lợi công dân được bảo đảm, nhất là quyền tài sản. Hiến Pháp của các quốc gia Huê Kì đều căn cứ vào bản Tuyên ngôn này.

CHƯƠNG XIII

**TÌNH HÌNH CHÂU ÂU TỪ HÒA ƯỚC
UTRECHT (1713) ĐẾN ĐÌNH CHIẾN
AIX-LA-CHAPELLE (1748)
VÀ SAU 1748**

1. Tình hình tổng quát châu Âu giữa thế kỉ 17.
2. Cường quốc châu Âu cuối thế kỉ 17.
 - a) Pháp, Áo; b) Thổ Nhĩ Kỳ; c) Thụy Điển;
 - d) Ba Lan; e) Phổ Lỗ Sĩ, Nga.
3. Chiến tranh kế vị Ba Lan (1733-1738).
4. Chiến tranh kế vị Áo (1740-1748).
5. Sau 1748; Chiến tranh Bảy năm.
 - a) Chính trị sai lầm của Louis XV.
 - b) Pháp bại trận, mất hết thuộc địa.
6. Chiến tranh Anh, Huê Kì. Pháp giúp Huê Kì.
7. Thám hiểm Thái Bình Dương. Người Anh tìm được đất Úc.

1. Đến giữa thế kỉ 17, châu Âu phân thành ba khu rõ rệt: Tây Âu, Trung Âu và Đông Âu.

Tây Âu vào khoảng 1648 bao gồm những quốc gia quân chủ Pháp và Ý Pha Nho, quốc gia dân chủ Anh⁽¹⁾ Hòa Lan, Catalogne, Venise, Gênes⁽²⁾, các công quốc, hầu quốc⁽³⁾ ở Ý. Các vương quốc Ecosse, Irlande còn hậu lạc và sống ngoài lề. Các xứ dọc sông Rhin và thượng lưu Danube chịu ảnh hưởng Tây Âu, nhưng nghèo nàn và kém sinh lực. Nước Đan Mạch, Thụy Điển vừa thoát khỏi tình trạng phong kiến hướng về văn minh Tây Âu.

Các nước Tây Âu làm chủ các đại dương, tân thế giới và các đường hàng hải trên địa cầu; trong nước chính quyền đã tập trung; kinh tế hướng về tư bản chủ nghĩa; giai cấp tư sản bành trướng, chủ nghĩa tự do phát đạt.

Trung Âu có đế quốc Đức. Đế quốc này là một mó thá địa phong kiến hồn hợp và phân thành hai quốc gia: một quốc gia gồm các giống dân Đức, Slave⁽⁴⁾ và Hung qui tụ chung quanh họ Habsbourg; một quốc gia nữa do họ Hohenzollern cầm đầu. Họ này tổ chức xã hội trên một nền tảng quân sự phong kiến chuyên chế.

(1) Dân quốc từ 1649-1653.

(2) Venise, Hòa Lan (Provinces unies) Catalogne thành lập dân quốc từ 1640-1652.

(3) Công quốc, hầu quốc là nước của tước công tước hầu.

(4) Tàu phiên âm là Tư lạp phu.

Phía đông đế quốc Đức là nước Ba Lan và nước Hung, nhưng hai nước này cũng là một mớ thái địa, gai cắp quý tộc sống bằng sự bóc lột nô nô.

2. a) Cuối thế kỉ 17, tình hình đại lục châu Âu biến đổi lớn. Trong số các cường quốc chỉ có nước Pháp và Áo còn giữ được địa vị cũ. Ở Đông Âu nước Thổ thoái bộ, nước Ba Lan suy nhược, nước Thụy Điển lụn bại.

Nước Phổ Lỗ Sĩ (Prusse) của họ Hohenzollern, nước Nga của Pierre le Grand⁽¹⁾ thì lại bắt đầu tiến lên.

Châu Âu sau hòa ước Utrecht 1713, Nystadt 1721.

Cuối đời Louis XIV, từ 1704 về sau, nước Pháp bại trận liên tiếp, mất chủ quyền trên mặt biển.

Tuy nhiên ở đại lục châu Âu. Pháp còn đủ sức chống lại quân liên minh. Ngoài đại lục nó còn một số thuộc địa lớn: Gia Nã Đại, Louisane và quần đảo Antilles.

Nước Áo, đầu thế kỉ 18, còn thống trị Trung Âu. Sau hòa ước Utrecht, chiếm được Hòa Lan và một phần nước Ý. Phía đông, thắng quân Thổ Nhĩ Kỳ, chiếm được nước Hung. Tuy nhiên nội bộ không vững. Quốc gia Áo chia ra nhiều nước nhỏ xúm xít dưới uy quyền một quốc vương chung. Vị quốc vương này mất đi, nạn tranh ngôi có thể làm cho quốc gia tan rã.

b) Thổ Nhĩ Kỳ, thế kỉ 17, là một cường quốc bậc nhất

(1) Xem chương “Nước Nga thời Pierre le Grand”.

châu Âu, lãnh thổ rộng từ sông Euphrate tới Trung Âu.

Sức xâm lược của Thổ rất mạnh. Nhưng đến năm 1683, bị thất bại nặng ở Vienne, nó phải suy nhược, bị mất thành Budapest (1696); nhượng lại cho Đức xứ Hung và Transylvanie; cho Nga hải cảng Azov; cho Ba Lan Tây bộ Uy kiên (Ukraine). Sau trận giặc 1716-1718, người Thổ lại mất thêm một phần xứ Valachie, xứ Bosnie và Serbie. Chế độ quân nhân Thổ sau những thất bại ấy bắt đầu suy. Đạo Hồi do đó bị đạo Da Tô lấn át.

c) Thế kỉ 17, Thụy Điển chi phối Bắc Âu và Đông Âu. Đế quốc Thụy Điển bao trùm gần hết miền duyên hải Baltique. Nhưng trong đế quốc ấy các dân tộc thiểu liên lạc tự nhiên và không cùng một quyền lợi kinh tế, nên khi vua Charles XII bị người Nga đánh bại ở Poltava thì Thụy Điển không còn sức để duy trì đế quốc nữa. Không bao lâu, nó bị dồn về bán đảo Scandinavie.

d) Ở Đông Âu Ba Lan cũng là một cường quốc. Nhưng chính thể không được vững vàng. Vua chỉ có hư vị. Quyền binh nằm trong tay quốc hội do một số người vọng tộc cầm đầu. Họ tranh nhau quyền vị và gây thành nội chiến. Các nước lân cận nhau đó dòm hành. Thế kỉ 18, Ba Lan bị Nga chi phối rồi bị phân liệt hẳn.

e) Trong lúc ấy thì Phổ và Nga tiến lên địa vị cường quốc.

(1) Tuyển hậu là vương hậu hoặc đại tư giáo nước Đức xưa, có quyền tuyển cử Hoàng đế.

Họ Hohenzollern mới thành lập nước Phổ vào thế kỉ 18. Họ này từ năm 1415 về sau giữ chức Tuyển hầu⁽¹⁾ ở Brandebourg. Dần dần nhờ lãnh gia tài, họ ấy được thêm đất đai như Clèves ở vùng sông Rhin (1609), phía đông sông Vistule (1618), đất Poméranie (1648). Các đất này nguyên là những quốc gia riêng lẻ, hầu hết nghèo và thưa dân, bị ngoại quốc cai trị.

Từ đó họ Hohenzollern cố tạo một địa vị ở Đức và châu Âu. Họ tổ chức quân đội để bảo vệ lãnh thổ. Có quân đội mạnh rồi, họ tổ chức việc cai trị và cho di dân tới khai thác. Người có công nhất là Frédéric Guillaume. Ông này dẹp được bọn quý tộc và các thế lực địa phương, tổ chức được một chính quyền thống nhất, đặt thuế vĩnh viễn. Nhờ chính sách khéo léo mà ông chiêu dụ được người ngoại quốc lánh nạn tới ở đông, nhất là người Pháp theo Tân giáo bị vua Louis XIV ngược đai (1685).

Một quốc gia hùng cường được thành lập. Năm 1700, Frédéric 1er giúp Hoàng đế Đức chống Pháp, có công và được phong làm vua nước Phổ. Vương quốc Phổ được hòa ước Utrecht thừa nhận.

Người kế vị Frédéric 1er là Frédéric Guillaume tổ chức nước Phổ thành ra một cường quốc bậc nhất, lấy quân đội làm căn bản.

Ông là người đầu tiên áp dụng cưỡng bách đầu quân, luyện tập quân lính theo kỉ luật ngày nay. Ông bắt người lính cử động như bộ máy, bước đi có nhịp và đều. Khi bắn

thì muôn tiếng nổ phát ra một lần, muôn ánh lửa nháng lên một lượt. Thế kỉ 18, quân lực Phổ đứng đầu thế giới.

Phía đông nước Phổ có nước Nga mà chúng ta đã nói kí trong chương XI.

3. Đầu thế kỉ 18, không có nước nào chiếm ưu thế ở châu Âu. Những cuộc tương tranh cũ chưa giải quyết xong thì lại có chiến tranh mới như chiến tranh Phổ, Áo. Vấn đề Ba Lan nhất là chiến tranh thuộc địa giữa Anh, Pháp.

Trong việc giải quyết vấn đề kế vị Y Pha Nho, Pháp hết sức duy trì hiệp ước Utrecht⁽¹⁾, giữ sự hòa hảo với Anh. Hiệp ước Vienne kí năm 1725 giải quyết dứt khoát vấn đề ấy.

Nhưng đến vấn đề kế vị Ba Lan thì chiến tranh lại bùng nổ (1733). Hai người tranh ngôi Ba Lan là Auguste III, tuyển hầu xứ Saxe và cháu Hoàng đế Đức là Stanislas Leczinski, ông nhạc vua Louis XV (vua Pháp). Stanislas được cử, nhưng liền bị quân Áo – Nga truất ngôi. Trả thù cho ông nhạc, vua Louis XV tuyên chiến với Nga và Áo.

Sự thật thì Nga và Pháp núp sau lưng Auguste III và Stanislas để tranh ngôi bá chủ. Nếu Auguste lên ngôi thì Ba Lan sẽ là chư hầu của Nga. Trái lại nếu Stanislas lên ngôi thì Ba Lan sẽ liên minh với Pháp.

Trong lúc đó thì người Ba Lan nghĩ tới chủ quyền đất nước. Giai cấp quý tộc Ba Lan muốn tôn lên ngôi một ông

(1) Sau cuộc chiến tranh kế vị Y Pha Nho (1701-1714) nước Pháp bại trận phải kí hiệp ước Utrecht.

vua người Ba Lan thân thiện với Pháp, để sau này nhờ Pháp giúp họ thoát li ách đô hộ của Nga.

Một luồng gió ái quốc khắp Ba Lan. Kết quả cuộc tuyển cử Stanislas Leczinski được 60.000 phiếu thuận, chống 4.000 phiếu nghịch. Nga liền xua quân qua Ba Lan, đoạt ngôi lại cho Auguste III. Ba Lan mất độc lập. Triều đình Pháp muốn bênh vực Stanislas nhưng Hồng y giáo chủ Fleury thấy Pháp không đủ sức, nên tìm cách hạn chế chiến tranh. Vì thế mà Pháp biến chiến tranh kế vị Ba Lan thành ra chiến tranh chiếm tinh Lorraine và Savoie.

Hiệp ước Vienne kí năm 1738, Stanislas phải nhượng Ba Lan lại cho Auguste III, nhưng được làm vua hạt Nancy và công quốc Lorraine do Francois nhường lại. Công quốc này sau khi ông chết phải sáp nhập vào Pháp. Để đền bù lại cho Francois, Don Carlos, con Philippe V vua Ý Pha Nho, giao lại cho ông công quốc Parme, Modène và quyền kế vị xứ Toscane. Còn Don Carlos thì thừa hưởng Naples, Sicile và tước hiệu quốc vương hai đảo Siciles.

Sau trận giặc này nước Pháp nhờ chính trị khôn khéo mà vớt vát lại những sự thiệt hại ở Bắc Âu. Nhưng nước

(1) Theo di chúc Hoàng đế Léopold 1er thì sau khi ông chết, con ông là Joseph 1er, và trong trường hợp Joseph không có con trai, Charles VI được nối ngôi. Ông định rằng nếu Charles VI chết mà không có con trai thì con đầu lòng của Joseph 1er là Marie Joseph hoặc con thứ là Marie Amélie. Nhưng Charles VI do một quyết nghị bỏ di chúc của cha và cho con gái mình là Marie Thérèse kế vị. Quyết nghị ấy là Pragmatique Sanction.

thắng trận chính là Nga. Từ đó Nga chiếm một địa vị quan trọng giữa các cường quốc.

4. Theo một qui định⁽¹⁾ hoàng đế Charles VI bỏ lời cam kết trước, đem ngôi vua truyền cho con gái mình là Marie Thérèse, thay vì truyền cho con gái Joseph 1er, anh mình.

Năm 1740, Charles VI chết, Marie Thérèse vừa lên ngôi thi chạm trán ngay với một liên minh lớn gồm có tuyển hầu Bavière là Charles Albert⁽¹⁾, giòng Burbons, Ý Pha Nho, Ý, Pháp và vua Phổ là Frédéric II. Ông này xua quân ngay vào Sélésie.

Lúc đầu Marie Thérèse có mòi thất thế, nhưng bà cương quyết chống lại và không bao lâu làm cho liên minh tan rã. Bà liên kết được với nước Anh và Hòa Lan; nhưng xứ Sélésie cho Frédéric II để ông này lui quân (1743). Bà thương thuyết được với Bavière (1475). Bà chỉ còn đương đầu với mỗi một nước Pháp.

Nhưng quân Pháp nhờ tài chỉ huy của Maurice de Saxe thắng được 3 trận trong ba năm và chiếm nước Bỉ của Áo.

Năm 1748, hòa ước Aix-la-Chapelle kí, Frédéric được giữ xứ Sélésie; nhưng Pháp phải trả lại đất mình chiếm. Pháp đã làm công không cho nước Phổ.

5. Chiến tranh chỉ tạm dứt mà thôi. Hai cường quốc còn muốn gây chiến nữa: Nước Áo muốn lấy lại đất Sélésie bị Phổ chiếm; Anh muốn đánh đỗ sự tranh thương của Pháp.

(1) Chồng Marie Amélie.

Nước Pháp bấy giờ là kẻ thù của Áo, nay lại liên minh với Áo chống lại Frédéric II. Ông này liên minh với vua Anh, George II.

a) Năm 1756, chiến tranh bùng nổ và kéo dài tới 1763, sử gọi là chiến tranh Bảy năm. Hai trận giặc lớn xảy ra một lần, một trên mặt biển, một trên địa lục. Nước Pháp phải đánh một lần hai nơi. Quyền lợi của Pháp ở trên mặt biển nhưng vì hiệp ước Versailles thứ nhì, nó phải đánh cả trên đất⁽¹⁾. Trước kia nó đã làm công không cho Phổ, nay nó lại gánh bàn độc mướn cho họ Habsbourg.

Trong trận giặc này, vua Louis XV được giới tư sản đại thương gia ủng hộ để tranh quyền lợi ở thuộc địa. Nhưng nhà vua lại nhắm tới mục đích khác. Ông muốn đánh ngã chế độ đại nghị của Anh và củng cố chế độ quân chủ chuyên chế đang bị công chúng oán ghét. Nước Anh thất bại tức là uy quyền của vương thất thắng⁽²⁾.

Theo quan niệm này Louis XV không quan tâm đến mặt biển. Những người trông thấy nguy cơ của Pháp, muốn chuyển toàn lực chiến tranh từ đại lục ra biển đều bị loại

(1) Theo hiệp ước Versailles kí năm 1757 nước Pháp phải cung cấp 140.000 người và 30 triệu đồng lựu. Nếu chiến tranh dứt mà Áo lấy lại được Sélésie thì phải nhường cho Pháp Ostende, Ypres và Mons.

(2) Khi chiến tranh phát triển dữ dội thì tổng trưởng hải quân Berruyer bắn bót nguyên liệu đúc tàu. Khi người Anh dùng đến 345 chiếc tàu, nước Pháp chỉ có 45 chiếc. Khi Anh gởi thật nhiều viện binh tới Mi và Ân, Pháp chỉ gởi 3.000 người tới Pondichéry.

cả. Triều đình còn cho dự trù một kế hoạch xâm lăng nước Anh, đem chiến thuyền tập trung ở biển Manche để cho hạm đội Anh hủy diệt dần. Năm 1759, trên mặt biển nước Pháp đã hoàn toàn thất bại.

Thắng không thể chiến đấu lâu dài được, Pháp muốn điều đình nhưng không được, vì Nga đòi chiếm Uy-kiên của Ba Lan mà Louis XV không chịu.

b) Pháp phải tổ chức lại chiến thuyền và cố sức đương đầu với Anh. Nhờ chiếm được Louisbourg ở Gia Nã Đại, Pondichéry ở Ấn Độ mà giới thương nhân Pháp phấn khởi. Giới này đua nhau góp tiền đóng tàu và mướn thủy thủ ngoại quốc.

Đồng thời Pháp nỗ lực chiến đấu để đuổi người Anh ra khỏi lục địa, nhưng trong 5 năm nó chỉ phí sức mà không thâu được kết quả nào.

Chính trị của triều đình Pháp ở giai đoạn lịch sử này thật là vụng về. Marie Thésèse chiến đấu để đòi lại Sélésie, Elisabeth đánh Phổ để giữ Ba Lan, Frédéric II muốn mở rộng lãnh thổ, còn Louis XV chỉ vì uy quyền của vương thất mà hi sinh quyền lợi căn bản của quốc gia.

c) Trong trận chiến tranh 7 năm, khi Pháp phí sức ở lục địa thì Anh lo chinh phục thuộc địa một cách phuơng pháp lăm.

Anh gởi tới 22.000 quân sang Ấn Độ để vây quân trú phòng của Pháp do Lally, Tollendal chỉ huy, chiếm Pondichéry của Pháp và tiến tới thung lũng sông Hằng, đặt cơ

sở công ti Anh tại đây⁽¹⁾. Sự đô hộ của Pháp tại Ấn tới đây là dứt.

Ở Mĩ sự thất bại còn quan trọng hơn. Tại Gia Nã Đại, Pháp có một danh tướng là Montcalm. Trong hai năm Montcalm thủ thắng. Nhưng vì thiếu quân nhu, ông phải đổi thế công ra thế thủ và chiến đấu một cách tuyệt vọng. Năm 1759, quân Anh chiếm Québec, Montcalm tử trận năm 1760, Montréal thất thủ. Gia Nã Đại lâm nguy⁽²⁾.

(1) Nhắc lại lịch sử xâm lăng Ấn Độ – Thế kỉ 17 để quốc của Mogol đã để chiếm toàn cõi Ấn Độ nhưng đang suy, Dupleix, thống đốc Công ti Pháp năm 1741, nhân tình hình ấy thành lập tại Ấn một đế quốc rộng hơn. Nhưng chính trị của Dupleix bị người Anh kinh chống. Để giữ đế quốc, ông phải xin viện binh. Nhưng ở Pháp, chính phủ và công ti muốn hòa. Dupleix bị triệu hồi năm 1754. Do hiệp ước Godehen, công ti Pháp phải nhượng cho công ti Anh toàn quyền lãnh thổ Ấn.

(2) Nhắc lại lịch sử mở mang đất thực dân: Sau Y Pha Nho và Bồ Đào Nha, Pháp và Anh là những cường quốc có nhiều thuộc địa. Nhưng thuộc địa Anh Pháp ở gần nhau và thường xung đột nhau, nhất là ở Bắc Mĩ, quần đảo Antilles và Ấn Độ Dương. Ở Bắc Mĩ Pháp chiếm Gia Nã Đại, Louisiane, vùng Saint-Laurent và Mississippi; Anh chiếm 13 thuộc địa dọc bờ biển Đại Tây Dương, phía Nam Gia Nã Đại. Sợ Pháp chặn đường tiến triển vô lục địa, Anh cố sức phá nền thống trị của Pháp. Ở quần đảo Antilles, Pháp chiếm đảo Dominique và các tiểu Antilles. Anh chiếm đảo Jamaique và vài đảo nhỏ. Ở Ấn Độ Dương Pháp có những hàng buôn ở Madagascar (thế kỉ 17) và 2 đô thị khác là Pondichéry, Chandernagor ở Ấn Độ. Anh cũng có hội buôn ở Madras phía Bắc Pondichéry, Calcutta gần Chandernagor và Bombay ở vịnh Oman. Cầm đầu những hội buôn ấy là các công ti thương mại. Công ti của Pháp là Công ti Đông Ấn Độ.

Sau cùng Pháp phải ký hiệp ước Ba Lê (1763). Theo đó Louis XIV phải nhường cho Anh Gia Nã Đại và tả ngạn sông Mississippi, một quần đảo Antilles của Pháp, các hòn buôn Sénegal và bỏ luôn Ấn Độ. Công ti Pháp chỉ còn giữ được Pondichéry, Chandernagor, Yanaon, Karikal và Mahé. Pháp còn phải cho Y Pha Nho xứ Louisiane để bù lại xứ Floride của Y Pha Nho bị Anh chiếm⁽¹⁾ và chỉ giữ được quần đảo Antilles. Hiệp ước Ba Lê thật là một tai biến mà nước Pháp chưa từng gặp bao giờ. Trái lại, nước Anh nhờ hiệp ước ấy được làm bá chủ ở thuộc địa và trên mặt biển.

6. Chiến cuộc Anh, Pháp tạm ngưng được một lúc rồi lại tái phát trong dịp 13 thuộc địa Anh ở Huê Kì nổi lên chống Anh. Người Huê Kì tuy dũng cảm nhưng thiếu kinh nghiệm, thiếu quân nhu, phải cầu viện với Pháp và được Pháp chấp nhận. Pháp muốn thừa cơ hội ấy làm cho Anh yếu bớt. Kết quả trận giặc này, trận thứ tư giữa Anh Pháp trong thế kỉ 18, Anh bị thất bại, phải ép mình ký hòa ước Versailles (1783) thừa nhận Huê Kì độc lập, trả Floride cho Y Pha Nho, trả Sénegal và vài đảo Antilles cho Pháp⁽²⁾.

Thời Louis XIV Anh và Pháp đã đánh nhau hai lần ở thuộc địa. Hiệp ước Utrecht Pháp phải nhường cho Anh Terre Neuve và Acadie. Từ 1715 đến 1740 thương mại thuộc địa Pháp phát triển mạnh. Anh lo sợ và khai chiến với Pháp vào dịp chiến tranh kế vị Áo. Hòa ước Aix-la-Chapelles Pháp và Anh trả thuộc địa cho nhau (1748).

(1) Y Pha Nho theo lời Pháp tuyên chiến với Anh, nên mất xứ Floride.

(2) Xem lại chương XI.

7. Giữa hai cuộc chiến tranh Bảy năm và chiến tranh Anh, Huê Kì, hòa bình tạm thời được tái lập.

Thìa dịp này các nhà thám hiểm Anh, Pháp đua nhau lục lạo Thái Bình Dương.

Phía người Pháp có Bougainville. Từ 1766, ông đi vòng quanh thế giới và tìm được Tahiti, đảo Samoa, Nouvelles Hébrides và Salomon. Năm 1755, đoàn thám hiểm La Pérouse đến duyên hải Cao Li và đại lục Tây Bá Lợi Á; tới Nam bán cầu cả đoàn bị chết đắm trong hải phận đảo Hébrides.

Phía người Anh có Cook là danh tiếng nhất.

Trong các biển ở Cực Nam, ông tìm được Tân Zélande, Tân Calédonie tới duyên hải phía đông nước Úc (1770). Ở Bắc băng dương ông tìm đường từ Á sang Âu băng qua Bắc Mĩ. Nhận đó ông thám hiểm bờ biển Alaska. Tới Hạ Uy Di, ông bị thổ dân giết chết. Theo chân Cook, người Anh tới khai thác đất Úc. Thoạt tiên họ cho bọn tù đồ kiến thiết một thành phố nhỏ, ngày nay là Sidney, và năm 1787 họ tới ở đó. Không bao lâu Úc thành ra một đất thực dân vừa rộng vừa giàu.

TÓM TẮT

1. Đến giữa thế kỉ 17, châu Âu chia làm 3 khu: Tây Âu, Trung Âu và Đông Âu. Mỗi khu có trình độ và tính cách tiến hóa khác nhau.
2. Cuối thế kỉ 17, Pháp, Áo còn giữ địa vị cũ; Thổ thoái bớt; Ba Lan suy nhược; Thụy Điển lụn bại; Phổ, Nga bắt đầu lên.
3. Đầu thế kỉ 18, xảy ra nhiều cuộc chiến tranh giữa Phổ, Áo và Anh, Pháp. Trong cuộc chiến tranh thừa kế Ba Lan, Pháp chiếm được Lorraine theo hiệp ước Vienne 1738.
4. Trong cuộc chiến tranh thừa kế Áo (1740-1748), nước Pháp đứng cạnh Áo. Nhưng hòa ước Aix-la-Chapelle kí (1748), Pháp không được hưởng chút quyền lợi nào mặc dầu thắng trận ở Bỉ.
5. Chiến tranh Bảy năm (1756-1763), Pháp liên minh với Áo và bị mất nhiều uy thế. Đầu chiếm được Lorraine, Pháp phải chịu để cho Ba Lan bị phân chia. Trong trận giặc giành thuộc địa ở Mĩ và Ấn, mặc dầu các tướng Montcalm và Lally, Tollendal cố gắng chống giữ, các thuộc địa Pháp đều bị Anh chiếm. Hiệp ước Ba Lê kí (1763), Pháp mất hết thuộc địa.

6. Trong cuộc cách mạng Huê Kì chống Anh, Pháp đứng về phía Huê Kì. Anh thất bại phải ký hòa ước Versailles (1783).
7. Lợi dụng thời gian hòa bình giữa hai cuộc chiến tranh Bảy năm và chiến tranh Huê Kì, các nhà thám hiểm Bougainville (Pháp) và Cook (Anh) tìm thêm đất mới ở Thái Bình Dương. Anh bắt đầu mở thuộc địa ở Úc từ đó.

CHƯƠNG XIV

SỰ DIỄN TIẾN TỰ TRÀO Ở CHÂU ÂU TỪ CUỐI THẾ KỶ 17 ĐẾN 1789

1. *Nước Pháp là trung tâm văn minh châu Âu.*

- a) *Phong tục biến đổi.*
- b) *Nghệ thuật; kiến trúc, điêu khắc, hội họa.*

2. *Khoa học phát triển:*

- a) *Vật lý học, hóa học.*
- b) *Vạn vật học.*
- c) *Sự áp dụng khoa học vào đời sống.*

3. *Cách mạng tư tưởng.*

- a) *Các Triết gia; Các nhà bách khoa.*
- b) *Các kinh tế gia.*

4. *Phong trào cải cách ở châu Âu: Phổ, Áo, Nga.*

1. Cuối thế kỷ 17, thời Louis XIV ngọn đuốc văn minh nước Pháp chói lọi khắp châu Âu. Người nâng cao ngọn đuốc ấy không phải là vua Louis XIV mà là các nhà thông

thái, các văn nhân, nghệ sĩ danh tiếng ở châu Âu nhom họp tại nước Pháp để làm nước này thành ra một trung tâm tinh thần cho cả châu Âu. Tại Pháp, Cassini người Ý, tới chỉ huy thiên văn đài; Huyghens, Leibnitz, Roemer làm được nhiều phát kiến vĩ đại; các nhạc công Ý cũng đến trổ tài tại nhà hát Opéra.

Trong lúc ấy thì 300.000 tín đồ Tân giáo Pháp bị sắc lệnh Nantes ngược đãi phải trốn sang Pháp, Hòa Lan, Đức, Thụy Sĩ. Họ đem tư tưởng Pháp truyền bá tới các nước ấy. Đầu thế kỉ 18 có đến 30.000 người Pháp ở Luân Đôn, 20.000 người ở Bá Linh. Rải rác khắp các thủ đô châu Âu đều có người Pháp cả. Văn chương Pháp được các dân tộc châu Âu thưởng thức, tư tưởng Pháp theo đó càng ăn sâu.

a) Louis XIV đã giam hãm xã hội trong tường vách của một chế độ chuyên chế, bắt văn chương, nghệ thuật phải phụng sự chế độ ấy, cho nên cuối đời ông một súc phản động mạnh mẽ nổi lên trong phạm vi tư tưởng cũng như trong phạm vi chính trị.

Chế độ chuyên chế suy yếu, giai cấp quý tộc không còn đóng được vai trò chủ động trong xã hội, các giá trị liên quan với giai cấp ấy phải sụp đổ. Vua Louis XIV sau những cuộc bại trận lớn lao không còn được coi như là một Thái dương mà ai nấy đều ngưỡng mộ sùng bái. Ông chết, đời sống hào hoa lìa bỏ triều đình để dời ra thành thi. Các nhà trưởng giả mở những phòng khách huy hoàng, tráng lệ tương tự những triều đình nhỏ, tại đây đều có

mặt các nhà đại quý tộc, các chức sắc tôn giáo, văn nhân, nghệ sĩ, phú gia⁽¹⁾.

Phong tục đến thời Louis XV đã thay đổi hẳn; người ta không thích cái vẻ nghiêm trang, lạnh lùng trước kia mà lại chú trọng đến vẻ diễm kiều, thanh lịch. Con người lúc này thành ra khoan hồng, giản dị, chân thật, khác hẳn với con người kiêu cách, nhún nhường của thời chuyên chế.

Thời Louis XIV, các nghệ sĩ đều qui tụ tại hành lang của đèn Louvre và công việc họ làm là lo cung cấp tác phẩm nghệ thuật cho triều đình. Thế kỉ 18, họ được nghinh tiếp vào các phòng khách ngang hàng với các nhà đại quý tộc. Trước kia người ta kính trọng phẩm tướng bao nhiêu thì bây giờ người ta yêu chuộng tài năng bấy nhiêu. Con người có giá trị không nhò giòng dối mà nhò kiến thức rộng.

Ba Lê thời ấy có tiếng là thủ đô giàu nhân tài, giàu người cao nhã. Cả châu Âu đều hướng về đó. Riêng vùng ngoại ô Saint-Germain có đến 15.000 người ngoại quốc đến ở. Tu sĩ Galiani phải nói; “Ba Lê là quán cà phê của châu Âu”. Người Anh, Ý, Thụy Điển, Nga đều tới đó và được tiếp đón như là khách quý.

Audin hướng văn hóa Pháp mạnh đến nỗi các tác giả

(1) Những phòng khách danh tiếng là phòng khách của bà Geofrin, bà Deffand, cô Lespinasse v.v... Các phòng khách có một ảnh hưởng lớn trong văn chương và có công truyền bá tư tưởng Pháp ra ngoại quốc. Những người ngoại quốc danh vọng tới Ba Lê đều lo vận động gia nhập các nơi hội họp ấy. Bởi vậy Ba Lê biến thành kinh đô tinh thần của châu Âu.

Pháp lấn át các tác giả thượng cổ, và Ba Lê chiếm địa vị của La Mã. Các nước châu Âu đều lấy Pháp làm thầy.

b) Sự biến đổi phong tục, thị hiếu phản chiếu một cách rõ rệt trong nghệ thuật. Nghệ thuật kiến trúc còn theo lối cổ điển nhưng chỉ theo ở bề ngoài. Phía sau những mặt tiền tráng lệ người ta sắp đặt những phòng ở rất tiện nghi, duyên dáng, ấm cúng.

Thế kỉ 17, người ta thích những phòng cao rộng, nhưng thế kỉ 18 những phòng cao rộng ấy được sửa nhỏ lại, sáng sủa hơn, vui tươi hơn, chạm trổ tinh xảo, các góc cạnh đều được chuốt tròn, đường kẽ khúc khuỷu. Lối kiến trúc rườm rà này gọi là Rococo. Các đồ đạc như bàn độc, bàn viết, bàn chơi, ghế dài, ghế dựa v.v... đều chế tạo theo lối kiến trúc ấy. Nghệ thuật vườn tược cũng được thay đổi. Người ta chuộng các công viên lối Anh, có vẻ thanh thoát, mĩ lệ, có đường đi quanh co giữa thảm cỏ xanh, có ao hồ với những cây cầu mộc mạc.

Khắp châu Âu người ta đua nhau kiến trúc. Hoặc bỏ các thành trì phong kiến để kiến trúc những cung điện mới, hoặc sửa các thành trì ấy lại thành ra những ngôi nhà xinh đẹp hợp với thời trang hơn. Các kiến trúc sư được rước đi khắp châu Âu từ Tây sang Đông để trổ tài. Các đô thị kim thời phần nhiều được xuất hiện từ thế kỉ 18, và nhiều đô thị được kiến trúc theo nghệ thuật Pháp như Vienne, Bá Linh, Saint Pétersbourg.

Điều đáng chú ý là thế kỉ 18 người ta không cất giáo

đường lớn. Lòng tin kính đã giảm bớt, người ta ít nghĩ đến việc thờ phụng. Trong nghệ thuật điêu khắc và hội họa các đầu đê tôn giáo bị loại bỏ. Nghệ thuật chân dung được chú trọng hơn hết. Các vị đế vương, vĩ nhân, các mĩ nhân được tạc tượng, vẽ hình. Nghệ thuật chân dung chứng tỏ cá nhân chủ nghĩa thế kỉ 18 đã phát triển mạnh.

Trong mỗi bức họa nghệ sĩ không chú trọng đến sự hùng đại cao nhã mà cố làm nổi cái gì kích thích thị hiếu, cái duyên dáng, cái thanh lịch hòa lẫn trong cái thiên nhiên đúng với sự thật. Trong phòng người ta không chung những bức họa to lớn diễn tả những chuyện tích xưa mà là những bức tranh nhỏ xinh xắn diễn tả một cảnh vật tầm thường nhưng đầy thú vị.

Các nghệ sĩ cố diễn tả lại xã hội Pháp thế kỉ 18, không phải xã hội của các vị hoàng đế oai nghiêm mà là của các nhà tư sản thích đời sống sang trọng, vui tươi trong một buổi tiệc lịch sự, trên một bãi cỏ, ngoài cánh đồng hoặc cạnh một giếng nước trong trèo. Người ta cố làm cho cuộc đời có vẻ thân mật, ấm cúng, đáng yêu. Giai cấp tư sản có đời sống riêng của họ. Và chính cái đời sống mới này, đối chọi với đời sống cũ, sắp đưa xã hội đến một cuộc cách mạng vĩ đại. Nghệ sĩ thế kỉ 18 tìm đầu đê sáng tác phần nhiều ở các đời sống mới ấy.

2. Thế kỉ 18, khoa học phát triển mạnh. Nhờ đọc các loại sách phổ thông khoa học mà công chúng cũng thích nghiên cứu. Khoa học thành ra một cái “mốt”. Trong các phòng khách, các vấn đề khoa học được đem ra bàn luận.

Có người đem nguyên tắc Newton ra dịch như bà Chatelet. Sách vạn vật học của Buffon bán chạy như tôm tươi. Người ta đã tin rồi đây khoa học sẽ đoạt được quyền tạo hóa.

a) Vật lí học tiến bộ hơn hết. Volta và Galvani nghiên cứu các hiện tượng thuộc về điện, tìm ra hai luồng điện tích cực và tiêu cực. Franklin giải thích được sấm sét (1752); Lavoisier thành công lớn trong ngành hóa học. Ông phân tích và tổng hợp được những thành phần của không khí, của sự cháy (1770-1775), của nước (1783). Công lớn của ông là tìm được phương pháp nghiên cứu tổng hợp.

b) Vạn vật học cũng được chú ý đặc biệt. Linné, người Thụy Điển, bày cho đời sau cách phân loại thảo mộc; Buffon, người Pháp, viết sách “Vạn vật học”, diễn tả thiên nhiên một cách đầy đủ: đổi vườn bách thảo thành ra một trung tâm nghiên cứu khoa học quan trọng nhất thế giới.

c) Người ta còn đem những phát minh khoa học áp dụng vào đời sống thiết thực như dùng phép đo lường căn cứ vào một lượng nhất định là cái “mét” và phép thập tiến. Ông Franklin chế ra thu lôi (1760). Anh em Mongolfier chế ra ba-lông.

3. Như chúng ta thấy, một chế độ xã hội mới đã trưởng thành trong chế độ xã hội cũ, và giữa hai chế độ sắp xảy ra một cuộc xung đột lớn mà kết quả là cái này sẽ hủy diệt cái kia. Đầu cho cuộc cách mạng xã hội ấy, có cuộc cách mạng tư tưởng. Các văn sĩ đều lên tiếng công kích tổ chức xã hội cũ, phát dương những học thuyết chính trị xã hội mới.

Từ trước tới thế kỉ 18, trong xã hội quyền vua là quyền tuyệt đối; quyền lợi và bốn phận không đều; người có bốn phận thì không có quyền lợi, người có quyền lợi thì không có bốn phận; tín ngưỡng không tự do; quyền lợi kinh tế thuộc về giai cấp thống trị. Thế kỉ 17, Vauban và Fenelon lên tiếng đòi sưu thuế phải công bằng, quyền vua phải có pháp luật qui định; Pierre Bayle, một tín đồ Tân giáo Pháp trốn sang Rotterdam, cực lực đòi tự do tư tưởng, tự do tín ngưỡng. Nhưng tư tưởng mới ở Anh tràn tới mạnh nhất. Người đề xướng tư tưởng mới này là Locke. Ông là một y sĩ kiêm triết gia, chủ trương quyền tự nhiên của con người, quyền tự do tín ngưỡng tối thượng của dân.

a) Các nhà tư tưởng Pháp nổi gót Vauban, Bayle và Locke chia làm hai nhóm: nhóm triết gia và nhóm kinh tế gia. Nhóm triết gia gồm có những ông Montesquieu⁽¹⁾, Voltaire, Rousseau⁽²⁾ và Diderot, chỉ kể những người nổi danh nhất.

Montesquieu là tác giả tập thư Ba Tư (Lettres Persanes), kịch liệt công kích phong tục và chế độ xã hội. Năm 1748, ông xuất bản sách “Vạn pháp tinh lí” (L'Esprit de lois), ca tụng chế độ quân chủ nước Anh và dự liệu việc tam quyền phân lập: quyền hành chính, quyền lập pháp và quyền tư pháp. Ông bảo ba quyền ấy phải độc lập thì tự do mới bảo đảm.

(1) Tàu gọi là Mạnh Đức Tư Cửu.

(2) Tàu gọi Lữ Thoa.

Voltaire là một nhà văn phong phú hon hết của thế kỉ 18. Trong tập “Thư triết lí” (Lettres philosophiques 1733), cũng gọi là “Thư nói về người Anh” (Lettres sur les Anglais) xuất bản năm 1734, ông ca tụng nước Anh tự do, công kích chủ nghĩa chuyên chế, khắc nghiệt. Sách ông bị quốc hội Pháp ra lệnh đốt ở Ba Lê (1735). Ông phải đào tẩu. Sau hai mươi năm lưu lạc, ông đến Ferney (1755). Ở đây, được tôn làm lãnh tụ phái triết gia, ông dẫn đầu các nhà trí thức cho đến ngày ông từ trần. Suốt đời, ông không ngót công kích chế độ chuyên chế và giáo hội, công kích mọi hành vi độc đoán, bất công. Trong những chuyện ngắn nghiên cứu các vấn đề chính trị, kinh tế, xã hội, tôn giáo đương thời, ông tiên đoán sự sụp đổ chế độ cũ.

Voltaire hoài nghi tất cả. Ông châm biếm mọi tín ngưỡng. Nhưng trong lúc phá hoại, công kích, chỉ trích xã hội cũ, ông dọn con đường đi tới một xã hội mới tốt đẹp hơn.

Rousseau tiến xa hon Montesquieu và Voltaire một bực. Trong lúc hai ông này chủ trương cải cách trong khuôn khổ chế độ quân chủ, thì Rousseau tỏ ra một chiến sĩ dân chủ, cách mạng. Tư tưởng cách mạng của ông được bày tỏ trong cuốn “Emile” một cuốn sách giáo dục xuất bản năm 1762 và cuốn “Contrat Social” (Dân ước) cũng xuất bản trong năm ấy. Ông bảo rằng mọi người đều bình đẳng, tự do và dân là chủ của nước. Ông chủ trương thành lập dân quốc. Lý thuyết của ông về sau được Robespierre và phái Jacobin đem ra áp dụng trong cuộc đại cách mạng Pháp.

Tư tưởng mới bị cấm ở Pháp. Người ta phải dùng

đường lối riêng để tuyên truyền như là tổ chức các cuộc nói chuyện ở phòng khách, diễn kịch, nhất là in sách báo bí mật từ ngoại quốc gửi về. Nhưng lợi khí tuyên truyền đắc lực nhất là “Bách khoa tự điển” do Diderot, một triết gia, và d’Alembert, một nhà toán học, chủ trương với sự hợp tác của các văn sĩ, thông thái thời ấy.

Đối với các nhà tư tưởng thế kỉ 18, mục đích của đòi người là mưu hạnh phúc cho nhân loại. Để đạt tới mục đích ấy, họ phải san bằng hai chướng ngại là ngu dốt và tinh thần khuất phục. Họ nhờ giáo dục để phá ngu; nhờ tự do, bình đẳng đánh đổ áp bức, tức là phá được tinh thần khuất phục.

Muốn giáo dục, họ chủ trương truyền bá khoa học, muốn giải thoát, họ đòi cải cách chế độ cai trị. Để phổ thông khoa học, Bách khoa từ điển ra đời. Trong đó Diderot và các nhà bách khoa qui tụ tất cả kiến thức của loài người, nhất là những tư tưởng mới và những lời chỉ trích chế độ đương thời. Bởi vậy công cuộc xuất bản (1751-1772) bị chính phủ hai lần ra lệnh cấm.

b) Chống lại chế độ xã hội, ngoài các triết gia còn các nhà kinh tế. Họ chỉ trích chính sách hạn định kinh tế của chính phủ và chủ trương cho tự do hoạt động theo luật tự nhiên. Đại diện của phái này là Quesnay và Gournay. Hai ông đều nhận thấy rằng các thứ quan thuế và sự hạn chế là những trở ngại lớn cho nông nghiệp, kĩ nghệ, và đòi thiết lập một chế độ kinh tế tự do, trong đó chính phủ không được hạn chế và để hoạt động thong thả.

Môn đệ danh tiếng nhất của hai ông là Adam Smith ở

Anh, và Turgot ở Pháp. Trong sách Richesse des Nations (Tài phú quốc gia) xuất bản năm 1765, Adam Smith cho rằng sức lao động là nguồn gốc sinh ra tài phú. Dưới triều Louis XVI, Turgot đem áp dụng nguyên tắc kinh tế tự do. Ông bãi bỏ mọi sự hạn chế và ra sắc lệnh cho chở lúa đi khắp trong xứ (1774), bỏ chế độ nghiệp hội, cho tự do làm việc trong kĩ nghệ (1776), bỏ lệ làm xâu cho vua, lệ bắt nông dân mò mang đường sá. Thay vì dân phải làm xâu, các nhà địa chủ phải nộp thuế, nhà nước lấy thuế trả công người làm. Những cải cách ấy phạm tới bọn quyền thần, bọn chủ xưởng. Họ nổi lên phản đối. Cuối cùng ông bị vua Louis XVI huyền chức⁽¹⁾.

Các nhà kinh tế có ý cứu vãn chế độ quân chủ, nhưng tư tưởng của họ đến thời Cách mạng mới áp dụng được vì không hợp với quyền lợi giai cấp thống trị bấy giờ.

4. Từ Pháp tư tưởng tiến bộ tràn ra khắp châu Âu, được nhiều quốc vương đem áp dụng. Họ dung hòa học thuyết các triết gia với chủ nghĩa chuyên chế, tạo thành một chế độ xã hội đặc biệt của thế kỉ 18, mang danh là *Chế độ chuyên chế quang minh*. Đại diện các quốc vương ấy là Frédéric II nước Phổ, nữ hoàng Catherine II nước Nga và Joseph II nước Áo.

Frédéric II (1740-1786) là một ông vua kiêm triết gia

(1) Trước khi bị huyền chức ít ngày, ông viết cho vua Louis XVI: “Tâu bệ hạ đừng quên rằng vì bạc nhược mà vua Charles 1er đã để đầu lại trên thớt gỗ máy chém”.

môn đệ của Voltaire. Ông thấy tư tưởng tiến bộ có thể giúp cho nước ông phát triển, nhưng chỉ áp dụng đến một mức nào đó không phuong hại đến quyền lợi quý tộc. Ông cho tự do tín ngưỡng, phát triển học vấn, lập nguyên tắc cưỡng bách giáo dục ở cấp tiểu học, rước các giáo sĩ Jésuites về dạy học; bỏ tra tấn, chỉnh đón pháp luật, và trong lúc thi hành chính sách chuyên chế, ông vẫn cho mỗi người được tự do phát biểu ý kiến; nhưng nhất thiết cấm chỉ trich chế độ xã hội nước Phổ đương thời⁽¹⁾.

Nữ hoàng Catherine II nước Nga (1762-1796) cũng là người có tư tưởng tiến bộ, nhưng bà chỉ dùng để làm quảng cáo cho mình mà thôi. Bà giao thiệp với các triết gia Pháp và nổi tiếng là người yêu chủ nghĩa tự do. Trong nước, ngoài tự do tín ngưỡng và sự giáo dục giai cấp quý tộc, bà vẫn duy trì nguyên vẹn chế độ cũ. Nông nô trong thời bà còn bị bóc lột khốc liệt bởi phần. Bà chỉ chú trọng sửa đổi việc cai trị và khai thác miền Nam nước Nga, vùng Uy-kiên và Volga. Cuối đời bà giai cấp quý tộc được khai hóa hơn, nhưng dân chúng vẫn còn ngu dốt, khổn khổ.

Joseph II (1780-1790) nước Áo tỏ ra quang minh hơn hết. Là vua được mười năm, nhưng trong thời gian ngắn ngủi ấy ông thủ tiêu chế độ nô lệ, tuyên bố mọi người đều bình đẳng trước pháp luật và chịu thuế. Nước Áo cũng là một nước phong kiến gồm nhiều vùng riêng biệt với nhiều

(1) Chế độ phong kiến, trong đó giai cấp quý tộc bóc lột nông nô.

thứ quyền lợi khác nhau. Joseph II thiết lập một chế độ cai trị chung cho các vùng ấy. Ông ban hành tự do tín ngưỡng cho các tín đồ. Ngoài đạo Thiên chúa, Tân giáo được tự do lê bái, được bổ nhậm và mọi chức vụ quốc gia. Ông còn chủ trương cải cách giáo hội, tẩy sạch những tệ đoan trong việc thờ cúng của đạo Thiên chúa.

Chủ trương cải cách của ông vấp phải sức phản động ở Hung và ở Bỉ. Năm 17920, ông bãi bỏ các đạo luật cải cách trong hai nước nói trên, nhưng không đàn áp nổi phong trào bạo loạn ở Bỉ. Năm ấy ông từ trần, có ý chán nản cho việc làm không kết quả.

Phong trào cải cách còn lan tràn tới các quốc gia trong đế quốc Đức. Đại đế sự cải cách ở các nước này cũng giống như ở Áo và Phổ⁽¹⁾.

(1) Tại sao tư tưởng tiến bộ phát sinh tại Pháp mà không thực hiện được ở Pháp dưới chế độ quân chủ? Có phải vua Pháp kém quang minh hơn các vua Phổ, Áo không? Như chúng ta đã thấy trong sự tiến hóa giữa Tây Âu và Đông Âu có chỗ bất đồng. Khi ở Đông Âu chế độ quân chủ mới thành lập và bắt đầu hành trường thì ở Tây Âu nó đã đến lúc cáo chung. Mâu thuẫn giai cấp đã đến lúc quyết liệt. Sự cải cách không thỏa mãn được giai cấp nào hết và không ngăn được sóng cách mạng tràn lên.

TÓM TẮT

1. Cuối thế kỷ 17, Pháp là trung tâm văn minh thế giới. Các nhà thông thái phần đông đến phát minh sáng tác tại Ba Lê, trong lúc hàng vạn người Pháp bị sắc linh Nantes đuổi ra khỏi xứ đem học thuật Pháp truyền bá khắp châu Âu.
2. Louis XIV chết, chế độ chuyên chế suy. Phong tục biến đổi. Ai nấy lo làm cho mình thành một người lịch thiệp, biết rộng, hiểu nhiều. Ba Lê thành ra một nơi gặp gỡ của các nhà trí thức thế giới.
3. Nghệ thuật kiến trúc Pháp được châu Âu yêu chuộng. Người ta sửa thành trì vua thành những nhà ở hợp tiện nghi. Về điêu khắc, hội họa, văn chương, các nghệ sĩ đua nhau trổ tài. Những đầu đề sáng tác thường rút ở đời sống thực tại.
4. Khoa học cũng phát triển như nghệ thuật. Về vật lí học và hóa học. Franklin và Lavoisier đem lại được nhiều kết quả quan trọng. Phép đo lường, thu lôi, máy hơi nước, và ba-lông được đem áp dụng trong đời sống thực tế.
5. Mở đường cách mạng xã hội cho cách mạng tư tưởng. Các văn sĩ lên tiếng công kích tổ chức xã hội cũ

và phát dương học thuyết mới. Fénelon, Vauban, Bayle, Locke là những bậc tiền khu cuối thế kỉ 17.

6. Thế kỉ 18, các triết gia Montesquieu, Voltaire, Rouseeau, Diderot tiếp tục tranh đấu đòi thực hiện tự do, bình đẳng.

7. Đồng thời, các nhà kinh tế Quesnay, Gournay, môn đệ Adam Smith và Turgot chống lại chính sách kinh tế chỉ huy, chủ trương kinh tế được hoàn toàn tự do hoạt động.

8. Tư tưởng mới còn được nhiều quốc vương các nước Đông Âu áp dụng. Danh tiếng nhất là quốc vương Phổ Frédéric II nữ hoàng Cathérine II và nhất là quốc vương Áo Joseph II.

KẾT PHẦN THỨ NHẤT

Thời Trung cổ các Rợ chiếm đế quốc La Mã, phá hoại nền văn minh Thượng cổ, thành lập những quốc gia phong kiến, luôn luôn đánh phá thôn tính lẫn nhau. Nhưng cạnh nền kinh tế nông nghiệp, cơ sở của chế độ phong kiến ấy, thương mãi, kinh nghệ cũng lần lần phát đạt. Và cạnh các thành trì lãnh chúa, có những thành thị xuất hiện. Làm chủ các thành thị này là giai cấp thương nhân tư sản mỗi ngày một giàu, một mạnh.

Chính sách phong kiến trở ngại cho sự phát triển thương mại và kinh nghệ, nên giai cấp tư sản và giai cấp quý tộc xung đột nhau. Ban đầu tư sản đòi quý tộc phải nhường cho họ quyền tự trị. Nhưng quyền tự trị trong thành thị không đủ, họ phải thống nhất quốc thì thương mại, kinh nghệ mới có cơ hội phát triển đúng theo đà được. Họ ủng hộ các vua, hoàng đế đánh dẹp các lãnh chúa, tập trung quyền bính vào trung ương.

Thế kỉ 14, ở Tây Âu, các quốc gia quân chủ đã củng cố; ở Trung Âu các quốc gia phong kiến hãy còn, nhưng mầm quân chủ đã phôi thai và theo sự thúc đẩy của Tây Âu mỗi ngày mỗi nảy nở mạnh; ở Đông Âu hình thức quốc gia chưa định, nhưng con đường tiến hóa Tây Âu đã vạch sẵn, sớm muộn Đông Âu cũng

theo con đường ấy mà đi.

Thế kỉ 17 thì chế độ quân chủ Tây Âu già cỗi, chế độ quân chủ Trung Âu và Đông Âu trưởng thành. Suốt trong thời Cận đại, các quốc gia này tranh đấu nhau để mỏ mang bờ cõi và chiếm địa vị ưu thế trên lục địa cũng như trên mặt biển. Thế kỉ 17, 18 chiến tranh xảy ra không dứt nhau là giữa hai cường quốc Pháp – Anh.

Nhưng đến đây, lịch sử đã bước tới một khía cạnh khác. Trong các cường quốc quân chủ ấy, quyền kinh tế đã lọt vào tay giai cấp tư sản, mà quyền chính trị họ chưa nắm được. Trước kia họ ủng hộ các vua, hoàng đế cung kính chính quyền. Bây giờ họ đấu tranh để đòi chính quyền ấy. Cuộc cách mạng giết chết vua Charles 1er, sự thành lập chế độ đại nghị ở Anh, cuộc cách mạng Huê Kì cùng bản tuyên ngôn thành lập dân quốc của nước ấy, chứng tỏ cuộc tranh đấu đã tới hồi quyết liệt mà kết quả là chiếm chế độ quân chủ bị giai cấp tư sản đánh ngã.

Cuộc cách mạng Pháp mà người ta mang danh là «cách mạng châu Âu» xảy ra năm 1789 mở màn cho một thời lịch sử mới, thời Hiện đại⁽¹⁾.

(1) Đọc Lịch sử Thế giới, thời Hiện đại của Nguyễn Hiến Lê.

PHẦN THỨ HAI

TRUNG HOA NHÀ MINH – NHÀ THANH (từ Thuận Trị đến Càn Long)

CHƯƠNG I

NHÀ MINH (1368-1660)

1. *Lịch sử.*
2. *Mông đế quốc của nhà Minh.*
3. *Kinh tế.*
 - a) Thương nghiệp; b) Kĩ nghệ.
 - c) Nông nghiệp.
4. *Chính trị, xã hội, tư tưởng.*
5. *Giao thiệp với Tây phương.*
6. *Chiến tranh.*
7. *Nhà Minh suy vong.*

1. Đọc lịch sử Thế giới thời Trung cổ⁽¹⁾ chúng ta thấy nước Tàu khoảng 1279-1368 bị người Mông Cổ thống trị. Châu Nguyên Chuong nổi lên đánh đuổi Nguyên Thuận Đế về Mông Cổ, thâu lại đất Trung Hoa, lên làm vua, xưng là Minh Thái tổ, đổi quốc hiệu là Minh.

Thái Tổ phát quân đuổi theo Nguyên Thuận Đế, chiếm đất Mãn Châu, Mông Cổ, đánh dẹp các anh hùng còn sót lại, thâu luôn đất Thành Đô (Tứ Xuyên), Vân Nam.

Để giữ vững đế nghiệp vua quay lại giết hại công thần rất nhiều, và phong trào cho các con, em ở những yếu địa, thành lập đến 20 nước nhỏ: Tần, Tấn, Yên, Tề, Sở, Thục, Hàn, Lương v.v... để làm vây cánh.

Thái Tổ mất, Thái Tôn lên thay. Con thứ vua Thái Tổ là Lệ, phiền vương nước Yên, kéo binh vào Kim Lăng (Nam Kinh) cướp ngôi, xưng là Thành Tổ, rồi cho dời đô về Bắc Kinh.

Dời Nhân Tôn, nhờ có nhiều công thần tài giỏi, nước được thịnh trị. Sang đời Tuyên Tôn có loạn Hán vương Cao Hú, giặc Ngột Lương Cáp, nhưng thảy đều dẹp yên.

Dời Anh Tôn, rợ Ngoa Thích đánh phá biên cảnh, bắt nhà Minh phải triều cống và sau lại tiến quân bắt được vua Anh Tôn. Cảnh Đế lên thay thế được ít lâu thì Anh Tôn được tha về làm vua.

Sau Anh Tôn là Hiếu Tôn. Vua này chỉ biết ăn chơi, giao quyền cho hoạn quân; nước phải thất trị. Dời Thế

(1) Cuốn II.

Tôn (Gia Tĩnh) không có gì đáng kể. Đời Võ Tôn, Thần Tôn, Quang Tôn, Hy Tôn, nhà Minh đã suy yếu. Bên ngoài Nhật sang đánh Triều Tiên và chục đánh cả Trung Quốc. Thái Tổ nhà Thanh quật khởi, chiếm đất Phụng Thiên, mở đường tiến xuống phía Nam. Bên trong thì các đảng không kể gì vận nước, lo tìm cách hâm hại nhau. Tới vua Tứ Tôn thì chính trị hoàn toàn đổ nát. Không bao lâu nữa nhà Minh diệt vong.

2. Mộng của nhà Minh là làm cho nước Tàu thành ra một đế quốc cường thịnh. Bỏ chính sách hướng về đại lục của nhà Nguyên, nhà Minh chủ trương hướng ra mặt biển. Chiến thuyền của Minh đi tới Chiêm Thành, Chon Lạp, Xiêm La, quần đảo La Sonde, xuyên eo biển Malacca, đến tận Tích Lan, Nam Á, và từ đó thăng tới hải cảng Ormuzd trong vịnh Ba Tư, hải cảng Aden ở Hồng Hải, La Mecque ở Á Rập. Trong vòng 20 năm (1405-1424) Trung Quốc hình như muốn tranh với Á Rập làm chủ mặt biển⁽¹⁾. Nhưng không giỏi hàng hải bằng người Âu nên người Á Rập trước sau vẫn giữ vịnh Bengale, biển Ấn Độ để sau

(1) Theo sách “Trung Quốc sử lược” của Phan Khoang thì người cầm đầu các cuộc công cán này là Thái giám Trịnh Hòa. Trịnh Hòa chỉ huy 62 chiếc thuyền lớn, 37.000 hải quân, đem theo nhiều vàng lụa. Theo sách này mục đích công cán là tuyên dương oai đức nhà Minh và tìm vua Huệ Đế, lúc ấy bị Thành Tổ đánh, bỏ trốn ra nước ngoài. Trịnh Hòa trước sau đi sứ tới 7 lần, bắt được vua 3 nước, trải qua hơn 40 nước: 15 nước phía đông bán đảo Mã Lai, 7 nước chung quanh đảo Sumatra, 6 nước ở Ấn Độ, 3 nước ở châu Phi, 5 nước ở Á Rập.

này nhường lại cho người Bồ Đào Nha mạnh hơn. Nửa thế kỉ sau (1514), người Bồ Đào Nha sang tận hải cảng Trung Quốc và giữa thế kỉ 16, họ đóng tại Macao. Không bao lâu người Hòa Lan, người Anh, Pháp cũng tới đó.

Như vậy người Tàu không tranh nổi ưu thế trên mặt biển với người Á Rập. Từ đó họ không giao tiếp được với phương Tây nữa. Về sau tuy còn giao thương bằng đường thủy, nhưng họ không có cơ hội qua khói eo biển Malacca.

Không làm bá chủ mặt biển được, nhà Minh chinh phục các nước yếu. Phía Bắc vua Thành Tổ đánh con cháu nhà Nguyên, bình Mông Cổ, phía Nam nhân Hồ Quý Ly chiếm ngôi nhà Trần, sang chiếm Việt Nam⁽¹⁾, và bắt Chiêm Thành, Lào Qua phải thần phục.

3. a) Mộng làm bá chủ thế giới không thành, nước Tàu nhở đất rộng, của nhiều, còn giữ được một địa vị vững vàng ở đông Á. Tuy lúc đầu, vì chính sách dân tộc, triều Minh không dung túng người Tây phương, nhưng vẫn giữ liên lạc kinh tế với ngoại quốc. Người Tàu tải to lụa tới các thị trường Trung Á, Ba Tư, Thổ Nhĩ Kỳ; vẫn cho thương thuyền đến các nước Án Trung, Nhật Bản, quần đảo Nam Dương, bán đảo Malacca.

Các trung tâm thương mại trong nước là Ninh Ba, Tuyên Châu, Quảng Châu giữ việc thông thương với Nhật, Lưu Cầu và các nước Nam Dương, Tây Dương.

(1) Nhà Minh chiếm Việt Nam năm 1406, đến năm 1428, Lê Lợi đánh đuổi được quân Minh, Việt Nam lại độc lập.

Về sau, khi người Âu đến Macao và Quảng Châu, họ còn đủ uy lực để kiểm soát chặt chẽ. Giữa thế kỷ 16, Nụy Khấu (giặc lùn) Nhật Bản làm trở ngại thương nghiệp Trung Quốc không ít.

Trong nước, vì sự lạm phát mà tiền giấy chỉ còn một phần trăm nguyên giá. Thương mại phải lâm vào chỗ đình trệ, bế tắc⁽¹⁾.

b) Về kĩ nghệ, thì buổi Minh sơ, nhà nước cấm nghề đúc sắt, có lẽ sợ dân rèn khí giới rồi sanh loạn⁽²⁾. Còn nghề sản xuất vàng, bạc đồng thì giao cho tư nhân, rồi cưỡng bức mua lại bằng tiền giấy. Khoáng nghiệp vị thế mà không thể phát triển được. Duy có công nghệ đồ sứ thì cực thịnh. Đồ gốm Tuyên Đức, Vĩnh Lạc, Thành Hóa, Chánh Đức, Gia Tĩnh, Vạn Lịch; đồ đồng đen Cảnh Thái ngày nay còn được thế giới ưa thích. Trần Cảnh Đức, tỉnh Giang Tây có đến một triệu dân mà phần đông là thợ làm đồ sứ.

c) Về nông nghiệp thì lúc đầu nhà nước hết sức khuyến nông, phát đất hoang, mở đồn điền, khai ngòi, đắp đập, để cho nông dân ai cũng có đất cày. Nhưng về sau, vì chế độ quan liêu thịnh hành, bọn quan lại một mặt đánh thuế nặng, một mặt cưỡng đoạt ruộng đất, tinh cành nông dân

(1) Trong nước lưu hành 6 thứ tiền giấy: 1 quan, 500 đồng, 400 đồng, 300 đồng, 200 đồng, 100 đồng.

(2) Vương Doãn Đạo vì xin mở xưởng đúc sắt mà phải bị xử truung và bị đày đi Lãnh Nam.

vì thế trở thành quẩn bách. Từ đời Thế Tôn về sau, kho tàng khánh kiệt, thế nước suy lăm. (Hồi Minh Mạt, có bộ Nông chính toàn thư của Từ Quang Khải nghiên cứu nông học, dạy các cách gieo trồng).

4. a) Nói theo nhà Đường, nhà Minh tập trung quyền binh vào tay vua và tổ chức hệ thống quan lại làm trung gian giữa vua và dân. Bọn quan lại này giữ việc cai trị trong nước và thâu thuế. Họ lợi dụng địa vị cưỡng chiếm nhiều ruộng đất. Từ thế kỉ 15 đến 17, họ biến dân thành những lãnh chúa rất có thế lực, hoàn toàn làm chủ những vùng đất lớn và cai trị dân như các vua nhỏ.

b) Giai cấp xã hội rất rõ ràng. Nhà ở, y phục, mỗi giai cấp mỗi khác, quan dân không được gần gũi nhau. Triều đình cấm nuôi nô tì, nhưng lệnh ấy chỉ ban hành cho thường dân, còn nhà quan thì nuôi bao nhiêu cũng được. Tiện dân cũng chia nhiều đẳng cấp như “lạc hộ” tức là vợ con kẻ trộm cướp tử hình, bắt làm nô tì ở nhà quan hoặc là gia thuộc những kẻ phản đối việc Tinh nạn⁽¹⁾ bị chính phủ đày tới Sơn Tây, Thiểm Tây; “bạn dương” là đầy tớ, thế bộc là đầy tớ đời nợ sang đời kia; “trụy dân” là những người đầu hàng quân Kim đời Nam Tống, về sau bị người Tống biếm và bị xem làm tiện dân không được kết hôn với lương dân, con trai không được thi cử⁽¹⁾.

(1) Việc Thành Tổ cướp ngôi Huệ Đế.

(1) *Trung Hoa sử cương*, Đào Duy Anh.

Tại triều thì bọn hoạn quan chuyên quyền. Vua chỉ còn giữ hưu vị. Đế quốc tiến dần đến chỗ suy vong⁽¹⁾.

c) Trong nước các giáo phái được tự do truyền bá, nhưng chính phủ giữ mọi việc cúng tế của quốc gia. Các giáo phái đều phải phục tùng chính phủ.

Trùm trên tôn giáo là một ý thức hệ có tính cách dân tộc chung cho cả nước. Học thuyết Chu Hy được chọn làm ý thức hệ ấy. Chu Hy lấy định mệnh làm căn bản, bắt con người về mặt đạo đức phải nhắm mắt tuân theo luật của trời, về chính trị tuân theo luật của nước túc là luật của vua, người thay mặt cho trời. Học thuyết này biến thành một thứ xu thời chủ nghĩa có lợi cho chế độ chuyên chế nhưng có hại cho người Tàu: nó diệt tinh thần phê phán, động lực của sự tiến bộ.

Học thuyết Chu Hy là kết quả của sự tiến hóa trong khuôn khổ một quốc gia cách biệt với các trào lưu văn minh khác trên thế giới; nhưng khi thành một sức mạnh tinh thần rồi nó quay lại chi phối sự tiến hóa ấy. Nước Tàu đến thế kỉ 14 đã làm được nhiều phát minh vĩ đại, nhưng từ

(1) Thái Tổ cấm thái giám tham dự chính trị. Nhưng Thành Tổ vì phải dồn công lao cho bọn hoạn quan đã giúp mình cướp được ngôi, nên dùng họ làm giám quan. Các đời vua khác, trừ Hiển Tôn và Thế Tôn đều bị hoạn quan vây bọc. Đến đời Hy Tôn, các hoạn quan như là Thụy Trung Hiên tàn ác vô độ. Các quan trong triều lại lập thành phe đảng: đảng Đông Lâm và Phi Đông Lâm khuynh loát lẫn nhau làm cho chánh sứ nước Tàu nát hết.

đó về sau nếu tinh thần người Tàu bị mờ ám thì học thuyết Chu Hy phải chịu một phần trách nhiệm không nhỏ vậy.

Các học phái như Hà Đông phái của Tiết Huyên, Sùng Nhân phái của Ngô Dữ Bật đều lấy Trình Chu làm chuẩn đích. Về sau, Vương Thủ Nhân của Diêu Giang phái mới dám bài bác học thuyết Chu Hy. Ông nêu cao cái tôn chỉ “trí lương tri” nghĩa là “phải học làm sao cho quan năng hiểu biết của tâm được sáng tỏ, không bị che lấp”⁽¹⁾. Nhưng nhà Minh không tin dùng học thuyết của ông mà chỉ truyền bá tư tưởng Chu Hy có lợi cho chính quyền chuyên chế hơn. Những sách được lưu hành trong xứ như : «*Tứ thư đại toàn, Ngũ kinh đại toàn*», đều lấy học thuyết Trình Chu làm tiêu chuẩn.

Về văn học, những loại văn chính thống như thơ, từ, phú, biên văn, cổ văn... không phát đạt thêm được chút nào: trái lại văn bình dân, tíc tuông và tiểu thuyết, dùng lời nói thông thường trong quần chúng để phô diễn thì tiến rất mạnh.

Những tuồng như Tỳ bà ký, Mẫu đơn đình (tuồng sau này rất lãng mạn, của Thang Hiển Tổ), những tiểu thuyết như Thủy hử của Thi Nại Am, Tam quốc chí của La Quán Trung, Tây du ký, Kim bình mai đều được phổ biến trong dân gian và hiện nay được Âu, Mĩ lược dịch ra.

Tóm lại, ta đã thấy một sự chuyển hướng, văn chương không dành riêng cho quý tộc nữa mà địa vị của bạch thoại cao lần lần.

Khi Minh Thái Tổ lên ngôi thì nước Tàu ngang hàng

(1) Trung Quốc sử lược, Phan Khoang.

với châu Âu, ít nữa về mặt kĩ thuật. Thế mà đến thế kỉ 17, châu Âu tiến về mọi mặt, khoa học, kinh tế, xã hội, quân sự, hàng hải, còn nước Tàu thì đứng yên một chỗ, tức là ở cái mức thế kỉ 14.

Minh Thái Tổ sau khi đuổi người Nguyên, bài xích người Tây dương triệt để⁽¹⁾. Đến năm 1516, vua Vũ Tông mới cho người Bồ Đào Nha đến ở Quảng Châu. Kế đó, người Anh, Hòa Lan, Y Pha Nho cũng được tới Trung Quốc buôn bán và truyền đạo.

Năm 1601, Ricci⁽²⁾ được vua rước tới Bắc Kinh dạy hoàng thái tử. Giới khoa học, ông dịch hình học Euclide ra tiếng Mân Thanh cùng làm sách Vạn quốc dư đồ. Kế ông, có người Đức Schall⁽³⁾. Ông này lập một xưởng đúc súng (1636). Ngoài ra giáo sĩ giòng Jésuites còn đến truyền bá các thứ khoa học như thiên văn học, lịch pháp, cơ khí học, số học, địa lí học, dược học, pháo thuật v.v... Khoa học Tây phương bắt đầu truyền sang Trung Quốc từ đó.

6. Tuy diệt được nhà Nguyên, nhà Minh vẫn còn phải

(1) Thống trị Trung Quốc, nhà Nguyên chuyên dùng người phương Tây và bạc đài người Trung Quốc. Có người, như Marco-Polo, được bổ nhậm vào chức vụ cao trọng của triều đình (xem Lịch sử Thế giới cuốn II). Người phương Tây được tự do di lại trong nước truyền đạo hoặc buôn bán. Dế quốc Mông Cổ suy, vua Minh trả thù, đuổi hết người Tây phương ra khỏi nước.

(2) Tàu gọi là Lợi Mã Đậu.

(3) Tàu gọi là Thang Nhuọc Vọng.

chiến tranh với Mông Cổ một thời gian khá lâu. Kế đến rợ Ngõa Thích thống nhất Mạc Bắc, tù trưởng là Dã Tiên bắt Trung Quốc phải triều cống rồi lại cất quân xâm lấn bờ cõi. Vua Anh Tôn thân chinh bị bắt. Dã Tiên đánh tới kinh thành nhưng không hạ nổi, phải nghị hòa và thả Anh Tôn.

Dời vua Thần Tôn, Phong Thần Tú Cát thống nhất được nước Nhật, sai quân sang đánh Triều Tiên. Nước này bị thua phải cầu cứu nước Tàu. Viện binh của Tàu cũng thua, phải nghị hòa. Sau Tú Cát lại cử binh sang Triều Tiên một lần nữa. Nhà Minh lại phái quân cứu viện. Nhưng năm sau Tú Cát chết, quân Nhật rút về.

Trận giặc này, nước Tàu bị tổn hại rất nhiều. Triều đình tăng thêm 800 vạn thuế và phái quan đi khai mỏ, thu thuế, nhiễu dân, hại chúng quá chừng, khiến những đất Xuyên, Quý, Lương Hồ đều nổi loạn.

Đầu thế kỉ 17 (1616), Mãn Châu lập quốc. Người Mãn Châu nguyên là con cháu của người Kim, giòng Nữ Chân. Buổi đầu nhà Minh, các rợ này đều tùng phục nước Tàu. Đến đời Thần Tôn, Nô Nhĩ Cáp Xích quật khởi, thôn tính các bộ lạc lân cận, xung đế, đóng đô ở Hưng Kim, thuộc Phụng Thiên, đặt quốc hiệu là Hậu Kim, tức Thái Tổ nhà Thanh.

7. Nhà Minh đã đến lúc diệt vong. Trong ngoài đều có loạn. Năm 1636, Thanh Thái Tôn (Hoàng Thái Cực) đổi quốc hiệu là Thanh, đánh chiếm Triều Tiên, Mông Cổ và vùng biên thùy Đông Bắc của Minh, rồi theo đường Hỷ Phong Khẩu, Nhạn Môn Quan tiến vào Trung Nguyên.

Giữa lúc ấy thì bên trong dân chúng đói khổ quá, theo tên phu trạm Lý Tự Thành nổi loạn. Vua Tự Tôn phải thắt cổ mà chết (1644). Thừa dịp ấy quân Thanh tràn vào chiếm Hà Bắc, đóng đô ở Bắc Kinh, rồi từ Bắc Kinh tiến xuống phương Nam.

Sau khi Tự Tôn tự ái, các vương thần nhà Minh đua nhau xung đế ở phía Nam, như Hoằng Quang (Phúc Vương), Long Vũ Đế (Đường Vương), nhưng trước sau đều bị quân Thanh đánh thua. Duy có Vĩnh Lịch Đế (Quế Vương) ở Triệu Khánh chống cự với quân Thanh 10 năm ở miền Lưỡng Quảng, Vân Nam, Quý Châu, Giang Tây, Hồ Nam, Tứ Xuyên. Năm 1659, Quế Vương thất thế, trốn sang Miến Điện, bị vua Miến bắt nộp cho quân Thanh và bị giết ở Vân Nam. Nhà Minh đến đó là dứt, làm vua được 21 đời, cộng 296 năm.

TÓM TẮT

1. *Đuối được người Mông Cổ, Thái Tổ lên ngôi, bình định trong nước. Thái Tổ chết, phiền vương nước Yên đoạt ngôi, xưng là Thành Tổ. Đời Anh Tôn, rợ Ngõa Thích xâm lấn bờ cõi, bắt vua rồi lại tha. Các đời vua sau đều thất chính. Thái Tổ nhà Thanh quật khởi, diệt nhà Minh.*
2. *Cũng như nhà Nguyên, nhà Minh muốn làm cho Trung Hoa thành một đế quốc mạnh. Vua Minh cho chiến thuyền đi tuyên dương oai đức ở Nam Hải, Ấn Độ Dương, Hồng Hải và cho đánh chiếm các nước láng giềng.*
3. *Không làm được bá chủ, nhà Minh vẫn giao thương với ngoại quốc. Kỹ nghệ bị hạn chế, trù nghè làm đồ sú. Nông nghiệp ban đầu phát đạt, nhưng về sau vì tị chính trong nước mà lụn bại.*
4. *Về chính trị thì vua chuyên chế, nhưng từ Thành Tổ trở đi, bọn hoạn quan chuyên quyền, bọn quan lại chiếm đất, tổ chức thành lãnh địa. Các tôn giáo được tự do truyền bá, nhưng nhà nước dùng học thuyết Chu Hy làm lợi khí thống trị. Nước Tàu suy nhược dần.*
5. *Về khoa học, nhà Minh cho người Tây phương đến Trung Quốc truyền bá. Ricci và Schall có uy tín*

nhất. Người Tàu học của Tây phương các khoa thiên văn học, lịch pháp, cơ khí học, địa lý học, dược học, pháp thuật v.v...

6. Đời Anh Tôn có rợ Ngõa Thích xâm lấn bờ cõi, đời Thần Tôn người Nhật đánh Triều Tiên; Trung Hoa phải tham chiến, hao người tổn cù rất nhiều. Đến thế kỷ 17, nhà Minh bị người Mãn Châu tấn công, phải lâm nguy.

7. Năm 1636, Thái Tổ nhà Thanh đánh Trung Nguyên. Đồng thời trong nước nóng dân nổi loạn, bức tử vua Tư Tông. Các vương thần rút về phương Nam xung đế nhưng không chống đỡ nổi quân Thanh. Nhà Minh diệt vong.

CHƯƠNG II

NHÀ THANH TỪ THUẬN TRỊ TÓI CÀN LONG (1644-1796)

1. *Lịch sử.*
2. *Chế độ chính trị.*
3. *Chính sách xâm lược.*
 - a) *Thời Khang Hy (1662-1723).*
 - b) *Thời Càn Long (1736-1796).*
4. *Văn hóa.*
 - a) *Văn nghệ; b) Kiến trúc.*
 - c) *Tôn giáo; d) Khoa học.*
1. Chiếm được Trung Quốc, các vua nhà Thanh muốn mần hóa người Hán tức là làm cho người Hán thành ra người Mân. Họ bắt người Hán phải bín tóc, ăn mặc như họ. Nhưng văn hóa Hán cao hơn, đẹp hơn, có sức hấp dẫn mạnh, khiến họ bị Hán hóa dần dần. Rốt cuộc họ bỏ văn hóa của giống dân du mục mà theo văn hóa Trung Hoa.

Các vua nhà Thanh đều theo đường lối của nhà Minh

mà kiến thiết đế quốc và trị dân chỉ châm chước sửa đổi phần tiểu tiết. Các vua Thuận Trị, Khang Hy, Ung Chính, Càn Long đều hết lòng lo việc nước, sửa trị tệ chính. Nhờ vậy mà trong nước thái bình văn hóa có phần tươi đẹp, tiến bộ.

Cũng như đời Minh, chính sách đời Thanh là một chính sách chuyên chế. Bỏ chế độ quan liêu, vua Thanh tập trung hết quyền binh vào tay mình, chính trị hay dở, dân chúng sướng khổ đều tùy ở thái độ vua. Thành Tổ (Khang Hy) thì chủ trương khoan hòa, Thế Tôn (Ung Chính) thì chủ trương nghiêm khắc. Thấy hai thái độ ấy có lợi mà cũng có hại⁽¹⁾, Cao Tôn (Càn Long) chủ trương dung hợp. Một mặt ông cho giảm thuế, tha tù⁽²⁾, một mặt khác nghiêm trị quan lại, trừ khử thói hư, tật xấu, khuyến khích cần lao v.v...

Thời Minh, đất đai lọt vào tay phái quan liêu đã biến thành lãnh chúa. Dân chúng không có đất cày phải làm loạn. Nhà Thanh triệt hạ quan liêu, chia ruộng đất lại cho dân. Ruộng đất của các vua trước cũng bỏ vào của công.

Để mua lòng dân, triều đình hết sức trông nom cho mỗi người có một phần tài sản, ngăn ngừa chế độ lãnh chúa tái lập. Phân nửa đất đai trong nước được phân phán. Đời sống nông dân nhờ đó được cải thiện. Dân số tăng lên rất

-
- (1) Chính sách khoan hòa làm cho quan lại lười biếng, xao lảng việc cai trị; chính sách nghiêm khắc làm cho quan lại vì quá sốt sắng mà chính lịch trở thành phiền hà.
- (2) “Đối với tiện dân, như lạc hộ, bạn đương, thế bộc, truy dân thì hai triều Ung Chính và Càn Long đều giải phóng, cho làm bình dân cá”. (Trung Hoa sử cương, Đào Duy Anh).

mau: năm 1578 là 60 triệu, đến năm 1661 tăng lên 104 triệu và năm 1766, đến 181 triệu.

Người Hán vốn khinh người Thanh là rợ, nên khi vào Trung Quốc, nhà Thanh ra mặt nghiêm khắc với người Hán, nhất là kẻ văn nho, trí thức. Nhưng về sau thấy thái độ kì thị chủng tộc ấy không có lợi, triều đình mới tìm cách mua chuộc những người Hán có uy tín trong dân gian, như mở các đặc khoa tuyển chọn người tài giỏi trong số người Hán, đón tiếp các danh sĩ về kinh đô cho soạn sách. Mục đích là tạo cho mỗi người một địa vị, làm tiêu ma tinh thần đối lập của họ đi.

Đời Càn Long, những sách ở địa phương gởi về để soạn bộ “Tú khố toàn thư” đều được chọn lọc kĩ lưỡng. Những sách có tư tưởng dân tộc, phạm đến chính quyền đương thời đều bị thiêu hủy hết, trước sau có đến non vạn rươi bộ.

Để phòng ngừa trực tiếp những phong trào phản kháng, triều đình Thanh nghiêm cấm sĩ tử kết xã, họp đoàn, nhất là các văn sĩ miền Giang Nam. Vua Khang Hy còn phái kỵ binh đóng ở các đô thị trọng yếu và dùng “văn tự ngục” trừ khử những sĩ phu đối lập.

Tóm lại triều đình Thanh cũng như triều Mông Cổ trước kia là một chính phủ từ ngoài đưa vào. Tuy người Hán được tham dự chính quyền, nhưng vốn là dân tộc văn minh hơn, họ không chịu được sự giám thị của người Mán. Mầm phản loạn phát sinh, và qua đến các đời sau thì nảy nở rất mạnh. Một trong những chỗ yếu của nhà Thanh là thành lập trên đầu dân tộc Trung Hoa một bộ máy cai trị

chỉ biết phụng sự triều đại ngoại quốc. Bộ máy ấy mỗi ngày một bành trướng làm thành một lực lượng độc lập, về sau khuynh loát chủ quyền hoàng đế.

3. a) Sở dĩ quân Mãn Thanh tiến vào Bắc bộ và Trung bộ nước Tàu dễ dàng, chính là vì nông dân oán ghét chế độ quan liêu của nhà Minh. Nhưng ở Nam bộ, họ lại gặp sức đương cự mãnh liệt của phái thương nhân. Sau bảy năm chiến tranh, họ phải để

***** (thiếu một đoạn)

Dẹp được loạn Tam Phiên rồi, người Thanh tiếp tục chính sách xâm lược. Bắt đầu Khang Hy đánh chiếm Đài Loan do Trịnh Thành Công đóng giữ, đuổi người Hòa Lan ra khỏi đảo này, rồi cho quân quay về phía Bắc. Từ năm 1618, người Nga đã tới sông Hắc Long, lập pháo lũy Albazin. Khang Hy phái 15.000 quân chiếm pháo lũy ấy, bắt quân Nga (năm chục người) đem về Bắc Kinh.

Tuy thắng quân Nga, Khang Hy muốn giữ mối giao hảo giữa hai nước. Nga chịu trả lại vùng sông Hắc Long lại cho Tàu và chịu nhận dây Stanovoi làm ranh giới. Từ đó các thương đội được lưu thông dễ dàng từ Bắc Kinh đến lãnh thổ Nga, xuyên qua Mông Cổ. Kế đó vua Thanh can thiệp vào nội tình Mông Cổ, binh vực giống Khalkha⁽¹⁾ và thâu phục được các quốc vương giống này về với Trung Quốc.

b) Khi vua Càn Long lên ngôi thì nước Tàu đã tới lúc cực thịnh. Dân số được 140 triệu người. Ngân sách được

(1) Tàu gọi là Khách Nhĩ Khách.

550 triệu đồng vàng, và công quĩ thường có sẵn 500 triệu. Bin sỹ tới 250.000, trong đó có 50.000 người Trung Hoa, còn là người Mãn.

Càn Long tiếp tục chính sách chinh phục của Khang Hy. Năm 1750, nhân nước Tây Tạng phản kháng nhà Thanh, giết chết hai viên quan biện sứ của Tàu, Càn Long cho chiếm kinh đô nước ấy. Tây Tạng từ đó phải thẫn thuộc nước Tàu. Khi đánh dẹp Tây Tạng Càn Long cho giết đến 600.000 người thuộc giống Dzounga, làm cho giống này phải tiêu diệt⁽¹⁾. Càn Long lại đánh người Hồi giáo, giết hết 10.000, chiếm lưu vực sông Tarim.

Như vậy, đông bộ Tân cương bị sáp nhập vào bản đồ Trung Quốc. Các nước phía tây cao nguyên Pamir phải sai sứ sang triều cống. Ảnh hưởng Trung Quốc lan tới biên cảnh Ấn Độ. Càn Long bỏ chính sách ngược đai giáo sĩ, và nhờ họ vẽ bản đồ những nơi chiếm được.

Trung Á yên rồi, quân đội Trung Hoa tiến về phía Tây nam, kéo vào Miến Điện tới sông Irraouaddi. Sau bốn trận đánh, quân Trung Hoa không thắng nổi. Người Miến nhờ các đại bác ngoại quốc, tổ chức được một đội pháo binh mạnh. Càn Long phải chịu kí hòa ước với Miến, và hai nước lại giao thương.

Phía Nam rợ Miêu chiếm vùng Cao nguyên, không

(1) Tàu gọi là Chuẩn Cát Nhĩ. Sách Trung Quốc lược sử của Phan Khoang nói 600.000 người này chết vì bệnh đậu mùa (trái giống).

chịu thắn phục triều đình. Các triều trước cho tù trưởng họ làm quan, cha truyền con nối, tự cai trị lấy. Đời Càn Long vì quan lại thâu thuế hà khắc, người Miêu quật khởi. Triều đình phái quân đến tiêu diệt, bắt hết tù trưởng về Bắc Kinh già hình.

Các nước Xiêm, Annam cũng chịu thắn thuộc triều đình cống. Càn Long muốn nhân nội tình Annam bối rối, cho quân sang đánh chiếm, nhưng vì Tôn Sĩ Nghị bất tài mà mấy chục vạn quân Thanh bị vua Quan Trung Nguyễn Huệ nhà Tây Sơn giết gần hết.

Ngoài ra, các vua xứ Caboul, Boukhara, các khả hân thung lũng A Phú Hãn đều khuất phục Thanh triều cả. Năm 1791, quân Thanh vượt núi Hy Mã Lạp Sơn kéo vào Népal⁽¹⁾, bắt xứ này phải triều cống. Uy thế của nhà Thanh đến đây thật không kém đài Hán, Đường. Thanh đã thống trị toàn cõi Trung và Đông Á. “Bản đồ Trung Quốc bấy giờ đông giáp eo biển Triều Tiên; Đông Bắc giáp đảo Khố Diệp; Bắc giáp Tây Bá Lợi Á; Tây gồm cả nước Hạo Hãn và A Phú Hãn cùng các nước ở dãy núi Hy Mã Lạp Sơn; Nam tới Nam Hải, bao quát Đài Loan và Ấn Độ Chi Na”⁽²⁾.

4. Khang Hy và Càn Long là những vua thông minh, ham học, thông thạo đủ các khoa, văn học, thiên văn học, toán học, bác vật học. Những sách giá trị đều được soạn trong hai đời vua này, trong đó có các bộ: Cổ kim toàn thư

(1) Tàu gọi là Nề Bạc Nhĩ.

(2) *Trung Hoa sử cương*, Đào Duy Anh.

tập thành, Khang Hy tự điển, Bộ văn vận phủ, Tứ khố toàn thư là danh tiếng nhất.

Các học giả, có người nghiên cứu kinh truyện, cổ thư, hoặc chữ khắc trên bia đá, đồ đồng để tìm bằng chứng cho kinh sử, và lập thành khoa khảo chứng học, cầm đầu có cố Viêm Võ. Sử học thì đời Khang Hy có bộ *Minh sử*, *Tục tự trị thông giám* chép việc từ Tống tới Nguyên. *Tục văn hiến* chép việc các triều Tống, Liêu, Kim, Nguyên, Minh. Văn học thời Thanh sơ, kết thúc các đời trước. Loại văn chính thống của quý tộc và loại văn bạch thoại của bình dân song song tiến, loại nào cũng được tôn trọng và cũng có những tác phẩm xuất sắc, nhò văn nhân có tinh thần sáng tác và độc đáo.

Về thơ, ta nên nhớ Viên Mai (Tùy Viên) có danh nhất đương thời, lời điêu luyện; về tuồng có những tác phẩm của Khổng Thượng Nhiệm, Hồng Thăng; tiểu thuyết bất hủ thì có Hồng lâu mộng, Nho lâm ngoại sử, Lão tàn du ký đều có tính cách hiện thực, tả đúng trạng thái xã hội đương thời.

Tới giữa đời Thanh, loại chính thống suy và gần đây loại bạch thoại lân lân chiếm được địa vị quan trọng nhất⁽¹⁾.

b) Kiến trúc cũng được các vua chú ý đặc biệt, vì nghệ thuật này tiêu biểu cho sức mạnh của chế độ. Công trình vĩ đại của nhà Thanh là kiến thiết lại những cung điện ở Bắc Kinh bị thiêu hủy trong lúc họ nhập đô thành.

(1) Coi cuốn «*Thời Hiện đại*» của Nguyễn Hiến Lê.

Đến Nam giao cũng được trùng tu lại. Thế kỉ XVI, hoàng đế cho xây điện Thừa Lương phía Tây bắc Bắc Kinh. Chung quanh điện có vườn Thượng uyển mênh mông, trồng đủ kì hoa, dị thảo. Vua Càn Long giao cho các giáo sĩ Castiglione và Attiret vẽ những bích họa trong điện. Nghệ thuật Trung Hoa hồi này đã chịu ảnh hưởng nghệ thuật châu Âu, nhất là hội họa. Sau đời Càn Long, kiến trúc Trung Hoa không tiến hon được nữa.

c) Đối với tôn giáo, người Tàu thường có một thái độ khoan hồng, miễn là các tôn giáo ấy không phạm đến chính quyền. Đời Thanh, Phật giáo, Lạt ma giáo, Đạo giáo Cơ đốc giáo đều được tự do truyền bá.

Hình như Khang Hy cho Phật giáo làm mất tinh thần tiến thủ của dân, nên cấm lập nhiều chùa Phật và hạn chế tuổi xuất gia, khiến đạo này không được thịnh. Lạt Ma giáo và Đạo giáo thì được biệt đãi hơn. Cơ đốc giáo cũng vậy. Các giáo sĩ, nhất là giáo Jésuite có công truyền bá học thuật châu Âu sang Tàu. Hơn nữa, giáo sĩ Jésuite khôn khéo đem cách lễ bái Trung Hoa và đạo đức Khổng Tử áp dụng vào đạo Cơ đốc. Năm 1685, Louis XIV cho một phái đoàn khoa học gồm những giáo sĩ Jésuite sang Tàu. Phái đoàn này được Khang Hy cho phép tự do truyền đạo. Trong một chiếu chỉ (1692) nhà vua tuyên bố rằng tín đồ Thiên chúa và người Tàu cùng thờ một Chúa. Đạo Thiên chúa bắt đầu thâm nhập mạnh vào quần chúng.

Nhưng cuộc truyền đạo của phái Thiên chúa Pháp bị giáo sĩ Y Pha Nho và Bồ Đào Nha phá hỏng. Muốn ngăn

anh hưởng của Pháp trên đất Tàu, họ đem thủ đoạn truyền giáo của tín đồ Da Tô hội cáo báo lại tòa thánh La Mã. Năm 1704, giáo hoàng Clément XI ra lệnh cấm trộn lẫn mọi cách lê bái. Khang Hy từ đó không tín nhiệm giáo sĩ Jésuite nữa. Chỉ còn một số giáo sĩ Jésuite được lưu lại ở Tàu với tư cách kĩ thuật gia mà thôi.

Năm 1720, giáo hoàng sai sứ sang xin mở lại việc truyền đạo Thiên chúa, nhưng không được. Thấy nước Pháp, Anh chiếm đất Ấn Độ, triều Thanh sợ rằng giáo sĩ Jésuite có thể là lợi khí chính trị của các đế quốc ấy. Ung Chính vừa lên ngôi (1723-1735) thì trực xuất và ngược đai giáo sĩ, thi hành triệt để chính sách bế quan tỏa cảng, làm cho nước Tàu đoạn tuyệt hẳn với văn minh châu Âu.

d) Như trên kia đã nói, đến thế kỉ 14 nước Tàu ngang hàng với các nước cường thịnh nhất. Nhưng đến thế kỉ 17, họ phải tìm học lại người Âu. Chế được *chiêm tinh nghi* họ lại phải nhờ người Ấn đem thiên văn học từ châu Âu về dạy lại. Có công tìm ra kim chỉ nam, họ phải nhờ người Á Rập mới có địa bàn. Có công tìm ra thuốc súng, nhưng lại làm pháo đốt choi. Cái đồng hồ nước (lập khắc) họ học tận Trung Á. Họ chỉ giỏi về nghệ thuật và kĩ nghệ sản xuất xa xỉ phẩm. Họ khéo làm đồ đồng, đồ ngà, đồ sành, dệt lụa, nấu giấy. Họ thiên về mặt đạo đức và khinh thị khoa học.

Họ nhờ giáo sĩ Jésuite mà hiểu được vai trò kĩ thuật trong sự tiến hóa xã hội. Nhưng sợ già tâm của các cường quốc châu Âu, họ trực xuất giáo sĩ, chỉ dung túng thương nhân ngoại quốc (Ý Pha Nho, Anh, Hòa Lan, Pháp, Đan

Mạch, Thụy Điển) đi lại ở Quảng Châu, nhưng lại kiểm soát rất chặt chẽ. Họ còn nhò các thương nhân này làm trung gian buôn bán với Ấn Độ.

Người Tàu ít chú ý đến khoa học, đến nỗi khi giáo sĩ Jésuite bị ngược đãi, phải bỏ công việc đúc súng, thì trong đám trí thức Trung Hoa không người nào đủ sức đảm đương. Họ không thích khoa học không những vì thiếu tinh thần thực tiễn mà vì sự du nhập khoa học vào Trung Hoa có thể làm biến đổi nền kinh tế phong kiến cùng phá hoại văn hóa cổ hữu bấy lâu làm cơ sở cho chế độ quân chủ chuyên chế. Hơn nữa biết người châu Âu tài hơn, mạnh hơn và hiện đang cần đất thực dân, cần thị trường, sớm muộn sẽ chinh phục nước Tàu, họ thi hành triệt để chính sách bế quan tỏa cảng, tưởng có thể trừ được hậu hoạn, và sống yên giữa một đại lục mênh mông như trước. Nhưng không bao lâu, các đế quốc Âu – Mĩ dùng vũ lực đến phá cửa và mở ngay trên đất Tàu một thời kì lịch sử mới tức là thời Hiện đại.

TÓM TẮT

1. Nhà Thanh muốn mãn hóa người Trung Hoa, nhưng rốt cuộc hán hóa. Các vua Thanh cũng theo lề lối nhà Minh mà trị nước. Các vua đầu là vua giỏi, nên nước thái bình.
2. Nhà Thanh bỏ chế độ quan liêu, đem ruộng đất chia cho dân cày. Đối với người Hán, triều đình tìm cách mua chuộc những người có uy tín. Nhưng chính sách chuyên chế được áp dụng triệt để, cấm ngôn luận, cấm kết xã, họp đoàn. «Ngục văn tự» là một biện pháp tàn ác đối với trí thức.
3. Nhà Thanh chiếm Đài Loan, đánh quân Nga phía Bắc, chinh phục Mông Cổ, Tây Tạng, sáp nhập đồng bộ Tân cương, thâu phục các nước phía Tây cao nguyên Pamir, đánh Miến Điện, tiêu diệt các giống rợ Miêu ở miền Nam, chi phối Xiêm, An-nam, các xứ Caboul, Boukhara, A Phú Hãn, Népal. Uy thế ngang với đế Hán, Đường.
4. Học thuật, văn nghệ đìn Thanh phát triển mạnh. Khang Hy, Càn Long là những vua có công nhất. Về kiến trúc, đại bộ phận cung điện bị thiêu hủy được xây cất lại. Về hội họa, Trung Hoa bắt đầu chịu ảnh

hướng Tây phuong. Về tôn giáo, triều đình cho tự do tín ngưỡng, nhưng về sau ngược đãi và trực xuất giáo sĩ Da Tô, thi hành triệt để chính sách bế quan tỏa cảng, làm cho sự du nhập khoa học phuong Tây vào Trung Hoa phải gián đoạn.

KẾT PHẦN THỨ HAI

Trong cuốn II, chúng tôi đã nhấn mạnh rằng thời Trung cổ, Trung Hoa tiến bộ cùng một nhịp với châu Âu. Trình độ và tinh cách văn minh hai bên không khác nhau mấy. Châu Âu cũng nhờ kim chỉ nam của Trung Hoa để phát kiến các đường hàng hải, nhờ thuốc súng để mở mang đất thực dân, nhờ giấy để truyền bá học thuật, tư tưởng. Nhưng từ thế kỉ 14 trở về sau thì Trung Hoa đứng hẳn lại, trong lúc châu Âu vùn vút đi tới.

Nguyên nhân sự cách biệt ấy, như đã nói trong bài kết Lịch sử Thế giới thời Trung cổ, là ở Trung Hoa trung tâm thương mãi, kĩ nghệ không phát triển được. Trung tâm thương mãi, kĩ nghệ không phát triển thì giai cấp tư sản không thể xuất hiện. Mà giai cấp này, thời Cận đại, đóng một vai trò căn bản trong sự tiến hóa của xã hội châu Âu.

Nước Tàu nhở đất rộng có thể tự tục được. Nó lại đứng giữa các dân tộc hèn yếu hơn mình, nên trong cuộc tranh đấu sống còn, nó luôn luôn giữ ưu thế. Thắng hoặc có vài dân tộc như Mông Cổ, Mãn Châu chiến thắng Hán tộc, nhưng các dân tộc này vẫn hóa lai thấp hơn. Khi làm chủ nước Tàu họ không làm gì khác hon là bắt chước các triều vua trước, thành lập

chế độ chuyên chế truyền tử lưu tồn.

Thương mãi Trung Hoa cũng có lần phát triển mạnh, nhưng đến một mức nào đó thì bị triều đình hạn chế. Bởi thương nhân lại bị khinh khi. Họ chỉ biết đồn chứa tiền bạc, mua nhiều ruộng đất để trở thành một nhà quý tộc, hay chiếm một địa vị trong hàng quan lại. Họ lại sống riêng lẻ, không tổ chức thành những đồng minh như ở châu Âu và dễ bị đàn áp, chi phối.

Đời Minh, chiến thuyền Trung Hoa sang tận châu Âu, những chiến thuyền không phải là thương thuyền. Các vua cốt tuyên dương oai đức chứ không chú trọng đến quyền lợi kinh tế. Khang Hy, Càn Long chiếm được nhiều đất, nhưng giữa chánh quốc và thuộc quốc chỉ có những mối liên lạc mỏng manh về chính trị mà thôi. Mục đích chiến tranh chính phạt không phải là mở đất thực dân, chiếm thị trường mà là bắt nước yếu chịu thần thuộc và nộp cống.

Thế kỷ 16, 17 tiếp xúc với châu Âu, các vua chỉ để ý đến một ít quyền lợi trong việc đánh thuế các thương nhân. Đến khi thấy học thuật, khoa học châu Âu có mồi dụng chạm tới quyền thì họ liền trực xuất người ngoại quốc.

Chính sách bế quan tỏa cảng đến đời Thanh được thi hành triệt để. Biết người châu Âu tài hon và sợ người châu Âu cướp nước, người Tàu không cố gắng cho bằng họ mà lại làm như con ngựa kia, khi gấp cõp, chun đầu vô bụi. Họ đóng cửa, nhưng cánh cửa

mỏng manh không chịu nổi sức tấn công của đại bác.
Đọc Lịch sử thế giới thời Hiện đại, chúng ta sẽ thấy
con sư tử Trung Hoa phải chạy, phải nhảy dưới ngọn
roi Âu – Mĩ như thế nào?

PHẦN THỨ BA

NHẬT BẢN LƯỢC SỬ TỪ KHỞI THỦY ĐẾN THỜI MẠC PHỦ

CHƯƠNG I

LƯỢC SỬ NƯỚC NHẬT TỪ KHỞI THỦY ĐẾN THỜI ĐẠI MẠC PHỦ

- 1. Góc tích nước Nhật.*
- 2. Thời Cổ sơ.*
- 3. Thời Cận đại.*
- 4. Thời Trung cổ: chế độ phong kiến.*
- 5. Mạc Phủ.*

1. Nước Nhật là một quần đảo gồm có 4223 hòn. Sáu trăm hòn có người ở, nhưng chỉ có năm hòn được một

diện tích đáng kể. Lớn nhất là hòn Hondo: 210.000km², nửa diện tích của toàn thể quần đảo. Ngày nay khoa học đã chứng minh rằng những đảo ấy sinh ra vì vỏ trái đất chuyển động. Nhưng mấy ngàn năm trước người Nhật bảo rằng tổ tiên họ là một người đàn ông Izanagi và một người đàn bà Izanami, hai anh em ruột. Hai người này được lệnh các vị thần tối cổ sai thành lập nước Nhật. Họ bèn đứng trên vòm trời, cầm một đoàn đao nạm kim cương phóng xuống đại dương rồi vót lên: mỗi giọt nước từ đoàn đao rơi xuống biến thành một hòn đảo. Hai anh em Izanagi và Izannami phối hợp nhau sinh ra dân tộc Nhật. Từ con mắt trái của Izanagi Thái dương thần nữ Ninigi xuất hiện, và cháu nội của Thái dương Thần nữ Nigigi là tổ tiên của hoàng đế. Bởi vậy từ ngày lập quốc đến nay, nước Nhật chỉ có một dòng vua.

Dân tộc nào cũng có một thần thoại để cất nghĩa nguồn gốc của mình. Nhưng các nhà học giả lại căn cứ vào khoa học bảo rằng giống Nhật gồm có ba dòng máu: một dòng máu da trắng từ sông Hắc Long tới Nhật vào thời kỉ Tân Thạch Khí, một dòng máu da vàng Mông Cổ tới ở Triều Tiên và từ Triều Tiên tiến sang Nhật vào thế kỉ thứ 7 trước Da Tô, sau hết là dòng máu Mã Lai hoặc Anh-đô-nê-diêng từ các đảo phía Nam lên. Sự hỗn hợp các giống dân ấy trải qua thời gian tạo ra người Nhật.

2. Theo sử Tàu thì thế kỉ thứ 4, người Nhật vẫn còn là một giống rợ, mặt vê, thường cầm đoàn đao, mang cung tên, bận quần áo may chung làm một, đi chân không, thích uống rượu. Xã hội vừa là phong kiến, vừa là bộ lạc có một

tù trưởng, oai quyền như vua. Dưới vua là địa chủ, sau hết là nông dân cày ruộng cho địa chủ.

Người Nhật theo đạo đa thần. Họ thấy ở đâu cũng có thần cả, từ một vị tinh tú đến con sâu, cọng cỏ.

Tôn giáo cổ nhất của họ là Thần đạo (Shinto), đạo thờ cúng ông bà. Theo đạo này, người Nhật thờ ông bà trong gia đình, ông bà của bộ lạc và ông bà có công dựng ra nước Nhật.

Năm 522, đạo Phật từ Trung Quốc truyền sang Nhật, phát triển rất mạnh. Dân chúng Nhật nhận thấy ở đạo Phật một nguồn an ủi, giúp họ quên đau khổ. Giai cấp quý tộc nhận thấy đạo Phật làm cho dân hiền lành, dễ trị. Nhờ đó xã hội dễ an toàn và chính quyền dễ củng cố. Nữ hoàng Suiko (592-621) tôn đạo Phật lên làm quốc giáo, che chở tăng già và cho lập chùa thờ Phật. Văn chương, hội họa thời ấy chịu ảnh hưởng Phật giáo.

Nửa thế kỉ thứ 7 trôi đi, nước Nhật từ giai đoạn thị tộc, bán phong kiến tiến tới giai đoạn quân chủ chuyên chế. Ngôi vua lột vào tay quốc vương Naka. Ông thâu hết chính quyền, bỏ nhậm quan lại, thâu thuế, làm chủ đất đai và thành lập một quốc gia kiên cố.

3. Từ đó, vua được gọi là hoàng đế. Đạo Phật vẫn được tôn sùng. Nhiều vua nhường ngôi lại cho con cháu để đi tu. Nhưng cũng có một ông vua tương tự như Lê Ngọa Triều nước Nam tên là Yozei. Ông bắt người leo lên cây rồi truồng cung bắn: gấp con gái ngoài đường thì trói lại

vứt xuống ao: cởi ngựa chạy khắp kinh thành, tay cầm roi quất kẻ qua đường v.v...

Năm 794, triều đình thiên đô từ Nara đến Nagaoka, rồi về Kyoto. Năm 1190, Kyoto là một kinh thành đến nửa triệu dân. Bọn quý tộc ở một khu riêng biệt. Những tộc lớn như Fujiwara, Taira, Minamoto và Sugawara cầm vận mạng nước Nhật trong tay, phế lập hoàng đế và tranh giành quyền thế lẫn nhau.

Đời Daigo (898-930), nước Nhật chịu ảnh hưởng văn hóa nhà Đường bên Tàu. Người Nhật học theo người Tàu cách ăn mặc, nấu nướng, thể thao, chữ viết, văn thơ, âm nhạc, kiến trúc v.v... Tuy nhiên người Nhật ngày xưa cũng như ngày nay biết dung hòa yếu tố văn hóa bên ngoài với tinh thần cổ hủ của mình để tạo thành một nền văn minh riêng cho dân tộc.

Thời Engi (701-922), nước Nhật đã tiến tới chỗ cực thịnh. Kinh thành Kyoto cũng tráng lệ như Ba Lê, Versailles của Pháp hồi thế kỉ 18; đời sống của bọn quý tộc hết sức kiêu sa.

Các thời này không bền lắm. Dân chúng không kham nhiều đàm phu. Trong nước dần dần bạo loạn nổi lên, chống sưu cao thuế nặng, chống ô lại, tham quan. Triều đình cần tiền, phải bán danh buôn tước; bọn vô liêm, bọn bất lực nhân đó lên địa vị cao sang, cầm vận mạng của dân, của nước. Có một lúc cường đạo hoành hành như chỗ không người. Ai nhiều sức mạnh thì làm vua, làm chúa. Các vọng tộc tự do tổ chức quân đội riêng, tranh giành quyền phế lập.

Họ chiếm mỗi người một địa vị, gây chiến với nhau không ngót. Chế độ quân chủ Nhật tối đây tan rã để nhường chỗ cho một chế độ khác đang thành hình: chế độ phong kiến.

4. Trong tình trạng ấy hoàng đế chỉ còn giữ được huy vị; nước Nhật bị chia thành nhiều vùng, mỗi vùng có một chính phủ tự trị do một tướng quân cầm đầu gọi là Shogun tức là chúa. Nông dân trong nước thường bị kẻ cướp đánh phá, phải nộp thuế cho chúa để nhờ chúa che chở. Chế độ phong kiến do đó xuất hiện. Trong chế độ này, chính phủ trung ương yếu quá không giữ được an ninh trật tự; nhiệm vụ này phải do các chính phủ địa phương của chúa đảm nhận.

Đến năm 1192 Yoritomo trong bộ lạc Minamoto họp các chư hầu, tổ chức một chính phủ quân nhân chấp quốc, chi phối được các chúa. Năm 1198, Yoritomo chết, các con đều nhu nhược. Chính quyền lọt về tay Hojo (1199). Họ này giữ ngôi chúa tể một trăm ba mươi bốn năm. Nước Nhật trong thời gian ấy có đến ba chính quyền: dưới hết là chính quyền của hoàng đế, rồi đến chính quyền của chúa. Trên hết là chính quyền chấp quốc của họ Hojo⁽¹⁾. Vua nhà Nguyên là Nguyên Thuận Đế nhân đó phái một đội chiến thuyền lớn và 10 vạn quân sang chiếm Nhật, nhưng chiến thuyền Nguyên gặp bão đánh đắm, bảy vạn quân tử nạn, còn bao nhiêu bị người Nhật bắt làm nô lệ.

Năm 1333, họ Hojo suy nhược. Nhật hoàng họp cùng

(1) Tàu gọi là Bác Diêu.

các họ khác đánh dẹp. Họ này bị thua. Nhật hoàng thâu lại quyền chính. Sứ gọi là thời kì Kiến Võ trung hưng.

Thắng được họ Hojo, tướng quân Takaugi⁽¹⁾ trong họ Ashikaga, quay lại phản Nhật hoàng. Cháu Takaugi mở Mạc Phủ (phủ chúa) tại Koyto, cai trị nước Nhật ngót 250 năm.

Trong khoảng 250 năm ấy, nước Nhật bị quân phiền chia xé. Số anh hùng kể có hàng trăm, đánh nhau không ngót. Sứ gọi là thời Chiến quốc. Nhiều võ sĩ thua trận biến thành giặc biển, đánh phá duyên hải Trung Hoa.

Trong quân phiền có ba nhân vật nổi tiếng nhất trong lịch sử Nhật là: Nobunaga, Hideyoshi⁽²⁾ và Ieyasu⁽³⁾. Nabunaga muốn thống nhất quốc gia, nhưng mục đích chưa đạt thì bị giết. Bộ trưởng là Hideyoshi nối chí ông. Trong ba năm Hideyoshi làm chủ được nửa nước Nhật, cất quân đánh Triều Tiên và Trung Quốc, nhưng đánh mãi không thắng được.

Hideyoshi chết, Ieyasu đánh bại con Hideyoshi là Hideyori⁽⁴⁾, cướp ngôi chúa, dẹp quân phiền, thống nhất lãnh thổ, tổ chức việc cai trị, kết liễu thời chiến quốc, mở đầu thời Mạc phủ Đức Xuyên Gia Khang. Hai trăm bảy chục lãnh chúa trong nước đều phải qui phục ông. Chính quyền lãnh chúa tối đây suy yếu; chính quyền trung ương bắt đầu phát triển.

(1) Túc Lợi Tôn, bộ tướng Bắc Diêu.

(2) Phong thần tú cát.

(3) Đức xuyên gia khang.

(4) Tu lại.

5. Ieyasu (Đức Xuyên Gia Khang) có tài tổ chức và tài chính trị. Ông chú ý giữ an ninh, trật tự trong nước. Để trữ tinh thần hiếu chiến của võ sĩ, ông khuyến khích họ nghiên cứu văn chương, triết lí và che chở nghệ thuật. Thời ông, quân nhân chủ nghĩa suy mà văn hóa thịnh. Ông bảo rằng: dân là gốc của nước, và khuyên kẻ kinh nghiệp mình phải biết thương người có quả, bần hàn. Tuy nhiên, ông không ưa tư tưởng dân chủ. Tội nặng nhất, đối với ông, là tội bất tuân bê trê. Ông cho giết kẻ nào bất tuân và giết cả gia đình kẻ nào bội nghịch.

Năm 1616 Đức Xuyên Gia Khang chết. Ông dặn lại kẻ nối nghiệp: "Con hãy săn sóc thần dân, hết lòng tô bôi đạo đức, giữ gìn đất nước". Và dặn bầy tôi: "Con ta đã khôn lớn. Ta không lo gì cho tương lai xứ sở nữa. Nhưng nếu con ta lầm lỗi trong việc trị dân thì các khanh hãy đâm đang lấy quốc sự. Quốc gia không phải là của riêng của một người mà là của chung. Nếu con cháu ta vì lầm lỗi mà phải mất quyền, ta không luyến tiếc gì hết".

Các chúa sau đều hết lòng lo giữ ngôi chúa. Chúa Yoshimune đặc biệt chú ý tới sinh hoạt của dân. Gặp lúc quốc khố khánh kiệt, ông vay tiền nhà giàu giúp dân, công kích sự xa xỉ, hạn chế sự tiêu pha của chính phủ, sa thải bớt cung nữ trong triều. Chính chúa cũng bận quần áo vải, ngủ trên một chiếc sập nông phu, ăn uống đạm bạc. Trước đền vua, chúa cho lập một tòa án tối cao, đặt một thùng thư để nhận đơn kiện cáo và khuyến khích dân chúng chỉ trích chính phủ, quan lại. Có một người công kích chính

trị chúa, chúa liền cho đem bản cáo trạng đọc trước công chúng và trọng thưởng tác giả.

Uy quyền Mạc phủ tăng bao nhiêu thì uy quyền hoàng đế giảm bấy nhiêu. Hoàng đế ngồi làm vua, mỗi năm lãnh một số tuế bổng do chúa phát. Nhiều người trong vương thất phải tự mưu sinh như bán tăm xà răng, nhang, dù; có người chuyên nghề cò bạc. Chúa tìm đủ cách làm cho dân chúng không gần được vua, không biết tới vua, và làm cho vua quen với đời sống suy nhược cạnh tửu sắc.

TÓM TẮT

1. Người Nhật là con cháu của ba giống người: người da trắng ở sông Hắc Long, da vàng ở Mông Cổ và da đen ở Nam Á. Ba giống người ấy di cư đến đất Nhật vào một thời đại rất cổ hỗn hợp với nhau.
2. Cuối thời Thượng cổ, người Nhật vẫn còn man rợ, theo đạo đa thần, sống thành bộ lạc. Thế kỉ thứ 6 có đạo Phật từ Trung Quốc truyền sang. Thế kỉ thứ 7 trở đi Nhật đã là một nước quân chủ.
3. Thế kỉ thứ 9, Nhật chịu ảnh hưởng văn hóa Trung Quốc. Thế kỉ thứ 10, Nhật đã tiến bộ như các nước châu Âu thời ấy. Nhưng không bao lâu chế độ quân chủ suy, chế độ phong kiến thành lập.
4. Nước Nhật bị qua phản, chiến tranh không ngớt trong vòng 250 năm. Đến thế kỉ 16, trong quân phiến có Đức Xuyên Gia Khang (Ieyasu) là xuất chúng; ông thống nhất nước Nhật, chấm dứt thời kì chiến quốc.
5. Thời Đức Xuyên Gia Khang, nước Nhật cường thịnh. Các chúa nổi nghiệp đều tận tâm. Nhưng Mạc phủ cố làm cho vua suy nhược để thu hết quyền binh.

CHƯƠNG II

XÃ HỘI NHẬT BẢN, THỜI MẠC PHỦ

1. Kinh tế.

- a) Kinh tế tư sản phá hoại kinh tế phong kiến.
- b) Kinh tế tư sản thất bại.

2. Xã hội, chính trị.

- a) Đảng cấp.
- b) Tổ chức chính trị.

3. Văn hóa.

- a) Đạo Phật, đạo Da Tô, tư tưởng khoa học.
- b) Phong tục, văn nghệ.

1. Nước Nhật đến thế kỉ thứ 14 đã bước sang giai đoạn phong kiến⁽¹⁾. Hoàng đế chỉ còn hư vị, chúa cũng không có thực quyền. Mỗi lãnh chúa hùng cứ một vùng.

a) Nền kinh tế trong nước cũng biến đổi để thích ứng với chế độ xã hội mới. Nước Nhật hồi ấy giao

(1) Đọc lại chương trên: Lược sử nước Nhật.

thương với Trung Quốc. Thành phố Osaka⁽¹⁾, đảo Kyoushou và hải cảng Sakai là những trung tâm thương mại quan trọng. Người Nhật tải đồng, diêm sinh, quạt, đồ sơn, binh khí sang Tàu để đổi lấy tiền, sắt, vải, sách, họa, phẩm, dược phẩm. Một giai cấp thương nhân giàu có xuất hiện; họ tổ chức kĩ nghệ, chế tạo binh khí bán cho lãnh chúa. Giữa thế kỉ 14, địa chủ bỏ vốn ra buôn bán. Họ biến thành những nhà tư sản rất thanh thế, nhất là ở các hải cảng; họ cho tất cả các lãnh chúa vay tiền. Nhiều thành phố như Sakai thành ra những trung tâm tài chính nằm trong tay họ. Các lãnh chúa phải nhường họ nhiều đặc quyền về chính trị và tư pháp để đổi lấy một ít quyền lợi kinh tế.

Chiến tranh phong kiến không phuong hại đến thương mại mà còn mở thêm thị trường tiêu thụ hàng hóa⁽²⁾.

Các lãnh chúa phong kiến chuyên sống bằng chiến tranh và thổi địa, khinh thị nhà buôn, nhưng dung túng bọn thương nhân để thâu các thứ thuế thông hành, qua cầu, đậu bến.

Cũng như các thành phố châu Âu, bên cạnh xã hội phong kiến, xuất hiện một xã hội mới do bọn thương nhân cầm đầu.

Và cũng như ở châu Âu, nền kinh tế thương mại hủy

(1) Tàu gọi là Ốc đảo.

(2) Ở thành thị, thợ thủ công và những nhà sản xuất vải, giấy, vàng lá, hợp thành nghiệp hội, và ở hải cảng các thương nhân tổ chức thành thương nghiệp đồng minh.

hoại kinh tế phong kiến, làm suy sụp chế độ lãnh chúa. Bọn nông dân nổi dậy và gây thành những phong trào xã hội chống quý tộc, chống tăng lữ và có khi chống bọn tư sản thịnh thị muốn mở rộng thế lực ra thôn quê.

b) Đến thế kỉ 17, đồng thời với sự phát triển kinh tế, Nhật tiến mạnh đến chế độ quân chủ. Khắp nước, các lãnh chúa cũng như các thương gia đều ở dưới quyền Mạc phủ (chúa). Một chính quyền trung ương bắt đầu thành lập, phá vỡ chính quyền lãnh chúa. Trong lúc ấy thì giai cấp tư sản làm chủ các thành thị.

Cuối thế kỉ 17, nền kinh tế đã thay đổi hẳn. Giai cấp tư sản giàu mạnh thêm, còn giai cấp quý tộc thì lại khánh tận. Tiền được dùng làm căn bản trong sự đổi chác thay cho lúa gạo. Nhiều thương nhân có kho đụn khắp nước.

Nông dân trước kia tùy thuộc lãnh chúa, nay lại tùy thuộc thương nhân. Bọn này vừa là chủ điền, vừa giữ quyền bán lúa, bóc lột nông dân, khiến họ phải tràn về thành thị kiếm sống. Nhưng ở đâu họ cũng không tránh khỏi được đói khổ vì giá sinh hoạt tăng lên vùn vụt. Để tránh nạn đói và để giữ nông dân ở lại đồng ruộng, các lãnh chúa cũng mở mang nghề thủ công trong lãnh địa mình, như nghề dệt vải, dệt lụa.

Thương mại phát triển, giai cấp tư sản đòi quyền xuất cảng gạo và giao thương với ngoại quốc. Đó là bước đầu của nước Nhật để tiến sang một giai đoạn mới.

Giữa thế kỉ 16, người Nhật đã giao thương với Trung

Hoa, Phi Luật Tân, Nam Dương quần đảo, Việt Nam, Cao Miên.

Thấy người Bồ Đào Nha có tàu lớn và súng đồng, các lãnh chúa lợi dụng họ để chiếm cứ thành thị và cướp giật miền duyên hải Trung Hoa⁽¹⁾. Vừa tới đất Nhật các giáo sĩ Jésuite đã lo chấn chỉnh nghề ấn loát, cải thiện nghề đóng tàu, mở lò đúc súng. Aanh hưởng họ rất lớn. Nhật theo đạo Thiên chúa rất đông.

Thời Hideyoshi, nước Nhật đã có một đội chiến thuyền khá mạnh đánh được người Y Pha Nho ở Manille, chiếm được Đài Loan, tấn công được Triều Tiên.

Đức Xuyên Gia Khang (Ieyasu) tiếp tục chính trị của Hideyoshi, mở mang đế quốc và nhốt người Y Pha Nho, Hòa Lan làm trung gian với ngoại quốc. Nhưng lúc ấy xảy ra việc các giáo sĩ Jésuite, Dominicain và Franciscain gièm pha lẩn nhau. Đồng thời ở Phi Luật Tân 20.000 người Tàu bị người châu Âu tàn sát. Đức Xuyên Gia Khang sợ ngoại quốc xâm lăng. Ông liền trực xuất giáo sĩ Da Tô (1613), cấm người Nhật ra ngoài nước buôn bán (1624). Từ đó Nhật quay về nội địa, theo chính sách phong kiến. Kết quả, xã hội gặp khủng hoảng, nông dân và tín đồ Da Tô nổi loạn. Chính phủ một mặt đàn áp phong trào, một mặt trực xuất và phát lưu các thương nhân, giáo sĩ Bồ Đào Nha, Y Pha

(1) Người Bồ Đào Nha đến Nhật năm 1542, tại đảo Kagoshima; năm 1549 họ đến thủ đô Koyto.

Nho (1638), thi hành chính sách bế quan tỏa cảng cho đến thế kỉ 19 khi tàu Mĩ xả súng bắn vào đất Nhật.

2. a) Xã hội Nhật chia thành nhiều giai cấp: Giai cấp quý tộc, nông dân, thủ công và thương nhân. Giai cấp quý tộc gồm có hoàng đế, lãnh chúa, vương hầu, hiệp sĩ. Hạng hiệp sĩ đông hơn hết (hơn một triệu người), chức vụ của họ là phụng sự lãnh chúa. Tinh thần hiệp sĩ ở Nhật rất mạnh. Theo nguyên tắc thì người quý phái Nhật nào cũng phải làm hiệp sĩ và hiệp sĩ nào cũng là quý phái. Vì vậy đẳng cấp hiệp sĩ bao gồm mọi tầng lớp quý phái.

Hạng thương nhân thời Trung cổ bị coi rẻ hơn hết. Quý tộc chỉ lợi dụng họ để lấy tiền chi dụng ở triều đình. Ngoài ra, còn có hạng nô lệ và hạng cung đình hạ tiện làm những nghề mà các giai cấp trên không muốn nhúng tay tới như nghề đồ tể, ở đọ...

Thời Mạc phủ đại đa số dân chúng là nông dân (gần ba chục triệu). Người đông, đất ít, số đất trồng trọt được chỉ chiếm một phần tám diện tích nước Nhật. Hầu hết nông dân sống kham khổ. Họ phải nộp cho nhà nước mỗi năm ba chục ngày xâu và các thứ sưu thuế khác. Thời Đức Xuyên Gia Khang nhà nước định tiền công làm mướn rất hạ. Dân chúng làm không đủ ăn. Nếu gặp tai trời vạ đất (như hỏa hoạn, động đất), tinh cảnh thương tâm không sao kể xiết.

b) Sự tiến hóa của nước Nhật và các nước Tây Âu có chỗ khác nhau: ở Tây Âu chế độ quân chủ dựa vào giai cấp tư sản và kinh tế thành thị mà củng cố. Trái lại, ở Nhật thành thị và thôn quê sống cách biệt nhau. Thôn quê nằm

dưới quyền lãnh chúa, sống bằng đất đai; còn thành thị nằm dưới quyền giai cấp tư sản, sống bằng thương mãi và giao dịch với nước ngoài. Sự phát triển của thành thị ảnh hưởng mạnh đến thôn quê và gây thành những phong trào xã hội lớn. Các lãnh chúa phải lo bố trí biện pháp tự vệ. Họ lo trừ khử chiến tranh, tổ chức pháp luật, trừng phạt những kẻ gây loạn. Trong lãnh địa, quyền lãnh chúa là tuyệt đối và tính cách truyền tử lưu tôn. Dời này sang dời kia, các lãnh chúa thôn tính lẫn nhau, các nước nhỏ hợp thành nước lớn. Đầu thế kỉ 16 chính quyền tập trung vào một số ít người.

Thời Đức Xuyên Gia Khang tuy chính quyền địa phương vẫn còn, nhưng các lãnh chúa đều phục tùng Mạc phủ, và Mạc phủ chỉ phái cả nước, bắt đầu tổ chức chế độ trung ương tập quyền.

3. (a) Người Nhật ngoài Thần đạo, còn tôn sùng đạo Phật. Có khi hòa lẫn hai đạo ấy làm một, đặt đúc Phật ngang hàng với thần Amaterasu và thờ chung một chùa. Các vị sư lúc đầu là những bức từ bi, thông thái, có công lớn với văn minh Nhật. Họ là những dịch giả các tác phẩm văn nghệ Ấn, Trung Hoa ra tiếng Nhật, là những tay hội họa, điêu khắc danh tiếng. Nhưng về sau, họ sinh ra lười biếng, sa đọa; có người làm chính trị; có người làm thầy cúng, dùng tà thuật kiếm ăn. Đến đời Mạc phủ Đức Xuyên Gia Khang, các sư biết uống rượu, nuôi nhân tình, làm những chuyện tà dâm và đem các chức phận công giáo ra bán. Thế kỉ 16, đạo Da Tô được truyền bá mạnh. Các giáo sĩ Bồ Đào Nha nối gót các thương nhân đến Nhật. Các lãnh chúa Nhật

muốn lợi dụng người Bồ Đào Nha để củng cố địa vị và bảo vệ quyền lợi, cho họ tự do buôn bán và đồng thời khuyến khích dân Nhật theo đạo Da Tô để mua lòng họ.

Cuối thế kỉ 16, giáo sĩ Y Pha Nho giòng Diminicain cũng tới Nhật. Các giáo sĩ này tố cáo với người Nhật là giáo sĩ Jésuite có ý muốn xâm lăng. Chúa Hideyoshi bấy lâu thấy giáo sĩ Jésuite đi sát cánh với các lãnh chúa đã có ý lo ngại; ông tin lời tố cáo ấy và phái người sang Ba Tư, La Mã dò xét tình hình người Âu. Khi biết được cuộc tàn sát Saint-Barthélemy, các hành động của tôn giáo pháp đình và việc buôn bán nô lệ da đen ở châu Phi, ông liền trực xuất hết giáo sĩ, chỉ giữ lại thương nhân.

Cuối thế kỉ 17, đạo Phật đã suy. Đồng thời với sự biến chuyển kinh tế, xã hội, tư tưởng người Nhật cũng biến đổi. Họ bỏ đạo Phật, trở lại Khổng và theo triết học duy lí của Chu Hy. Trường đại học Yedo thành lập năm 1630 là trung tâm truyền bá tư tưởng mới. Đầu thế kỉ 18, người Nhật thiên về sử học hơn triết học. Cuốn lịch sử Nhật Bản được xuất bản năm 1715.

Tiếp xúc với người Âu, người Nhật cố hấp thụ tư tưởng Tây Âu. Chúa cho phép nhập cảng sách ngoại quốc và thành lập một học đường truyền bá khoa học. Y học, thiên văn học, vật lí học Tây Âu được đem vào Nhật đồng thời với các dụng cụ như kính hiển vi, kính viễn vọng, khí áp biếu. Trong công việc học hỏi này, người Hà Lan được người Nhật tin cậy hơn hết.

b) Thế kỉ 16, cùng với sự phát triển của giai cấp tư

sản, phong tục tập quán thay đổi rất mau. Đời sống kiêu sa được yêu chuộng và theo đó các ngành hoạt động khác được mở mang nhất là kịch trường và kĩ nghệ chế tạo sản phẩm nghệ thuật.

Thời Trung cổ, các nhà quý phái coi kịch trường là một trò tiêu khiển tự mình đàm đương lấy, các bực vương hầu cũng ra đóng tuồng. Thời cận đại vì cái quan niệm “xướng ca vô loại kịch trường giao cho hạng nghệ sĩ chuyên môn. Các vở tuồng hồi ấy cũng không còn chú trọng tuyên truyền luân lí, tôn giáo nữa mà có tính cách lanh man, thiêng về tình cảm.

Thế kỉ 17, nhiều vở kịch nổi tiếng được đem diễn và có nhiều soạn giả như Chikamatsu Monza yemon được so sánh với các bậc thiêng tài châu Âu.

TÓM TẮT

1. *Thế kỉ 14, Nhật đã giao thương với Trung Quốc. Người Nhật chế binh khí bán cho lãnh chúa. Ở các thành thị, giai cấp tư sản đã mạnh, cuối thế kỉ 17 lấn át giai cấp quý tộc. Kinh tế tư sản phát triển. Người ngoại quốc đến buôn bán và truyền đạo ở Nhật rất đông. Người Nhật lợi dụng cơ khí của họ để mở mang thị trường. Họ chiếm Đài Loan, đánh Triều Tiên. Nhưng đầu thế kỉ 17, Đức Xuyên Gia Khang sợ người Tây phương có ý xâm lăng, liền thi hành chính sách bế quan tỏa cảng.*

2. *Xã hội Nhật chia thành nhiều giai cấp. Giai cấp căn bản là võ sĩ và nông dân. Hạng trên gồm có giai cấp quý tộc được kính nể, hạng dưới bị khinh khỉ và bóc lột triệt để.*

3. *Tôn giáo được tự do truyền bá. Đạo Phật lúc đầu có công lớn với văn hóa Nhật; thế kỉ 16 có đạo Da Tô. Nhưng không bao lâu, giáo sĩ Da Tô bị trục xuất. Đạo Phật suy, người Nhật theo đạo Khổng và triết học Chu Hy. Đồng thời họ hấp thụ học thuật phương Tây và khảo cứu khoa học. Phong tục tập quán cũng thay đổi. Người ta thích đời sống kiêu sa. Kĩ nghệ sản xuất xi xỉ phẩm phát đạt đồng thời với kịch trường.*

NHỮNG BIẾN CỔ LỚN TRONG THỜI CẬN ĐẠI SẮP THEO THỨ TỰ THỜI GIAN

Thế kỉ	Năm	Âu Mĩ	BIẾN CỐ	Trung Hoa Nhật Bản	BIẾN CỐ
14	1368		Nhà Minh		
	1455		Gutenberg in cuốn thánh kinh đầu tiên.		
	1492		Kha Luân Bố tìm được châu Mĩ		
	1497		Vasco de Gama tìm được đường hàng hải Ấn Độ.		
	1516				Vua Vũ Tông cho người Bồ Đào Nha đến ở Quảng Châu.
	1517		Tôn giáo cách mạng bắt đầu.		
	1519		Magellan đi vòng quanh thế giới.		
	1536		Calvin thành lập giáo hội		
	1562		Chiến tranh tôn giáo ở Pháp.		
	1572		Cuộc tàn sát Saint Barthélémy.		
17	1598		Sắc lệnh Nantes.		

Lịch Sử Thế Giới

17	1613		Đức Xuyên Gia Khang trục xuất đạo Da Tô.
	1615		Đức Xuyên Gia Khang cầm quyền chúa.
	1616		Mãn Châu lập quốc. Thanh Thái Tôn Hoàng Thái Cực đổi quốc hiệu.
	1643		Hậu Kim ra Thanh.
	1715	Thời đại Louis XIV.	
	1648	Hòa ước Westphalia.	
	1649	Cách mạng Anh thứ nhất xử tử Charles 1 ^{er} .	
	1660		Nhà Thanh vào Trung Quốc.
	1662		Khang Hy
	1668	Hòa ước Aix-la-Chapelle.	
18	1684	Vi tích phân học Leibnitz	
	1685	Bãi bỏ sắc lệnh Nantes.	
	1687	Luật vũ trụ dẫn lực của Newton.	
	1701	Pierre de Grand lên ngôi	
	1703	Kiến trúc thành Saint-Pétersbourg.	
	1715		Lịch sử Nhật Bản xuất bản.
	1721	Hòa ước Nystadt.	
	1736		

Nguyễn Hiến Lê - Thiên Giang

	1756				Càn Long
	1763	Chiến tranh Bảy năm.			
	1769	I. Wat tu chỉnh máy hơi nước.			
	1770	Cook thám hiểm ven biển Úc.			
	1774	Lavoisier phân tích nước			
	1776	Tuyên ngôn thành lập Huê Kì.			
	1778				
	1783	Chiến tranh Huê Kì			
	1783	Hòa ước Versailles.			

MỤC LỤC

PHẦN THỨ NHẤT THỜI CẬN ĐẠI CHÂU ÂU

Chương I	2
Châu Âu từ Trung cổ sang Cận đại	2
Chương II	7
Sự phát triển các đường hàng hải	7
Chương III	21
Sự mở mang đất thực dân	21
Chương IV	28
Văn nghệ phục hưng	28
Chương V	40
Cách mạng tôn giáo phong trào cải cách	40
Chương VI	56
Cách mạng tôn giáo (tiếp theo) phong trào phản cải cách	56
Chương VII	60
Cách mạng tôn giáo (tiếp theo) chiến tranh tôn giáo ..	61
Chương VIII	71
Cách mạng dân chủ ở Anh chế độ đại nghị thành lập ..	71
Chương IX	78
Văn minh thế kỉ 17	78
Chương X	89
Chính sách chuyên chế và xâm lăng thời đại Louis XIV	89

Chương XI	98
Nước Nga dưới triều Pierre le Grand	98
Chương XII	108
Nước Huê Kì thành lập	108
Chương XIII	120
Tình hình châu Âu từ hòa ước Utrecht (1713) đến đỉnh chiến Aix-La-Chapelle (1748) và sau 1748	120
Chương XIV	135
Sự diễn tiến tư trào ở châu Âu từ cuối thế kỉ 17 đến 1789	135

PHẦN THỨ HAI
TRUNG HOA NHÀ MINH – NHÀ THANH
(TỪ THUẬN TRỊ ĐẾN CÀN LONG)

Chương I	151
Nhà Minh (1368-1660)	151
Chương II	164
Nhà Thanh từ thuận trị tới càn long (1644-1796)	164

PHẦN THỨ BA
NHẬT BẢN LƯỢC SỬ TỪ
KHỞI THỦY ĐẾN THỜI MẠC PHỦ

Chương I	179
Lược sử nước Nhật từ khởi thủy đến thời đại mạc phủ	179
Chương II	188
Xã hội Nhật Bản, thời Mạc phủ	188
Những biến cố lớn trong thời Cận đại sắp theo thứ tự thời gian.	197
Mục lục	198

LỊCH SỬ THẾ GIỚI - TẬP 2,3
NGUYỄN HIỀN LÊ - THIỀN GIANG

Chủ trách nhiệm xuất bản
NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG
Biên tập: NGỌC HOAN

NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP TP. HỒ CHÍ MINH
NHÀ SÁCH TỔNG HỢP
62 Nguyễn Thị Minh Khai, Q.1
ĐT: 38225340 – 38296764 – 38247225
Fax: 84.8.38222726
Email: tonghop@nxbhcm.com.vn
Website: www.nxbhcm.com.vn / www.sachweb.vn

GPXB số: 1414-2012/CXB/43-145/THTPHCM ngày 22/11/2012